

Nguyễn On Ngọc

Nam Định tỉnh địa dư chí mục lục

Phòng Địa chí Thư viện tỉnh dịch

1 - Thành trì

2 - Sơn xuyên

3 - Lý lộ

4 - Kiều thị

5 - Quan tân

6 - Duyên cách

7 - Nhân vật

8 - Phong tục

9 - Cổ tích

10 - Phương ngôn

11 - Kỹ nghệ

12 - Thổ sản

Nam Định 1997

Tựa

Năm Quý Tị, Thành Thái thứ 5 tháng giêng, quan Bắc kỳ kinh lược đại sứ họ Hoàng tự tay viết thư đưa cho 5 quan Đốc học 5 tỉnh, bảo biên soạn mỗi ông một quyển địa dư ở tỉnh mình làm đồ học, hạn cho 5 tháng trình lên. Lúc đó tôi làm Đốc học Nam Định, vâng mệnh phải làm. Tôi liền sức cho các viên Giáo thụ, huấn đạo ở các phủ, huyện phải kê cứu các xã thôn nơi mình làm việc, phải đúng sự thật, đệ lên cho tôi. Tôi tập hợp lại, xem xét chọn lọc mà lấy bỏ.

Đến tháng 5 thì làm xong. Ôi ! Các bản sách "Dư địa chí" của bản triều đều do các vị danh nho giỏi về sử học, rành về khảo cứu làm ra cả, thật là đáng quý, đáng truyền ra ở đời, không còn phải nghi ngờ gì nữa. Còn như quyển này vì việc quan mà phải làm, chỉ mong sao không phụ lòng muốn hiểu biết của quan Kinh lược sứ Bắc kỳ mà thôi. Trong đó có các khoản đề điều dài ngắn, thuế sưu nặng nhẹ, không phải là việc đáng chép, nhưng vì theo lệnh quan trên sức cho phải làm, không thể bỏ qua được. Những người đọc quyển sách này chỉ nên biết các việc xưa nay đều có khác nhau. Đây là ghi chép sự thật để xem trong lúc nhàn rỗi mà thôi.

Nói rằng để biết những việc hộ tịch khoán ước ở nơi hương thôn thì may ra được, chứ đem ra so sánh với các sách địa dư các triều đại trước thì đâu có giám.

Nay kính :

Ngày tháng 5 năm Thành Thái thứ 5

Người viết : Đốc học Nam Định hiệu Duệ Khê Nguyễn On Ngọc viết
tại phòng phía tây nhà học.

Nam Định địa dư chí

Tỉnh Nam Định bây giờ, thời Thuận Thiên nhà Lê gọi là Nam Đạo. Năm Quang Thuận thứ 7 đặt là Thiên Trường. Đến giữa đời Hồng Đức đổi làm xứ Sơn Nam. Nhà Mạc lấy những phủ Thái Bình, Kiến Xương đổi làm Hải Dương. Giữa đời Quang Hưng lại trở lại như cũ.

Năm Cảnh Hưng 2 đặt riêng lộ Sơn Nam Hạ, thống hạt 5 phủ : Thiên Trường (nay đổi làm Xuân Trường), Thái Bình, Kiến Xương, Tiên Hưng, Nghĩa Hưng. Đến đời Tây Sơn đổi làm trấn Sơn Nam Hạ. Đến đời Gia Long triều Nguyễn vẫn để như trước. Năm Minh Mệnh 2 đổi làm trấn Nam Định. Năm Minh Mệnh thứ 10 đặt thêm huyện Tiền Hải. Năm Minh Mệnh 12 lấy các huyện Hưng Nhân, Diên Hà của phủ Tiên Hưng, cho thuộc vào tỉnh Hưng Yên. Lấy 4 phủ : Xuân Trường, Nghĩa Hưng, Kiến Xương, Thái Bình và huyện Thanh Quan của phủ Tiên Hưng làm tỉnh Nam Định. Đặt quan Tổng đốc Định Yên thống hạt 2 tỉnh Nam Định, Hưng Yên. Lại đặt 2 ty Bố chính và án sát ở Nam Định.

Năm Minh Mệnh 13 đặt thêm phân phủ Kiến Xương, Thái Bình, Xuân Trường. Năm thứ 14 chia huyện Nam Chân (nay là Nam Trực) thêm huyện Chân Ninh (nay là Trực Ninh). Đặt thêm phân phủ Nghĩa Hưng.

Năm Tự Đức 4 giảm bớt các phân phủ Xuân Trường, Kiến Xương và bớt 4 viên huyện. Phủ Mỹ Lộc kiêm nhiếp huyện Thượng Nguyên, phủ Kiến Xương kiêm nhiếp huyện Thư Trì, phủ Chân Định kiêm nhiếp huyện Tiền Hải, phủ Thái Bình kiêm nhiếp huyện Thụy Anh. Lĩnh 4 phủ, 2 phân phủ, 18 huyện.

Năm Đồng Khánh lại đặt thêm huyện Hải Hậu (trích lấy 5 tổng ở huyện Trực Ninh và Giao Thủy mà đặt huyện Hải Hậu). Năm Thành Thái 2 lấy 2 phủ Kiến Xương, Thái Bình đặt làm tỉnh Thái Bình. Chức Tổng đốc Định Yên đổi làm Tổng đốc Định Ninh, thống lĩnh 2 phủ, 7 huyện, kiêm thống tỉnh Ninh Bình. Còn tỉnh Hưng Yên đổi cho thuộc quyền kiêm thống của tỉnh Hà Nội.

Thành phố

Thành phố Nam Định chu vi 830 trượng 7 thước 3 tấc, cao 1 trượng 2 thước 2 tấc, có 4 cửa. Hào rộng 6 trượng, sâu 6 thước, ở địa phận 4 xã Đông Mạc, Tức Mạc, Năng Tĩnh, Vị Hoàng thuộc huyện Mỹ Lộc, nguyên trước là kho Vị Hoàng.

Năm Gia Long 2 đắp thành đất làm trấn Sơn Nam. Năm Minh Mạng 14 mới ghép gạch xây thành. Đến nay chỉ còn Cột cờ, hành cung, dinh thứ 3 quan tỉnh và toà công sứ mà thôi.

Xét trong sách Nhất thống chép rằng : "Thành tỉnh Nam Định ở thượng lưu địa hạt, sông ngòi bao bọc, buôn bán đông đúc, chợ búa khít nhau làm một đô hội lớn. Cách vài dặm về phía tây bắc thành có ngã ba sông Vị Hoàng, đây là hạ lưu sông Nhị Hà, có chỗ rất sâu rộng (xưa nhà Lê thường đóng quân ở đây), chảy về phía nam đến ngã ba Ngô Xá làm sông Vị Hoàng, ôm lấy thành tỉnh làm lũy thiên tiện (nơi hiểm trở tự nhiên), chảy xuống qua thành phủ Nghĩa Hưng đến ngã ba sông Độc Bộ, rồi chi phía tả do thượng bộ chảy xuống thành phủ Kiến Xương, đến ngã ba sông Côn Giang. Chi phía hữu từ nhánh sông Vị qua phía đông tây thành phủ Xuân Trường làm ngã ba sông Dụng Nghĩa, lại làm sông Ngô Đồng. Bốn ngã đều chảy ra biển.

Có 6 cửa bể : Liêu, Lạc, Lạt, Lâu, Trà, Hộ đều có thể suốt đến thành tỉnh. Trước các cửa bể đều đặt đồn. Cửa Ba Lạt là sâu rộng nhất. Cửa Liêu là nơi ngày xưa tàu thuyền ở kinh ra vào thường đóng. Hai cửa bể này là quan yếu hơn cả.

Có các núi : Từ Mặc, An Thái, Lê Xá, Bảo Đài, Côi Sơn, Hồ Sơn dựng lên ở phía hữu.

Phía tây giáp tỉnh Ninh Bình, có dòng sông Vị Hoàng chảy vào sông Độc Bộ. Phía đông giáp Hải Dương, có sông Cao Hương, Lộng Khê chảy suốt đến cửa bể Thái Bình.

Ở bờ biển cát bồi dần thành các làng xóm thuộc các huyện Đại An, Trực Ninh, Giao Thủy, ruộng đất bãi bể ngày càng mở rộng. Những chỗ bùn lầy tiếp giáp với phần bể tỉnh Thanh Hoá, đại để thế đất bằng phẳng, rộng rãi, đất đai màu mỡ, dân cư đông đúc, thật là một trấn lớn của sứ Bắc Kỳ vậy.

Nghề nghiệp của nhân dân trong tỉnh nhiều nhất là nghề nông, thứ hai là nghề học, nghề buôn và nghề thợ thì ít. Học trò chuộng khí tiết. Dân cấy chuộng siêng năng, trung hậu. Cho nên đời Lê xưa đã khen là dân chuộng nghĩa. Gần đây cũng đã có khi hai ba năm không xảy ra vụ trọng án nào, nên triều đình khen là dân hiền dân tốt. Lại được ban cho biển ngạch " Mỹ tục khả phong " , " Nghĩa sĩ nghĩa bộ " trước sau nối nhau mà được.

Duy bọn buôn bán ở xung quanh thành thị thì đua nhau phù hoa sa xỉ, còn dân ở nơi hẻo lánh ăn nói thô kệch người ta thường gọi là tục kẻ bể. Nhưng nói về phong tục toàn tỉnh thì đại để là ít văn, nhiều chất kíp công ham nghĩ. Đây cũng là do tập thượng của phong thổ mà xui lên như vậy.

Xung quanh thành phố đều thuộc địa phận huyện Mỹ Lộc. Từ Vị Xuyên đến Năng Tĩnh cộng 12 phố. Bên ngoài dọc theo bờ sông Vị Hoàng có 3 bến đò là Đò Quan, Đò Chè, Đò Bái. Bên trong thì phụ theo thành cũ.

Từ cửa Nam trải qua cửa Đông, đến cửa Tây Bắc, dân nhóm họp lại thành 4 giang, ba chợ (chợ Ròng, chợ Phượng, chợ Vị Hoàng) họp ở giữa.

Tuy trước đây gặp nhiều lần binh hoả nhưng phong hội ngày càng mở mang, buôn bán ngày càng tấp nập. Nay cũng đã dần dần trở nên chỗ đô hội vui vẻ. Và lại, dọc theo một dải sông Vị Hoàng ôm ấp lấy thành phố, ở Năng Tĩnh thì có 3 đò ngang (đã nói ở trên), ở Đông Mặc thì có 3 đò dọc (đi Hà

Nội, Thái Bình, Hải Phòng). Phần đông thuyền buôn các tỉnh đến đó buôn bán hàng hoá. Trên xuống có các tỉnh Sơn Tây, Hà Nội, Hưng Yên. Trong ra có các tỉnh Nghệ An, Thanh Hoá, Ninh Bình. Ghe thuyền nhóm họp, đồ đạc đã nhiều, giang tre cũng đủ. Thêm vào đó lại có hoả thuyền ngày đêm chuyên chở khách buôn hàng hoá qua lại như mắc cửi, đường thuỷ lại càng thuận lợi. Có khi thuyền bè chật bến, sự buôn bán tấp nập trở nên một xứ đô hội, thứ nhất Hà Nội, thứ nhì Nam Định.

1- Phố Vị Xuyên : Dân tráng 158 người, dân hạng nhì có 5 người, dân hạng ba có 31 người. Trong phố có chợ Vị Hoàng.

2- Phố Vĩnh Lại : Dân tráng 136 người, dân hạng nhì 13 người, dân hạng ba 16 người.

3- Phố Đô Xá : Dân tráng 44 người, dân hạng ba 10 người.

4- Phố Đồng Lạc : Dân tráng 207 người, dân hạng ba 52 người. Trong phố có đền thờ Trần Hưng Đạo, nguyên dựng lên từ trước, đến đời Tự Đức quan Hiệp biện họ Đặng mới sửa sang lại. Nay nhân dân vẫn cúng lễ như cũ.

5- Phố Hai Cơ : Dân tráng 17 người, dân hạng hai 2 người, dân hạng ba 5 người. Trong phố có chợ Ròng. Trong chợ Ròng có nhiều đình ngôi, ở trên có đắp hình con rồng. Năm Thành Thái 2 người Pháp mới đặt ra, nay là một sở chợ đông đảo như của thành phố.

6- Phố Cửa Bắc : Dân tráng 13 người, dân hạng hai 3 người, dân hạng ba 4 người.

7- Phố Vĩnh Ninh : Dân tráng 33 người, dân hạng hai 6 người, dân hạng ba 9 người. Có một toà hội quán của tỉnh Phúc Kiến. Lại có một toà hội đồng của người Pháp, một sở giám thành đều ở trong phố này.

8- Phố Yên Lạc (An Lạc): Dân tráng 163 người, hạng hai 7 người, hạng ba 29 người. Có một toà hội quán Việt Đông và một nhà thờ đạo. Trong phố này nhà ngôi liền lũ, bốn phía đều có tường gạch rất là cao rộng. Duy ngôi nhà thờ cao nhất, trước cửa có ba chữ "Đặng đạo ngàn".

9- Phố Đông Thành : Dân tráng 61 người, hạng nhì 2 người, hạng ba 8 người. Có một toà nhà của quan Ma Giang.

10- Phố Tả Trường : Dân tráng 41 người, hạng nhì 7 người, hạng ba 11 người.

11- Phố Định Tĩnh : Dân tráng 63 người, hạng nhì 4 người, hạng ba 10 người. Có chợ Phượng.

12- Phố Năng Tĩnh : Dân tráng 4 người, hạng nhì 3 người. Có ba bên đò : đò Quan, đò Bái, đò Chè đều ở địa phận phố này. Ở bên đò Chè gần bờ sông có miếu Quan Công nguyên dựng lên từ xưa, nay mới sửa lại làm đền Võ miếu của bản tỉnh.

Huyện Mỹ Lộc

Huyện này ở đầu tỉnh Nam Định, phía đông giáp huyện Thu Trì phủ Kiến Xương 9 dặm (một dặm bằng 135 trượng), phía tây giáp huyện Thượng

Nguyên 5 dặm, phía nam đến sông Nhị Hà giáp huyện Thượng Nguyên, phía bắc giáp huyện Nam Xương tỉnh Hà Nam 22 dặm.

Đời nhà Minh thuộc phủ Phụng Hoá, đời Hồng Đức đổi cho lệ vào phủ hạt. Năm Minh Mạng 13 cắt riêng làm Thượng Nguyên phân phủ thống hạt. Năm Tự Đức 4 bỏ phân phủ lại đặt Tri huyện. Có 6 tổng 46 xã, thôn, trang, trại.

Thành trì

Huyện lỵ trước ở địa phận xã Hữu Bị. Năm Gia Long 15 dời đến xã Đông Mặc ở phía bắc thành tỉnh. Thành rào bằng tre, không có hào, ao, đất rộng 7 sào.

Sông núi

Sông Hoàng Giang ở phía đông bắc thành tỉnh, từ sông Nhị Hà chảy xuống ngã ba sông Hoàng (ở xã Hữu Bị tục gọi là Tuần Vương) sâu đến hơn 15 trượng. So với các sông thì sông này sâu nhất. Trên bờ sông có đền Thủy Tiên. Tục ngữ có câu : "Núi cao là núi Tản Viên, sông sâu là sông Thủy Tiên". Chỗ này nước chảy rất mạnh, rất xoáy nên thuyền bè qua lại rất kinh sợ, phải hết sức cẩn thận. Tục ngữ cũng nói : " 12 cửa bể cửa Hoàng đáng sợ nhất". Lại có tên gọi là cửa Vụng. Năm Tự Đức 3 kê vào loại sông lớn, được liệt vào hạng quốc tế. Minh sử chép rằng : " Nước An Nam có sáu sông lớn, Hoàng Giang là một". Năm Hồng Vũ thứ 3 nhà Minh sai sứ sang tế lại vẽ hình thế đưa về.

Sông Vị Hoàng ở phía nam huyện, theo ngã ba sông Hoàng Giang chia dòng chảy về phía tây. Từ cửa kênh Phụ Long chảy qua huyện Mỹ Lộc, Vụ Bản, Nam Trực dài 39 dặm. Đến huyện Đại An rồi cùng các ngọn nước của những núi ở Ninh Bình hợp dòng lại chảy qua phía bắc huyện Yên Khánh, phía nam huyện Đại An 13 dặm. Đến Lạch Ngang chia ra một chi chảy vào cửa Nhạc. Còn phái chính tức là sông Mặc chảy thẳng xuống cửa Liêu Hải. Tương truyền rằng cửa kênh Phụ Long (tức kênh Phù Lộng), từ đây cho đến sông Vị Hoàng xưa là đất bằng chỉ có một dòng khe nhỏ chảy vào cầu Vĩnh Tế, đi vòng phía sau xã Túc Mặc, qua cầu Gia Hoà, ra cửa kênh Tiểu Cốc rồi chảy vào sông An Tiêm. Đến cuối thời Trần, bị bọn thày phong thủy xúi bầy mới đào con sông từ kênh Phụ Long xuống đến Vị Hoàng, dẫn dòng nước chảy thẳng vào sông An Tiêm để châu vào làng cũ Túc Mặc, cắt đứt mạch đất, do đó nhà Trần mới suy sụp. Sông này lúc đầu mới đào cũng nhỏ hẹp, bắc cầu đá đi qua. Sau nước chảy mạnh lâu ngày trở nên sâu rộng. Nay hễ chuyên chở ra bể đều đi qua con sông này để ra cửa bể Liêu Hải cả.

Phía hữu huyện Mỹ Lộc có con sông chảy từ xã Phụ Long đến xã Lương Xá thì hợp dòng dài hơn 400 trượng, mới được đào khoảng năm Minh Mệnh tục gọi là **Sông Đào**.

Lại có một dải sông từ xã Đệ Tứ (do thượng lưu khe Điền Vị chảy ngang vào, tục gọi là sông Vĩnh) chảy qua các xã Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Nguyên Bồi, Đông Quang, Liễu Nha, Túc Mặc, Phương Bông, Thanh Khê,

Phú ớc, Đặng Xá, Trung Quyên, Lương Xá, thế sông quanh co đến cầu sông Bất Di thuộc huyện Vụ Bản rồi chảy thẳng vào sông Ba Sát.

Lại có nhánh **sông Nhiêu** từ xã Phụ Long chảy qua các xã Đông Mặc, Phù Nghĩa, Vĩnh Trường, Tứ Mặc suốt đến Mai Xá.

Lại có một nhánh **sông Gia** chảy từ Lương Xá, Mai Xá thuộc huyện Vụ Bản thông đến công Tiểu ớc. Có 3 cửa đóng mở ở sông Gia, sông Vĩnh, sông Nhiêu. Có 2 công nhỏ ở xã Tứ Mặc, Đệ Tứ.

Cầu chợ

Cầu gỗ : Các xã Đệ Nhị, Thượng Lỗi mỗi xã có hai cầu. Các xã Tứ Mặc, Đệ Tam, Phương Bông, Phụ Long, Mỹ Lộc, Gia Hoà mỗi xã có một cầu.

Cầu đá : xã Phú Ớc có một cầu.

Chợ : Chợ hạng vừa có 2 cái ở xã Quang Xán, Như Thức. Chợ hạng nhỏ có 2 cái ở xã Đệ Tam, Mỹ Trọng. Chợ Rông, chợ Phương, chợ Vị Hoàng ở thành phố đều là những chợ lớn.

Các cửa các bến

Đò ngang có 11 bến : đò Bái, đò Quan ở xã Phong Lộc, đò Chè ở xã Lương Xá đều đối ngạn với xã Năng Tĩnh. Đò xã Vị Xuyên đối ngạn với xã ấy. Đò xã Phụ Long đối ngạn với xã ấy. Đò Trung Trang đối ngạn với huyện Thư trì. Đò Hữu Bị đối ngạn với huyện Nam Xương. Đò Vạn Khoảnh, đò Hà Lộc đối ngạn với xã Tảo Môn.

Đò dọc có 3 bến : một đi Thái Bình, một đi Hà Nội, một đi Hưng Yên đều ở bến Đông Mặc.

Một con đường đê công từ xã Năng Tĩnh đến đường bao bì cửa Nam dài 380 trượng. Một đường từ xã Phụ Long qua xã Đệ Nhất, Ngũ Trang đến xã Quang Xán dài 4060 trượng 1 thước.

Có 2 nhà trạm : Một từ Nam Đệ đến Nam Hoàng dài 22 dặm 4 thước 4 tấc, một từ Nam Hoàng đến Hà Xuyên dài 33 dặm, lẻ 2 trượng.

Thay đổi

Trường thi chu vi 214 trượng, cao 5 thước, trong ngoài các viện có 21 toà ở xã Năng Tĩnh về phía tây thành tỉnh, dựng năm Thiệu Trị thứ 5, sau bị hư hỏng. Năm Thành Thái 3 mới sửa sang lại.

Nhà học của tỉnh ở phía tây ngoài thành, dựng năm Minh Mệnh 17, sau bị hư hỏng. Năm Thành Thái 2 mới sửa sang lại và dời đến làng Đông Mặc.

Tổng Ngọc Lũ có 6 xã, năm Thành Thái 2 mới tháp vào huyện Bình Lục tỉnh Hà Nam. Đặt trại Tân Đệ hơn 7 mẫu thuộc xã Đệ Nhị, mới dựng lên năm Đồng Khánh.

Huyện Mỹ Lộc có 6 tổng 46 xã, thôn, trang, trại. Dân tráng 1868 người, hạng miễn đao 172 người, hạng lão 462 người. Ruộng 9787 mẫu. Thổ 2155 mẫu. Đồng niên bạc sưu 3736 đồng, bạc thuế 10431 đồng 29 xu.

1- Tổng Như Thức có 8 xã : Như Thức, Quang Xán, Phạm Thức, Mỹ Lộc, Lang Xá, Phú Ớc, Nghĩa Lễ, Phủ Điền.

2- **Tổng Đệ Nhất** có 12 xã : Đông Quang, Tân Đệ, Phương Bông, Thanh Khê, Lựu Phố, Hậu Bồi, Liễu Nha, Văn Hưng, Đệ Nhất, Đệ Nhị, Đệ Tam, Đệ Tứ.

3- **Tổng Mỹ Trọng** có 8 xã : Vụ Bản, Trọng Đức, Tiểu Lang, Yên Trạch, Vị Dương, Gia Hoà, Năng Tĩnh, Mỹ Trọng.

4- **Tổng Đông Mặc** có 8 xã : Đông Mặc, Tức Mặc, Phụ Long, Vị Xuyên, Vĩnh Trường, Phù Nghĩa, Lương Xá, Phong Lộc.

5- **Tổng Ngũ Trang** có 5 trang : Tường Loan Thượng trang, Tường Loan Trung trang, Diên Hưng trang, Đệ Tứ ngoại trang, Hàn Miếu ngoại trang.

6- **Tổng Hữu Bị** có 5 xã : Hữu Bị, Mai Xá, Hà Lộc, Đàm Thanh, Vạn Khoảnh.

Nhân vật

- **Trần Quốc Tuấn** : là con Yên Sinh Vương Trần Liễu (anh ruột vua Trần Thái Tông), hồi nhỏ có thầy tướng bảo ông "Ngày sau có thể giúp nước giúp đời". Đến khi lớn lên rất thông minh, văn võ toàn tài, hai lần đánh Nguyên bắt được tướng giặc là Ô Mã Nhi, làm bậc tôi có công nhất trong một đời. Sau khi mất được tặng là Hưng Đạo Đại Vương. Năm Minh Mệnh 4 được đưa vào thờ trong miếu đế vương các đời. Năm Minh Mệnh 16 lại cho được thờ trong Võ miếu.

Nay xét trong sách " Thôi thực ký văn" có chép rằng : " Ông là người có tài danh, lại ở vào chỗ hiềm nghi, thế mà hay lấy lòng chí thành để cảm hoá được mọi người, giúp cho thời thế khó khăn được qua khỏi, đánh cho giặc Nguyên đại bại nhiều lần, bắt được bọn thủ soái, làm cho nước trở nên yên lành. Xem ông bỏ cái mũi sắt nhọn cắm đầu gậy và đòi giết Quốc Tảng với bài Hịch dụ các tướng sĩ, lấy việc Kỳ Tín chết thay cho vua Hán Cao, Do Vu đem mình che cho vua nước Sở, thế giết cho được bọn mọi Thát Đát, làm cỏ hết đất Vân Nam, thì biết ông chẳng những là người có tài lược hơn đời, mà lại khéo ăn ở ở chỗ hiềm nghi, trung trinh thành khẩn. Thân là một trang nhân vật hơn đời. Chẳng những là nước Nam ta chứ cho đến nước Trung Quốc từ đời Hán đời Đường trở về sau cũng chưa dễ có ai hơn được".

- **Trần Quang Khải** : là con thứ hai của Trần Thái Tông, tước Chiêu Minh Đại vương. Trần Thánh Tông phong ông làm Tướng Quốc. Dưới triều Nhân Tông ông đánh bại Toa Đô ở bến Chương Dương, có công đầu trong việc thu lại đất nước, được phong chức Thái Sư. Ông là người ham học, hiểu biết rộng, hay thơ, có tập "Lạc đạo" lưu hành ở đời. Nay ông làm vị Cao Đường phúc thần, đời nào cũng được phong sắc, rất là linh ứng.

Con trai ông là Văn Túc vương Trần Đạo Tái đậu Bảng nhãn năm mới 14 tuổi. Cháu là Uy Túc vương Trần Văn Bích làm quan đến chức Thái Bảo. Ôn đức sâu dày cũng trọn đời với họ Trần vậy.

- **Trần Nhật Duật** : Là con thứ sáu của Trần Thái Tông. Lúc sinh ra có hai chữ "Chiêu văn" ở giữa mặt. Ông rất thông minh, giỏi việc trừ liệu tình hình giặc. Ông có nhiều công lao trong đánh giặc Nguyên. Sau khi mất

được truy tặng chức Hựu Thánh Thái Sư, Chiêu Văn Vương. Năm Minh Mệnh 4 được thờ vào miếu các đế vương đời trước.

Xét trong sử sách chép rằng : " Ông là bực thân vương trải thờ 4 triều, trấn giữ ba tỉnh lớn. Trong nhà không ngày nào là không có tiếng đàn hát. Người đời ví ông với Quách Tử Nghi nhà Đường vậy".

- **Trần Khánh Dư** : Vua Trần Nhân Tông phong cho ông tước Nhân Huệ Vương. Ông thường đánh úp phá được giặc Nguyên và dẹp yên giặc cỏ. Trần Thánh Tông cho làm Phiêu kỵ Đại tướng quân. Sau có lỗi bị bãi chức. Đến thời Nhân Tông lại bổ cho chức Phó đô tướng quân.

Xét trong sách "Lịch triều hiến chương" chép rằng : "Khánh Dư tính tham, nét nhỏ có xấu nhưng những mưu liệu giặc và sức khoẻ giết giặc thì cũng có công to".

- **Trần Quang Triều** : còn có tên là Quang Thọ. Ông là cháu Trần Quốc Tuấn, tước Văn Huệ Vương. Thường làm nhà ở trong động sâu thuộc huyện Quỳnh Lâm, cùng các văn sĩ ngâm vịnh. Có tập thơ "Cúc Đường di thảo". Vua Trần Minh Tông phong ông làm Tư Đồ phụ chính.

- **Trần Nguyên Đán** : là chắt Trần Quang Khải. Được phong chức Chương phủ Quốc thượng hầu. Theo Trần Nghệ Tông dấy binh lấy lại được đất nước, được phong làm Tư đồ phụ chính. Giữa năm Xương Phù, Hồ Quý Ly lấy thế ngoại thích tiến lên giữ quyền chính. Ông tự biết là không can ngăn được, xin lui về ở núi Côn Sơn. Ông có tập thơ "Băng Hồ" truyền ra ở đời.

* **Đại khoa có 13 người** : các triều trước 10 người, triều Nguyễn 3 người.

- **Trần Xuân Vinh** : xã Năng Lự (nay là Năng Tĩnh), Nhị giáp Tiến sĩ khoa Kỷ mùi Cảnh Thống 2, làm quan đến chức Cấp sự trung, thụy là Lý Uẩn tiên sinh.

- **Đào Đăng Quỳ** : xã Đệ Nhị, Tam giáp Tiến sĩ, làm quan đến Tham tụng, Chương thượng thư lệnh, kiêm tri nội ngoại quân quốc trọng sự, tước Tế Mỹ Hầu, thụy là Trung ái.

- **Trần Đăng Oánh** : xã Biện Dương, Tam giáp Tiến sĩ, làm quan đến Giám sát ngự sử, thụy là Hựu Mỹ tiên sinh.

- **Hà Nhân Giả** : xã Lự Viên (nay là Lự Phố), Thám hoa đời Lê, hiện còn miếu thờ. Trong đăng khoa lục chép không rõ.

- **Trần Lệ** (Trần Mại) : xã Vị Hoàng (nay là Vị Xuyên), Tiến sĩ năm Bảo Thái thứ 2, làm quan đến Công bộ Tả thị lang, thụy là Doãn Phác tiên sinh.

- **Trần Văn Nghĩa** : xã Mai Xá, khoa thứ không rõ, làm quan đến Tham tụng Đô ngự sử đài.

- **Phạm Tường Cộng** : xã Vụ Bản, khoa thứ không rõ, làm quan đến Hình bộ Tả thị lang.

- **Vũ Công Độ** : xã Vị Xuyên, Tiến sĩ năm Minh Mệnh 13, làm quan đến Thái bộc Tự khanh, lĩnh Đô chính Thái Nguyên, thụy là Ôn Tĩnh tiên sinh.

- **Trần Doãn Đạt** : xã Vị Xuyên, Phó bảng khoa Nhâm Tuất Tự Đức 15, làm quan đến án sát Hưng Hoá.

- **Trần Hy Tăng** (Trần Bích San) : xã Vị Xuyên, con Trần Doãn Đạt, nguyên tên là Bích San. Lúc trẻ thông minh, học vấn sâu rộng. Năm Tự Đức 17 thi Hương, thi Hội, thi Đình đều đỗ đầu. Đỗ Hoàng giáp, được Tự Đức cho đổi tên là Hy Tăng, lại ban cho cờ vinh quy thêu 4 chữ " Liên trúng Tam nguyên" để thêm vinh quang. Làm quan đến Tuần phủ Hà Nội. Ông nổi tiếng giỏi chính sự. Sau triệu về kinh (đi sứ) thì bị bệnh mất. Được truy tặng Lễ bộ Tham tri.

* **Cử nhân có 93 người** (các triều trước 68 người, triều Nguyễn 25 người, còn sống 8 người, 3 người làm quan to).

- **Trần Dương Quang** : xã Vị Hoàng, Cử nhân khoa Đinh Dậu đời Minh Mệnh, làm quan đến án sát tỉnh An Giang, hiệu là Liêu Trai tiên sinh.

- **Trần Đôn Phục** : xã Tức Mặc, Cử nhân khoa Ất Mão đời Tự Đức, làm quan đến Bộ chính Cao Bằng. Vì sai lầm trong việc quan nên phải về quê dạy học. Học trò nhiều người thành đạt. Biệt hiệu là Lễ Trai tiên sinh.

- **Vũ Hoàn Phát** : xã Vị Xuyên, Cử nhân khoa Đinh Mão đời Tự Đức, làm quan đến án sát Quảng Yên, hiệu là Trùng Tuấn tiên sinh.

Thọ dân

- **Trần Công Yên** : xã Quang Xán (trước là Quang Liệt), triều Lê làm Đồng tri phủ, 5 đời chung sống trong một nhà, thọ 102 tuổi.

Năm Minh Mệnh 7 được ban biển vàng đề 4 chữ " Dịch diệt diện trường". Năm Minh Mệnh 9 lại được ban biển vàng đề 4 chữ " Cao thọ phồn hy". Lại chú thêm rằng : " Trần Công Yên người xã Quang Liệt, huyện Mỹ Lộc, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định, năm Minh Mệnh thứ 7 thọ 98 tuổi, năm đời đồng ở một nhà, đã được ban thưởng để biểu dương điền quý của đời thái bình. Nay lên 100 tuổi, vậy ban ơn riêng để tỏ lòng rộng lớn".

Đến ngày tháng 12 năm Minh Mệnh thứ 5 lại ban cho một bài thơ như sau :

*"Nặng tiếp bắc thành thượng tâu chuông
Thăng bình nhân thuy thịnh tinh dương
Tông chi phồn diện thiên trung tử
Cốt nhục đoàn viên ích khắc xương
Cao thọ bách linh trung thịnh thế
Liên miên ngũ đại tập đồng đường
Dư mộng thiên quyển cổ hy nhật
Diệc nhĩ hân chiêm tri thủ xương "*

Dịch nghĩa :

*" Trước đây tiếp bắc thành dâng biểu tâu rằng
Có điềm lành, người thăng bình, xin cho biểu dụ
Chánh họ đông nhiều được chung đức khí tốt riêng
Thịt xương đều được trọn vẹn càng thêm thịnh vượng
Thọ cao trăm tuổi tỏ rõ đời thịnh trị
Dài dặc năm đời nhóm ở chung một nhà*

*Ta đây mong trời để cho sống đến bảy mươi tuổi
Thì cũng sung sướng thấy điếm tốt đó "*.

Các quan tỉnh dựng phùng hiện nay ở bản hương vẫn còn biết.

Liệt nữ

- **Thiệu Dương công chúa** : là con thứ của vua Trần Thái Tông. Tính rất hiếu thảo, lúc Thái Tông bị ốm thì công chúa đã về với Văn Hưng hầu rồi. Công chúa thường sai người đến hỏi thăm sức khỏe của Thái Tông. Các người hầu hạ công chúa đều nói dối là Thái Tông vẫn bình thường. Khi Thái Tông mất, công chúa đương lâm sản, bỗng nghe tiếng chuông vàng đánh báo liên hồi, công chúa kinh sợ nói : "Có lẽ Thái Tông đã mất rồi chăng?", các người hầu mới nói ra sự thật. Công chúa bèn khóc lóc thương xót rồi mất theo. Mọi người biết được ai cũng thương cảm.

- **Phạm Thục Côn** : xã Thượng Lỗ, triều bà Trưng Vương đã giúp cha mộ quân theo Bà Trưng đánh giặc Tô Định, lấy lại được 12 thành ở Lĩnh Nam. Do có công nên được phong làm Chúc Côn chúa. Khi Mã Viện sang xâm lược nước ta, bà nhảy xuống sông chết vì nghĩa. Nay ở hai xã Thượng Lỗ và Túc Mặc đều có đền thờ.

Phong tục

Phong tục ở hương thôn phần nhiều thật thà trung hậu, còn ở thành thị thì phần nhiều đua đòi xa hoa. Các đám đám cưới, tế tự, cầu cúng, rước xách thì tùy tục mỗi nơi một khác nhau. Đền thờ vua Trần ở xã Túc Mặc, hàng năm đến ngày rằm tháng Giêng có hội vật. Xã Đệ Nhị hàng năm đến ngày rằm tháng Tám, xã Phụ Long ngày 18 tháng 7 đều có hội đua thuyền.

Tục ngữ nói rằng :

*"Ba năm chúa mở khoa thi
Đệ Nhất thì xướng, Đệ Nhị thì bơi
Đệ Tứ thì đánh cờ người
Phương Bông tứ xứ mừng mười tháng ba"*.

(Đây là hội theo lệ định, cứ ba năm mở hội một lần, cũng như trường thi Hương ở các xứ, lệ xã Phương Bông cứ đến ngày mừng mười tháng ba hàng năm thì con hát ở các xứ về đây hội họp để tế lễ).

Tục ngữ lại nói rằng :

*" Bao giờ Địch Lễ có đình
Đồng Văn đủ thuế thì mình lấy ta"*.

Đây là nói về khó khăn, còn bây giờ Địch Lễ đã có đình, Đồng Văn đã đủ thuế rồi. Biên tục sao mà dễ thế nhỉ ?

Cổ tích

- **Văn Miếu** : ở phía tây thành tỉnh, thuộc địa phận xã Gia Hoà, dựng năm Minh Mệnh 3. Miếu Khải Thánh ở phía tây nay mới sửa sang lại y như cũ.

- **Miếu Hội Đồng** ở phía bắc thành tỉnh thuộc địa phận xã An Trạch, dựng năm Gia Long 4.

- **Đàn Xã Tắc** ở phía tây thành tỉnh thuộc địa phận xã Năng Tĩnh, dựng năm Minh Mệnh 16.

- **Văn Miếu của huyện** ở địa phận xã Liễu Nha. Sách Sử ký chép rằng

:
" *Vua Trần Thái Tông dựng nhà Văn Miếu ở xã Hoa Nha (nay đổi là Liễu Nha), đắp tượng thánh hiền, thân hành đến điện tế*". Tức là ở đây, đời Lê làm nhà Văn Miếu của phủ Xuân Trường, triều Nguyễn đầu hiệu Gia Long quan tỉnh vẫn tế ở đây. Đến năm Minh Mệnh 4 mới dựng riêng nhà Văn Miếu ở xã Gia Hoà. Còn nhà Văn Miếu cũ giao cho nhân dân thờ phụng. Nay làm nhà Văn Miếu của huyện.

- **Miếu Quan Thánh** ở ngoài cửa Nam thành tỉnh, thuộc địa phận xã Năng Tĩnh. Năm Thiệu Trị 3 các bậc thân hiền của tỉnh dựng lên. Năm Thành Thái 9 mới sửa sang lại.

- **Miếu Trần Hưng Đạo Đại Vương** ở xã Bảo Lộc (nay đổi là Hà Lộc) ở bên bờ sông Liêm. Lăng của Vương ở bên phải. Ngày 20 - 8 (tức ngày kị) hàng năm, nhân dân sĩ thứ bốn phương đều về chiêm bái, xe ngựa đi lại luôn luôn không ngớt, thuyền bè trên sông qua lại như mắc cửi. Đây là một ngày hội vui nhất của tỉnh thành Nam Định.

- **Các cung miếu của nhà Trần** trước ở xã Tức Mặc. Sử ký chép rằng : "Năm Thiệu Long 4 đời Trần Thánh Tông đổi nhà Hành Cung ở Tức Mặc làm cung Trùng Quang. Các vua nhà Trần sau khi đã nhường ngôi rồi thì đều về ở đây. Lại dựng riêng cung ngự cho triều sau. Hoa vòng nước bọc, có thuyền rồng đi qua đi lại như là cảnh tiên. Hàng năm các vua đều có đến viếng một vài lần. Nay ở trong miếu còn 4 bài thơ ngự đề và các văn bia.

- **Chùa Phổ Minh** ở xã Tức Mặc. Sách Sử Ký chép rằng: "*Năm thứ năm đời Thiệu Minh đời Trần (?) dựng chùa Phổ Minh ở phía tây cung Trùng Quang*" tức là đây. Lại xét bài minh ở tấm bia năm Cảnh Trị đời Lê có chép: "*Nhà Lý dựng lên đầu, nhà Trần sửa lại sau. Trong chùa có tượng công chúa đời Lý*". Vậy thì nói dựng lên từ đời Lý mới phải.

- **Tháp Phổ Minh** ở trước chùa Phổ Minh, cao 14 tầng, trên 12 tầng xây gạch, dưới 2 tầng xây đá, cao 5 trượng 3 thước, chân vuông vức 1 trượng. ở bên có cột đá, lấy dây đồng chằng lại ở trên đỉnh tháp.

Xét sách Quốc sử chép : "*Dương Không Lộ đời Lý học được phép lạ, sang Trung Quốc khuyến cúng đồng đở. Đến kho đồng lấy được một túi mang về, đúc thành một cái vạc nặng 1000 cân, đặt ở trước tháp gọi là Vạc Phổ Minh*". Đây tức là một trong bốn đồ quý của nước An Nam.

Lúc Lê Thái Tổ khởi nghĩa, tướng nhà Minh là Vương Thông vì trận thua ở Tốt Động bị mất hết quân khí, mới phá vạc ấy ra làm súng. Nay xét tấm bia ở chùa (dựng lên từ năm Cảnh Trị đời Lê) chép rằng : "*Rường đồng nguy nga, trong có vạc đồng nặng 1000 cân, quy mô rực rỡ, tạo lên phù đồ cao hơn trăm thước*". Đây là ghi sự thật. Đến đời Tây Sơn có viên tướng tên là Trần Túc đem quân đến lấy cái hồ lô đồng trên đỉnh tháp và các dây đồng. Khi dỡ đến tầng thứ ba, bỗng có một vật giống như tấm lụa đỏ bay lên trời, mới kinh sợ liền xây đắp lại như cũ. Tương truyền từ khi đào sông Vị Hoàng, tháp ấy nghiêng đi, mà ngôi vua của nhà Trần dần suy vậy.

Kỹ nghệ

Nhân dân nhóm họp lại làm ăn ở xung quanh thành phố, trong đó có thợ làm xà cừ, thợ khắc bàn in sách, thợ sơn, thợ vẽ. Còn các hạng thợ dệt lương, nhiễu, lụa, là đều người ngoài đến ngụ, chế tạo buôn bán. Ngoài ra ở dân quan thì có thợ mộc như các xã Như Thức, Vân Đồn. Thợ ngói thì ở các xã Tức Mặc, Thượng Lỗ cũng vừa đủ dùng chứ không có hạng khéo lắm.

Thổ sản

Nhân dân xã thôn chỉ trồng các thứ ngũ cốc, ở các bãi thì trồng dâu, mía, ở vườn thì trồng các loại cam, quýt, bông, mận, đào...

(Phụ lục có chép 4 bài thơ của các vua Trần ngụ đề ở miếu Tức Mặc và bài văn bia ở miếu nhà Trần, nhưng ở đây không chép lại).

Huyện Thượng Nguyên

Phía đông đến huyện Mỹ Lộc 4 dặm, phía tây đến huyện Vụ Bản và phủ Nghĩa Hưng 8 dặm, phía nam đến huyện Nam Trực 20 dặm, phía bắc giáp hai huyện Bình Lục, Nam Xương và sông Nhị Hà thuộc tỉnh Hà Nam 18 dặm.

Đời Trần gọi là huyện Thượng Hiền, sau tránh tên húy Trạng nguyên Nguyễn Hiền người trong hạt mới đổi làm Thượng Nguyên. Khi trước thống hạt làm phủ. Năm Minh Mệnh thứ 13 mới chia ra làm phân phủ. Năm Tự Đức thứ 4 bỏ phân phủ, cho huyện Mỹ Lộc kiêm nhiếp. Có 4 tổng 37 xã, thôn.

Thành trì

Huyện lỵ ở xã Đặng Xá. Nguyên trước ở xã An Tiêm, năm Minh Mệnh thứ 4 mới dời đến Đặng Xá. Năm Minh Mệnh thứ 13 đặt làm phân phủ. Nay bãi bỏ do huyện Mỹ Lộc kiêm nhiếp.

Núi sông

- **Sông Vĩnh** : Một đoạn thuộc địa phận ba xã Lương Xá, Dịch Sử, Cao Đài. Khúc sông từ giáp xã Phú ốc huyện Mỹ Lộc đến xã Lương Mỹ thuộc huyện Vụ Bản dài 1778 trượng, rộng 3 trượng.

- **Sông Gia** : Một đoạn thuộc xã Mai Xá, từ giáp sông Vĩnh đến giáp xã Vụ Bản huyện Mỹ Lộc dài 1170 trượng, rộng 3 trượng.

- **Sông Ninh** : Một đoạn thuộc địa phận hai xã Lê Xá, Vạn Đồn dài 323 trượng.

Duyên cách

1- Tổng Bách Tính có 9 xã : Trừng Uyên, Vị Khê, An Thuận, An Vị, Ngô Xá, Phú Hào, Dương A, Lư Điền, Bách Lộc.

2- Tổng Đồng Phù có 7 xã : Đồng Phù, Đồng Vân, Thượng Hữu, Vô Hoạn, Vạn Diệp, Dịch Lễ, Mã Khâu.

3- Tổng Cao Đài có 14 xã, thôn : Cao Đài, Đặng Xá, Lê Xá, Vạn Đồn, Cư Nhân, Mai Xá, Tiểu Liêm, Dịch Sử xã, Lang Xá, Liêm Trại, Liêm Thôn, Trung Quyên thôn, Động Phấn thôn, Khả Lực Trung trang.

4- Tổng Hư Tả có 7 xã, thôn : Hư Tả, Vân Đồn, Đại An, Bái Trạch, Báo Đáp, An Lá, An Chuỳ.

Nhân vật

*** Đại khoa 4 người, phó bảng 1 người, cử nhân 18 người :**

- **Nguyễn Hiền** : xã Dương A, Trạng nguyên khoa Đinh mùi năm Thiên ứng Chính Bình thứ 16 đời Trần, lúc bấy giờ ông mới 13 tuổi.

- **Vương Văn Hiệu** : không rõ tên xã, Nhất giáp Thái học sinh năm Trinh Khánh thứ 3 đời Lý.

- **Nguyễn Thế Trân** : xã Bách Tính, Tiến sĩ năm Vĩnh Tộ thứ 11 đời Lê, làm quan đến Cấp sự trung.

- **Nguyễn Sùng Nghệ** : làm nhà ở xã Tiểu Liêm, trước là thôn Tiểu Phần Bối, Tiến sĩ năm Hồng Đức thứ 6 đời Lê, làm quan đến Lại bộ Thượng thư. Sau ông từ quan về mở trường dạy học, hễ đi đến đâu thì học trò đến học đông như rừng. Sau khi ông mất, nhân dân hàng xã tưởng nhớ công ơn, lập đền thờ. Hễ có cầu mưa cầu nắng đều linh ứng cả. Nay mả và miếu vẫn còn.

- **Đặng Ngọc Phác** : còn có tên là Cầu, xã Đặng Xá, Phó bảng khoa Mậu thân năm đầu niên hiệu Tự Đức, làm quan đến Bộ chính Tuyên Quang, sau thăng Bộ chính Thái Nguyên rồi mất.

- **Phạm Công Minh** : xã Dịch sử, Hương cống đời Lê Hồng Đức, làm quan đến Hàn lâm viện Thị giảng.

- **Nguyễn Văn Kiểm** : xã Tiểu Liêm, Cử nhân khoa Mậu dần đời Tự Đức, làm quan đến Tri phủ Vĩnh Tường.

- **Nguyễn Duy Tường** : xã Vị Khê.

(Trên chép có 18 cử nhân, nhưng dưới chỉ chép có 4 người)

*** Các tướng võ :**

- **Lê Công Châu** : xã Dịch Sử. Nguyên trước là họ Đặng, còn họ Lê là được vua ban cho quốc tính. Niên hiệu Thịnh Đức thi võ đỗ đầu. Do có nhiều công đánh giặc nên được phong tước Cảnh Quận công. Năm Cảnh Trị thứ 2 phá được giặc Đặng Diêu ở Cao Bằng, được thăng chức Phụ quốc Thượng tướng Lập Quận công Thượng trụ quốc. Ông mất năm niên hiệu Dương Đức. Trong tờ dụ có nói :

- "Tham mưu trong chỗ màn trường, sắp đặt hợp lí, lấy lòng mà sử việc, lấy tiết liêm mà giữ mình, lập nhiều chiến công, trước sau tận nghĩa. Truy tặng chức Thiếu Bảo, phong làm Phúc thần nước Nam là Cao Nguyên đại vương ".

Ông có 5 người con đều có công đánh giặc, được phong tước Quận công như Giảng Quận công, Phiên Quận công, Khương Quận công đều có cáo sớ. Còn hai ông nữa không thấy truyền lại gì cả. Cháu là Lê Côn, khoảng năm Chính Hoà, Vĩnh Thịnh lập nhiều chiến công được phong chức Thượng trụ quốc Hưng Quận công. Con cháu đều tập tước hầu, cùng thủy chung với họ Lê vậy.

- **Nguyễn Lệ** : xã Thận Vi, khoảng năm Cảnh Hưng, Trịnh Sâm phế Hoàng Thái tử Duy Vị giam ở phòng riêng. Có Hương cống tên là Vũ

Sưỡng cùng mấy người thuộc cũ của Thái tử, lập mưu cứu thoát Thái tử ra ngoài. Việc tiết lộ, có người khai cho Nguyễn Lệ. Lệ nói rằng : " Sử quán không có tội gì mà lập mưu làm cho ra khỏi nhà ngục, đây là việc nghĩa. Nhưng sự thật thì tôi không dựa vào mưu ấy. Chỉ thân này chưa chết thì tâm này không dung cho quân giặc hãm hại Thái tử mà thôi !". Lệ bị tra khảo thân thể không chỗ nào là không bầm nát, đến chết cũng không hề thay đổi. Ai nghe biết chuyện cũng đều cho ông là trung nghĩa.

- **Nguyễn Kim Phẩm** : xã Thân Vi, có sức khoẻ, mưu lược, giỏi võ. Đầu đời Trung Hưng, cùng bọn em là Kim Trân, Kim Yên vượt bể vào thành Gia Định giúp sức lập nhiều công, được thăng làm Hựu quân Đại tướng quân. Bọn Kim Trân, Kim Yên làm quân vệ. Năm Quý mao, Phẩm và Trân vào Hà Tiên thu quân, bị bọn quân đầu hàng của đảng Nghĩa Hoà giết chết. Yên đi theo đánh Bình Khang bị chết trận. Năm đầu niên hiệu Gia Long được cho đem vào thờ ở miếu trung liệt. Năm đầu niên hiệu Minh Mệnh được truy tặng cho Phẩm chức Chương Dinh, Trân và Yên chức Khinh xa Đô úy.

Tiết Phụ

- **Nguyễn Thị Tân** : xã Dịch Sử, được ban thưởng biển, ngạch, bạc lụa.

- **Phạm Thị Đoan** : xã Tiểu Liêm, 20 tuổi lấy chồng học trò là Trần Danh Nghiệm người xã Nghĩa Lễ. Được hơn một năm thì Nghiệm chết, thị tự viết một phong thư để lại tạ ơn mẹ đẻ rồi thắt cổ chết. Năm Thành Thái thứ 3 được thưởng biển vàng khắc 4 chữ "Tiết hạnh khả phong". Lại sai dân làng nhà chồng lập miếu thờ.

Phong tục

Học trò ham văn học, dân cày chuộng cần kiệm. Các việc tế tự quanh năm, khánh điệu qua lại phân nhiều đều là phong hậu. Đây cũng là do phong thổ tập quán khiến ra như thế.

Cổ tích

- **Lăng vua Trần Minh Tông** ở xã Vạn Diệp (trước là trang Vạn Kiếp) nay có hơn vài mẫu, cây cối xanh tốt, đây là chỗ lăng cũ.

- **Đền thờ Trạng nguyên họ Nguyễn** : Người Dương A tên là Hiền, đậu Trạng nguyên năm 12 tuổi năm Thiên ứng Chính Bình thời Trần. Lúc bấy giờ có quan sứ Tàu đến thử, bảo ông triết tự câu thơ như sau :

"Lưỡng nhật bình đầu nhật,

Tứ sơn diên đảo sơn,

Lưỡng vương tranh nhất quốc,

Tứ khẩu tung hoành gian".

Hỏi là chữ gì ? Ông triết thành chữ Điền (). Sứ Tàu kinh sợ nói rằng : " Người thật là thiên tài".

Ông làm quan đến Công bộ Thượng thư. Năm 14 tuổi thì mất. Dân xã lập đền thờ.

- **Đền thờ Trung Phổ Vương** : Người xã An Lá, đem quân giúp vua Đinh Tiên Hoàng dẹp 12 xứ quân, được phong làm Kiểm Nghĩa hầu, lấy xã

ấy làm thực ấp. Khi nhà Lê cướp ngôi nhà Đinh, ông giữ trại An Lá chống nhà Lê hơn một năm. Khi ông mất rồi, dân xã lập đền thờ. Hễ có cầu cúng gì đều được linh ứng. Lúc nhà Lê Trung Hưng đi đánh nhà Mạc, qua đền thờ ông cầu giúp đỡ. Khi nhà Lê thắng lợi đã phong ông làm phúc thần.

Thổ sản

Xã Bách Tính có thuốc Lào nhưng nay đã thuộc về tỉnh Thái Bình. Ngoài ra không có sản vật gì quý lạ cả.

Kĩ nghệ

Không có nghề gì khéo lạ lắm.

Phụ lục :

Bài phú thi đỗ Trạng nguyên của Nguyễn Hiền người xã Dương A

Đây không phải là chim én riu rít ở trên nhà, chim quạ quang quác ở trong rừng, mà là con vịt có bộ lông bơi ở dưới nước, đồng họ lông vũ với con gà. Con từ mẹ đi chơi hồ, nước biếc sóng xanh dường như có ý. Hình giống con hạc đứng ngoài bể, ót xanh cánh đỏ lông không bùn.

Nguyên ban đầu lò tạo mang thai, chim xuân liền cánh. Trứng do vịt lạnh đẻ ra, tổ sen đẻ ở. Ba tuần vỗ vỗ, toàn nhờ công mẹ nuôi lên. Một ngày bỏ mẹ đi, con muốn chơi hồ cho thoả thích.

Xem ra tình mẹ con vẫn chưa dứt hết, muốn tìm cái gì ở ngoài phận mình. ở gần muốn tạ ơn con tò vò nuôi nhen, mà đi xa theo con nông con vạc đồng khí với mình. Lúc đầu đập nước mà bay, cả ngày nghỉ những chỗ bãi xa bên phẳng. Lúc về ngủ chỗ nệm lông, suốt đêm chơi những nơi gió mát bóng râm. Không lo sợ tên sa đạn bắn, mà được vui trong sông rộng hồ trong.

Hoặc có khi soi mắt dưới nước, rìa lông trong hoa, sáng bơi ở vùng bên trắng, đêm lượn ở chỗ bờ hồng. Đêm khuya bốn trống ồn ào lẫn với tiếng họ Lý lúc trong ao. Ngày cấp nghìn vàng, phẳng lặng khác với đầu chàng sinh khi lặn vực.

Hoặc cũng có khi rúc chỗ cỏ xanh, lũng nơi héo xám. Tránh thuyền câu mà bơi theo bạn vạc, chơi bên hạc mà tắm với lũ cò. Gần gũi gọi nhau riu rít như vợ chồng tu hú, xa khơi bay đậu, tung tăng như chú bác chim le. Thế thì lúc bỏ mẹ mà đi chơi, cũng là bởi ham mê du ngoạn.

Thế mới biết tuy con bỏ mẹ thì lý không ôn, nhưng vịt xa gà thì tình phải yêu. Vì chung tình điều ó dễ dứt khoát với nhau, chơi bởi vội sinh lòng cáo, tép tôm không tranh giành từng bữa, xa xôi đành bỏ mẹ gà.

Xem con vịt chỉ là một loài cầm, há làm người mà lại thua con vịt ư ?

Người ta khi sinh ra ai cũng phải có nơi nương tựa, sống thì có cơm no áo ấm, người ta há không thể chạy xa bay cao. Thóc cũng là nghĩa, không phải có một điểm sáng thì sao mà lại phụ tình, cỏ muốn tỏ lòng khó lòng đền đáp ơn xuân để được tránh khỏi trách nhiệm như thế chẳng kể làm gì, hơn được loài cầm cũng rất ít.

Ôi ! Gà bỏ mẹ lí vẫn có thể. Làm con ở với cha mẹ mà không biết tôn kính cha mẹ thì chẳng hay. Nếu đạo làm con mà chưa hay thì không khác gì loài cầm khinh rẻ nhau. Phương chi còn thờ cha mẹ, lúc cha mẹ còn thì không đi chơi xa, mà nếu đi xa thì phải có phương hướng. Người ta khác loài cầm là ở chỗ có lễ

nghĩa, mà lễ nghĩa thì phải báo đáp. Con người ta thiêng liêng hơn loài vật thì phải biết lấy ơn mà báo đền lại ơn. Có cha mẹ thì phải thờ phụng cha mẹ, chứ đừng như con vịt đã từ bỏ mẹ gà vậy.

Phủ Xuân Trường

Thành dài 27 trượng, rộng 26 trượng, hào rộng 3 trượng sâu 5 thước. Bốn bề rào tre vót nhọn. Có 2 cửa, công đường phủ ở giữa, bên phải có nhà học, bên trái có trại lính, phía sau có nhà tù và trại lệ về địa phận xã Ngọc Cục. Phía tây bắc giáp sông lớn, phía đông nam giáp phần sông xã Hành Thiện. Nhà Văn Miếu ở phía đông nam (thuộc xã Thượng Phú) nguyên trước dựng lên ở xã Tương Nam, gần thành phủ cũ, nay vì đường đê bức gần mới dời đến đây.

Có con sông nhỏ từ Bùi Chu chảy đến địa đầu xã Hành Thiện thì chia 2 ngả. Một ngả chảy vào xã Hành Thiện và xã Yên Hành rồi chảy ra cửa sông Yên Hành. Một ngả chảy quanh từ phía đông đến phía bắc thành rồi lại chảy qua phía nam trước thành thì uốn vòng và dừng lại.

Phía bắc giáp huyện Thượng Nguyên, phía nam giáp bể, phía đông giáp huyện Vũ Tiên, phía đông nam giáp huyện Tiền Hải, phía tây giáp huyện Trực Ninh, phía tây nam giáp huyện Hải Hậu. Từ đời Lê về trước thành phủ dựng ở huyện Nam Trực. Năm Gia Long thứ 7 thì dời đến xã Kinh Thao. Năm Minh Mệnh thứ 10 dời đến xã Tương Đông (nay gọi là Tương Nam) ở chính hữu sung của dòng sông. Về sau lại dời đi 2 lần đều ở xã Tương Nam mà nước sông vẫn chảy mạnh không ngừng. Năm Đồng Khánh ất Dậu lại phải dời chỗ nhưng gặp lúc việc bận nên phải tạm trú ở nhà giáo của hàng phủ (ở phía hữu thành, cách xa thành phủ chừng 150 trượng). Ngày tháng tư năm ngoái mới dời về xã Ngọc Cục. Nay các nền phủ cũ đều đã hư nát, riêng nhà giáo cũ nơi phủ tạm trú thì nay lính đồn chiếm đóng.

Núi sông

Phủ Xuân Trường thế đất bằng phẳng không có núi, chỉ gần bờ bể, những nơi đất mới bồi thành các cồn đồng nhiều hình thù giống như xương sống con rồng, màu đất đen xẫm, tục gọi là Cồn Đen. Những nơi cao ráo nhân dân đến ở trồng khoai đậu. Những nơi ven bờ nước bể bao bọc ít người đến ở, trông xa nhấp nhô sóng lượn khói nước mênh mông, trông thấy mà không đến được.

Sông Hoàng : thượng lưu chia từ sông Nhị Hà, đến đông bắc thành tỉnh chia ra 3 ngả. Một ngả chảy qua phía đông huyện Thu Trì làm sông Hộ Giang. Một ngả chảy qua phía tây huyện Mỹ Lộc làm sông Vị Hoàng. Một ngả chảy sang phía bắc huyện Giao Thủy qua sông Kênh Thao, đến chỗ đầu Rô lại chia ra hai nhánh. Một nhánh chảy về phía tây nam gọi là sông Nhạc dồn về cửa bể Nhạc Môn. Một nhánh chảy về phía đông gọi là sông Ngô qua sông Ngô Đồng rót vào cửa bể Ba Lạt.

Sông Ngô Đồng : ở xã Tam Hoàn, phía trên giáp sông Luộc, phía dưới chảy vào cửa Ba Lạt. Tương truyền vào thời Lê, trên bờ sông có một

cây ngô đồng chu vi thân 5 thước, cao 3 trượng, cành lá xum xuê, hoa màu đỏ to như cái bát, các loài chim lớn thường làm tổ trên cây ấy.

Cửa bể

Cửa bể Ba Lạt ở địa phận xã Yên Tứ, một dòng nước chảy về phía chính đông rộng 103 trượng, khi nước thủy triều lên sâu 7 thước, triều xuống sâu 3 thước 5 tấc. Một dòng nước phóng về phía chính nam rộng 92 trượng, triều lên sâu 4 thước 2 tấc, triều xuống sâu 8 tấc.

Bến sông

- **Bến đò Trà Thượng** : thuyền buôn, thuyền đánh cá phần nhiều dừng lại chỗ này.

- **Bến đò Bắc Cầu** : các khách buôn đi tỉnh hoặc đi Ninh Bình phần nhiều chờ ở bến này. Thuyền buôn đông vui, hành khách tấp nập. Từ năm Quý mùi về sau khách buôn thưa dần. Chủ đò đổi nghề khác. Nay bến đò vắng vẻ, thưa trước rất nhiều.

- **Bến đò Trà Lũ** : ở xã Trà Lũ, người trong xã thường đi Thanh Hoá, Tuyên Quang, Hưng Hoá mua tre gỗ kết thành bè mà về mở cửa hàng buôn bán.

- **Bến đò Bùi Chu** : phần đông bán tre nứa và gỗ.

- **Bến đò Cựa Gà** : buôn bán nứa.

Chợ

Có các chợ như chợ Hành Thiện, chợ Cát Xuyên, chợ Hoàn Nha đều là chợ hạng 5 vậy

quan tâm

Cửa sông Lạc Quân ở bên sông Nhạc Giang, thuộc xã Lạc Quân.

Cửa sông Ngô Đồng . Hai cửa này đều có quan Trương chính Pháp đóng ở đê trung thu thuế muối.

Thay đổi

Xét phủ Xuân Trường, đời Hán thuộc là Giao Chỉ, đời Lý gọi là Hải Thanh, Trần Thái Tông cải làm Thiên Thanh, Thánh Tông lại cải làm Thiên Trường.

(Sách sử chép rằng : " Năm Thiên Long thứ 5 đổi làng Tức Mặc làm phủ Thiên Trường". Sách Thanh chí chép rằng : "Làng Đa Mặc là nơi sinh ra tổ tiên nhà Trần, nên nhà Trần dựng hành cung ở đây, mỗi năm đến viếng một lần, không quên gốc. Cho nên gọi là Thiên Trường"). Thuộc nhà Minh đổi làm Phụng Hoá. Đến nhà Lê lại trở về tên cũ.

Đến triều Nguyễn, năm Tự Đức thứ 15 mới đổi làm Xuân Trường.

Nguyên trước có 4 huyện : Giao Thủy, Nam Chân, Thượng Nguyên, Mỹ Lộc.

Năm Minh Mệnh thứ 13 cắt Thượng Nguyên, Mỹ Lộc đặt làm phân phủ riêng. Năm thứ 14 chia huyện Nam Chân (nay là Nam Trực) đặt thêm huyện Chân Ninh (nay là Trực Ninh).

Năm Tự Đức thứ 4 bớt phân phủ, hai huyện Thượng Nguyên, Mỹ Lộc lại thuộc phủ Xuân Trường. Cắt Nam Trực cho thuộc phủ Nghĩa Hưng. Phủ

Xuân Trường còn thống hạt 4 huyện là Giao Thủy, Thượng Nguyên, Mỹ Lộc, Trực Ninh.

Năm Đồng Khánh thứ 3 đặt thêm huyện Hải Hậu (lấy tổng Tân Khai của huyện Giao Thủy, một nửa tổng Kiên Lao và hai tổng Ninh Nhất, Quần Phương của huyện Trực Ninh tháp vào huyện mới), thành ra phủ Xuân Trường có 5 huyện.

Huyện Giao Thủy

Phủ lỵ đóng ở đây. Huyện Giao Thủy nguyên có 12 tổng, 140 xã, thôn, phường.

Năm Đồng Khánh thứ 3 cắt tổng Tân Khai và nửa tổng Kiên Lao tháp vào huyện Hải Hậu.

Năm Thành Thái thứ 3 lại trích các thôn, xã Yên Tứ, Thượng Yên, Tứ Hạ, Thúc Thân, Doãn Trung, Đông Thành, Đông Hạo, Doãn Đông, Lộc Trung ở tổng Hà Cát cho tháp vào huyện Tiền Hải. Các xã thôn La Xuyên, Hành Hạ, Dũng Nghĩa, Kinh Thao, Chi Phong, Phan Xá, Quy Phú, Tương Đông ở tổng Hành Thiện, và các xã thôn Nghĩa Xá, Bồng Kiên, Bồng Lai, Bồng Trại ở tổng Động Xá cho tháp vào huyện Vũ Tiên. Xã Đại Yên tháp vào tổng Hành Thiện ; Các xã Hạc Chu, Sa Cao, Hạc Lương, Thuận Yên tháp vào tổng Hành Thiện ; Các xã thôn này nguyên thuộc huyện Vũ Tiên, nay cho tháp vào huyện Giao Thủy.

Năm Thành Thái thứ 4 lại cắt xã Thanh Hương của huyện Mỹ Lộc hợp với các thôn Hà Cát, Định Hải, Giáo Phường, Lạc Thanh lập thành tổng Hà Cát.

Hiện nay chỉ còn 11 tổng, 110 xã, thôn, phường.

Số đinh : Hạng tráng 7808 người, hạng lao 3435 người, hạng miên dao 179 người.

Điền thổ : Điền từ hạng nhất đến hạng ba cộng 37938 mẫu. Thổ từ hạng nhất đến hạng mười hai cộng 14573 mẫu.

Thuế đinh : 3881, 80 đ. Thuế điền thổ : 35185,06 đ.

Tổng sưu : 15616 đ.

Nhân vật

Đến triều Nguyễn mới thịnh. Hành Thiện là nhiều nhất, hiện nay mỗi khoa số học trò đi thi hơn 300 người.

Nhân vật thuộc các triều đại trước :

Phạm Hà Bàn : xã Quán Các đời Lê, thi Hương đậu tam trường, gặp thời Tây Sơn tránh vào ở đất Vân Đồn của Trung Quốc. Triều Nguyễn sai quan đến hỏi, mới cùng học trò là Phạm Văn Hanh, Phạm Văn Vị vượt bể về Gia Định theo Nguyễn ánh đánh Tây Sơn. Đến năm đầu Gia Long được ban chức Trung quân Đô thống chế hộ giá, châu hầu bàn bạc vâng ý vua, được ban thưởng luôn. Sau mất ở thành Gia Định, được cấp tuất rất hậu. Có hai đạo văn tế.

Trần Văn Bảo : xã Cổ Chử, đậu Trạng nguyên khoa Canh tuất đời Cảnh Thịnh nhà Mạc. Vâng mệnh đi sứ Tàu. Làm quan đến Thượng thư, tước Nghĩa Quận công. Con là **Đình Huyền**, đậu Tiến sĩ khoa Bính tuất đời Mạc. Cha con đều làm quan to với triều nguy (Mạc) cho nên trong sách Nhất thống chí trước bỏ đi. Nay xem trong Đăng khoa lục mà chép vào để đủ tham khảo tra cứu.

Các nhân vật thuộc triều Nguyễn có tất cả 73 người, Trong đó có 4 Tiến sĩ, 3 Phó bảng, 66 Hương cống, Cử nhân. Hiện nay còn ở chức 15 người, ở quán chưa đi làm 9 người, về hưu 12 người, bị cách bị bại 5 người.

Phạm Thế Lịch : xã Quần Mông (nay đổi là Lạc Quần), đậu Hương cống khoa Mậu tí đời Minh Mệnh, đậu Tiến sĩ khoa Kỷ sửu. Làm quan Phủ doãn Thừa Thiên. Bấy giờ xuống chiếu mở con đường Vân Nam, ông dâng sớ nói không tiện nên bị cách chức, sung vào làm các việc đắp đê chuộc tội. Đường đê làm xong, ông được bổ lại làm Bố chánh Quảng Nam, sung vào chức đi sứ sang Tàu. Cho đổi tên là Thế Trung. Sau được thăng Tổng đốc Bắc Ninh, bị cách. Ông về quê dạy học, thọ 81 tuổi. Ông vốn thông minh, nhớ nhiều, là người khoa giáp đầu tiên của bản huyện.

Đặng Toán : xã Hành Thiện, Cử nhân khoa Đinh mùi đời Thiên Tử, Phó bảng khoa Mậu thân đời Tự Đức, làm Tuần phủ Lạng Sơn, thất thủ nên bị giáng. Sau được phái làm Tuần phủ Ninh Bình. Ông làm quan ở đâu cũng được tiếng tốt ở đây, quan lại, dân chúng đều yêu mến. Năm Tự Đức 32 được thăng làm Tổng đốc Nghệ An, chưa kịp đi nhậm chức thì mất.

Những người cáo hưu :

Đặng Đức Dịch : xã Hành Thiện, Cử nhân khoa Mậu thân đời Tự Đức, Phó bảng khoa Kỷ dậu cũng đời Tự Đức, làm quan đến Lễ bộ Thượng thư. Năm Đồng Khánh ất dậu 70 tuổi được về hưu. Ông là người liêm chính, siêng năng. Tuy làm quan đến Thượng thư nhưng trong nhà bao giờ cũng thanh bạch, đạm bạc như nhà nho. Nay vẫn mở trường dạy học, làm việc không biết mệt. Ông là người tuổi tác cao, phẩm hàm tôn kính nhất trong huyện.

Đặng Xuân Bảng : xã Hành Thiện, Cử nhân khoa Canh tuất, Tiến sĩ khoa Bính thìn, đều đời Tự Đức. Làm quan đến Tuần phủ Hải Dương, thất thủ, bị cách. Sau khôi phục làm Đốc học Nam Định, hàm Quang lộc tự thiếu khanh. Tuổi già xin về. Ông ham đọc sách, khi còn làm quan tay không lúc nào rời quyển sách, nay đã về hưu vẫn đọc sách có khi suốt cả ngày. Nói đến người học rộng thì trong hàng huyện mọi người đều suy tôn ông cả.

Đặng Văn Bính : xã Hành Thiện, Hương cống khoa Tân mao Minh Mệnh 12, làm Tri huyện Tiên Minh, bị bãi chức, về nhà. Sau khôi phục Giáo thụ phủ Kinh Môn. 70 tuổi về hưu. Các cháu nối tiếp nhau đậu đạt làm quan.

Đặng Hữu Dương đậu Tiến sĩ, làm quan án sát Hà Nội là cháu đích tôn của ông. Năm nay ông đã 83 tuổi nhưng vẫn đi lại ngâm vịnh như thường. Ông thật là có cái cảnh tùng cúc vui nhàn, chi lan tươi tốt "Khang cường phùng cát thọ khảo duy kỳ" diễm quý của người đời vậy.

Đặng Ngọc Toản : xã Hành Thiện, là em Tiến sĩ Đặng Xuân Bảng, Cử nhân khoa Mậu Thìn đời Tự Đức. Lúc trẻ nổi tiếng hay văn, học rộng, nhớ nhiều. Lấy phân số thi hội bổ làm Giáo thụ Kiến Xương, gặp tang mẹ nên cáo quan về. Đi thi Tiến sĩ nhiều lần không đậu, không ra làm quan nữa. Mở trường dạy học, học trò theo học rất đông.

Các tướng võ :

Trần Xuân Trạch : người bản huyện, chưa rõ ở làng nào. Ông là người gan dạ, giỏi chiến trận, am hiểu nghề võ. Năm Kỷ Hợi cùng hai anh là Xuân Hiệp, Xuân Cách vượt bể vào Gia Định ứng nghĩa, theo đi đánh giặc có công, làm quan Chưởng cơ, quản lý các việc quân dân phiên trấn. Năm Nhâm dần quân Tây Sơn đánh phá Gia Định, ông theo Tôn Thất Dụ vào ứng cứu Tam phủ, gặp quân Tây Sơn dọc đường, đánh thắng lớn, lấy lại được Sài Gòn. Sau đánh Tây Sơn bị thua trận, ông cùng bọn Dụ tìm đường đi Cao Miên qua Xiêm La cầu cứu, bị quân mọi giết chết, chỉ có Hiệp trốn thoát. Đến đầu niên hiệu Gia Long được tặng chức Chưởng dinh, liệt vào miếu trung tiết công thần thờ ở đền Hiền Trưng. Cho một người con làm ám tử. Còn Hiệp làm quan đến Cai cơ. Bọn thuộc hạ là Nguyễn Kim Chức người xã Trinh Phố huyện Trực Định cũng theo ông vào Gia Định ứng nghĩa thường chống đánh với giặc, lập nhiều công, thưởng cho chức Cai cơ.

Lê Thế Vinh : xã Hà Lạn (nay thuộc huyện Hải Hậu), làm Phó quản cơ tỉnh Bắc Ninh, đem quân đi đánh bọn phi Tầu ở Lạng Sơn, bị chết trận, được truy tặng chức Minh nghĩa đô úy chur quân quản cơ.

Trần Bá Khoản : người thôn Trung, xã Trà Lũ, thân thể to lớn, sức khoẻ hơn người. Thời Lê, những đảng giặc ở phía Đông Bắc nổi lên, Khoản lấy dân thường ra ứng mộ, tay cầm dao lớn nặng hơn 100 cân, phá giặc ở đồn Già (tức Ngân Già), chém bọn Cao Sơn dẹp yên Đông Lộ, lập nhiều công trạng, được phong chức Đồng tri, quản lĩnh các đội thuyền Tiệp hậu, Đằng Trung, Hùng Hữu, Hạm Tả, Tráng Tiết, tướng quân Khoản trung hầu.

Đời Vĩnh Hựu, bọn Vũ Đình Dung, Nguyễn Danh Chân ở Ngân Già thuộc huyện Nam Trực nhóm đảng cướp phá, giữ Đà Minh làm chỗ hiểm trở, quan quân không dẹp yên được. Trịnh Minh vương phải thân chinh, trú quân ở xã Lạc Đạo, sai các tướng tiến đánh. Khoản đem quân hơn vài trăm đi đường tắt, đánh úp đại đồn. Các tướng dồn lại đánh, chém được tướng giặc là Nguyễn Giao, bắt được bốn tên cừ khôi. Vương mến Khoản là người trung dũng, ban thưởng cho rất nhiều. Gia tài của Khoản ngang bậc vương công, giúp cho dân hơn 80000 quan tiền, dân cảm ơn đức tôn là hậu thần, đến nay còn truy thờ.

Tiết phụ :

Vũ Thị Thận : xã Hoàn Nha, chồng họ Cao, 22 tuổi chồng chết, không có con, ở vậy thờ chồng, nuôi bố mẹ chồng. Thị có sắc đẹp, nhiều người đến hỏi, mẹ thị muốn gả nhưng thị nhất định không lấy. Năm Tự Đức 22 thị hơn 50 tuổi, quan tỉnh đem việc tâu lên, thị được thưởng 10 lạng bạc, nay thị còn sống 82 tuổi.

Phong tục

Phong tục thuần phác, ham nghĩa, kẻ sĩ trọng đường danh tiếng. Nếu không việc công thì không bao giờ tới cửa quan nha. Thói chạy vay cũng ít. Duy bọn hào mục thì bê tha thành thói quen, cùng với bậc sĩ phu không hợp.

Nghề nông nhiều, còn nghề thợ nghề buôn thì ít. Nói về văn học thì xã Hành Thiện là thịnh nhất. Địa thế xã Hành Thiện nước sông bao bọc, ở giữa có một đám cát lớn nổi lên như hình con cá dài rộng chừng hơn 80 mẫu. Đầu con cá làm chợ, đuôi cá làm chùa, đoạn giữa thì nhân dân ở. Phía tả có ba sa ở xã Thượng Phúc châu về, đều có hình như cây bút, một sa hướng ly, hai sa hướng tôn. Phía hữu thì có các sa xã Ngọc Cục châu về, có một sa đi ngược về đến trước đình, đầu sa tròn trĩnh, đường sa thì cao, gần lại thì thấp, hình như cái nghiên. Mạch từ phương càn hội đến, khí mạch hơi bằng phẳng, nước sa vòng ôm lại. Theo phép địa lí tất cả dương cơ nên phát văn nhiều. Hiện nay Hành Thiện số quan viên đương chức và về hưu lớn nhỏ cộng 35 người, số học trò đi thi mỗi khoa chừng 200 người.

Nói về võ dụng thì các xã Trà Lũ, Thượng Phúc, Võ Lao. Nói về kiện cáo thì các xã Hạc Châu, Thượng Phúc, Lạc Nghiệp.

Tục ngữ nói rằng : " Văn học Hành Thiện, đơn kiện Hạc Châu, trém mếp lá trâu La Cao, Liêu Phủ" (hai xã này hay dôi trá). "Nỏ miệng rao chó Liên Thủy, Bùi Chu" (hai xã này hay ăn thịt chó thường đi khắp các xã để tìm mua). "Chè thuốc phong lưu thì làng Hà Cát" (ruộng công cầm bán hầu hết mà ham chuộng phong tục). "Bạc cờ dài dặc thì làng Trương Đông" (nay đổi làm Trương Nam).

Người xã Thượng Phúc thường hay húi tóc đi ăn trộm, cho nên tục ngữ nói "Lêu lêu kia chú Thượng Miêu (tên cũ của Thượng Phúc), đừng có đập diu rồi chực ăn trộm". Từ khi có câu tục ngữ này đến nay thì không cạo đầu nữa, nhưng thói cũ ấy thì chưa bỏ hết. Xét xã Thượng Phúc có ba sa đất, đều hướng về xã Hành Thiện. Từ xã Hành Thiện trông ra thì đều giống hình cái bút, mà ở xã Thượng Phúc trông ra thì lại đều giống hình con dao cho nên xã Hành Thiện nhiều quan, còn xã Thượng Phúc lại nhiều kẻ trộm. Đó cũng là do thế đất khiến ra như thế. Tục ngữ còn có câu : "Hành Thiện cười ngựa đi tày, Thượng Miêu lánh chó nép dần lá khoai".

Lễ đội mũ thì trong hạt bỏ đi từ lâu rồi. Lễ dâu cưới thì theo tục lệ từng làng. Còn lễ tang thì chỉ có làng Hành Thiện là theo "Gia lễ Chu Văn Công" giản tiện tùy tình, các xã khác trong hạt đều theo "Thọ Mai gia lễ". Lễ số tang tế cũng còn xa hoa, nay đã giảm bớt nhiều. Lễ thờ thần ở Hành Thiện có hội bơi chải, Trà Lũ có đánh vật, đấu cờ. Các xã khác chuyên tập đóng kịch phường nghề. Ví dụ như con hát thì thôn Giáo Phường, tuồng thanh bình thì các xã Cổ Chử, Liêu Thượng, Ngọc Tĩnh, Thủy Nhai, Hoàn Nhị. Trò hề hát bội thì có xã Đạo Nghĩa. Đánh vật thì Trà Lũ, Lạc Đạo, Thượng Phúc.

Cổ tích

Chùa Thần Quang : xã Hành Thiện, thờ đại pháp thiên sư Không Lộ, có rõ linh ứng. Chùa dựng lên từ đời Lý. Trong bia đá phần nhiều ghi chép

về sự cống tiến của các vua đời Lý. Chùa rộng rãi, cây cối um tùm, là nơi có cảnh đẹp vào bậc nhất của hàng phủ. Hàng năm cứ đến ngày 15 tháng 9 là ngày sinh nhật của thần là lại mở hội bơi chải để tranh giải được thua.

Thánh Không Lộ họ Dương, cha ông chuyên làm nghề đánh cá, ông bỏ nghề đi học làm sư, tinh thông pháp thuật, bay trên không, đi trên mặt nước, bắt hổ cuội rồng, kỳ quan không ai lường được. Lý Thần Tông phong làm Quốc sư, tha thuế cho 2000 hộ. Ông mất vào khoảng năm Tường Khánh.

Không Lộ lúc còn sống trụ trì ở chùa Dũng Nhuệ huyện Giao Thủy (nay đổi là Dũng Nghĩa thuộc tỉnh Thái Bình) cho nên ở trong huyện có nhiều xã dựng chùa lên thờ như Nghĩa Xá, Trương Nam...

Xã Dũng Nghĩa từ đời Lý, nguyên thuộc tỉnh Nam Định, liên tiếp với xã Hành Thiện. Tên chùa gọi là Thân Quang, sau xã Hành Thiện dựng chùa riêng vẫn gọi tên ấy. Lý Thần Tông thường đến thăm viếng, nghỉ chân ở xã Hành Thiện. Hành Thiện nguyên trước được ban cho là Hành Cung trang, đến năm Minh Mệnh thứ 4 mới đổi là Hành Thiện.

Nhà thờ đạo ở Bùi Chu : nhà cửa lộng lẫy, sân đường mát mẻ, đẹp hơn các nơi khác. Có ông cố đạo người Y Pha Nho ở đây.

Nhà thờ đạo ở Phú Nhai : huyện này nhà thờ đạo rất nhiều, nhưng chỉ có hai nhà thờ này là đẹp nhất.

Kỹ nghệ

Nghề nấu rượu có các xã Trà Lũ, Kiên Lao, Hoàn Nha, Lạc Đạo.

Nghề thợ mộc các xã Hoàn Nha, Trà Lũ là khéo hơn cả.

Nghề thợ may ở xã Hành Thiện, có người thợ may tên là Nguyễn Chi Căn vốn theo nghề học, nhưng vì nghèo đói nên phải lấy nghề may làm kế nuôi mình. Những nhà danh giá trong huyện thường thuê ông may. Ông tính tình phóng khoáng, ham mê văn tự, nơi ngồi làm việc thường dán câu đối, trong đó có một câu như sau :

" Ở đời việc chớ ngại chi, khó quản chi, dễ quản chi, trời dẫu mề cũng còn phải vá,

Gặp vận ai là chẳng thế, giàu đến thế, sang đến thế, người làm nên chỉ bởi bằng may."

Năm mới ông đến chúc tết người thợ nhuộm tên Cầu một bài thơ như sau:

*" Xuân về ngày lại thêm xuân,
Mừng xuân ta rót chén xuân la đà.
Khó hèn năm cũ đã qua,
Chờ xem phú quý vinh hoa từ rày.
Xanh, vàng, đỏ, tía trong tay,
Làm cho nên vẽ phên này mà coi "*

Vịnh bài thơ "Diện tiền hưu hảo điền địa" có câu :

*"Chỉ ư nhãn phóng my khai sái
Hoàn cụ nhân canh nghĩa nậu thiên"*

(Chỉ ở một chỗ đứng mắt mở mày cũng đã đủ có trời cày nhân, bừa nghĩa rồi).

Vịnh bài thơ "Phong thành kiếm khí" có câu :

*" Tài khả lãng vân thiên mạc yểm
Khí ung xuất hạp địa kham cầu "*.

(Tài có thể xông lên mây thì trời không che được, đồ cầu phải ra khỏi hộp thì đất cũng tìm ra).

Thơ vịnh cái cung có câu :

*" Hình huyền đình ngoại do kinh điểu
Anh lạc bôi trung cánh tự xà "*.

(Hình treo ở ngoài sân còn làm cho chim phải sợ, bóng rơi vào chén rượu lại giống hình con rắn).

Lại có câu :

*" Liễu hiềm nỡ nhược oanh nan trú
Hoa dĩ li phi điệp thương lai "*.

(Liễu hiềm mềm yếu oanh không đậu, hoa đã tả toi bướm vẫn đến).

Trong nhà ông có dán mấy câu như sau :

*" Xử thế hà ưu nhân thiếu thực
Cự thân bất tất hạnh đa kì "*.

(Ở đời đừng lo ít người biết mình, đối với mình không cần phải có nhiều vết lạ).

*" Chỉ hữu si tâm đồ thư chuyết
Tâm vô cách cú khả kinh nhân "*.

(Chỉ có lòng si những giữ lấy cái vụng về, thẹn không có câu nói gì hay để làm cho người sợ).

*" Xử thế tự tri dương nhập thế
Cử tâm thường giới vật khi tâm "*.

(Ở đời phải biết nên vào đời, giữ lòng thường rắn chớ có tự dối lòng mình).

*" Khách phùng tri kỉ nan vi biệt
Kỹ hữu giai âm dị khiến hoài "*.

(Khách gặp người tri kỉ khó mà từ biệt, con hát có giọng hay dễ vui lòng).

Xem văn từ của ông có thú vị, thơ cũng bằng phẳng khoẻ khoắn, không phải không có kiến thức. Thế mà không gặp thời, phải làm nghề tầm thường vất vả, thật cũng là hạng cứng rắn nhất trong loài sắt.

Nghề thợ gói ở các xã Dũng Tú, Lạc Quần.

Nghề dệt chiếu ở các xã Trà Lũ, Quần Cống.

Nghề dệt vải ở các xã Tương Nam, Vũ Lao, Hành Thiện, Hà Nam, Bùi Chu. Các phụ nữ hầu hết làm nghề này nhưng đều dệt vải thô chỉ để cho dân cày sử dụng. Chỉ có Tương Nam, Bùi Chu là có tiếng nhưng cũng không được tinh xảo lắm.

Nghề nuôi tằm ở các xã Thuận Yên, Ngọc Cục, Thượng Phúc, Sa Cao.

Phường ở mặt nước các xã Hành Quán, Yên Phú, Kiên Lao ở thuyền làm nghề đan lưới đánh cá để sinh sống.

Nghề đi biển ở các xã Quất Lâm, Hải Huyet thường lấy than đá sơn thuyền ra bể đánh cá.

Thổ sản

Gạo nếp, gạo tẻ, khoai lang, khoai mài, khoai vạc, đậu đều được trồng trong cả phủ.

Cói, bồi mọc ở nơi gần bể, loại dài tốt dùng để dệt chiếu, hạng ngắn xấu dùng để lợp nhà.

Cam vàng các hạt trong phủ đều có trồng cả, đã kê vào sổ dâng tiến nhưng cũng không được ngon lắm.

Rau quan âm không có hoa quả, lấy nhánh cắm xuống đất rồi nảy mầm, trồng vào mùa thu, đến mùa đông thì xanh tốt, lá to như lá cải, sắc xanh mượt. Lấy nước lạnh tưới vào, dần dần lá cong lại thành bao như hoa chuối tiêu, lá đều biến thành màu trắng, ăn rất ngon. Các xã Tương Nam, Ngọc Cục hay sản xuất.

Muối trắng ở Diêm Điền, Quất Lâm.

Nước mắm ở Diêm Điền, Sa Châu. Mắm tôm ở xã Diêm Điền làm nhiều rươi, có khi gọi là hoà căn trùng, sinh ở đất, cứ ngày 20 tháng 9 và ngày 5 tháng 10 hàng năm thì bơi ra. Hai ba ngày rươi sắp ra thường có mưa to gió lớn. Đến khi nước thủy triều tràn vào ruộng thì rươi chui từ dưới đất lên. Người ta lấy vải thưa làm vợt mà bắt rươi. Phạm Sư Mạnh có câu thơ kí sự phủ Thiên Trường như sau :

*" Lưỡng ngạn tân sương kim quất địa
Mãn thành tế vũ thổ hà thiên "*

(Hai bờ sương mới đất kim quất, Đầy thành mưa nhỏ trời thổ hà).

Kim quất tức là cam vàng, còn thổ hà chính là rươi đấy. Xem ra thứ rươi này ở các xã gần bể thường có. Bản huyện và các huyện như Nam Trực, Tiền Hải, Trực Định đều có phần biển nên đều có rươi.

Chim thủy điều hình như con chim quán, mỏ có điểm đỏ, có hai loại lớn và nhỏ. Cứ sau tiết sương giáng (23-10) hàng năm lại có hàng đàn bay đến. Hễ bay từ bắc qua nam thì thường trời tạnh ráo, còn bay từ nam qua bắc phần nhiều trời mưa. Thường ở bờ bể và những chỗ men sông đất cát mới bồi thì có nhiều chim này. Sang mùa xuân thì chúng lại bay đi.

Cá dưa, cá hoàng tước (tục gọi là cá chim) khi bắt được nhiều thì phơi khô để bán. Tôm biển có hai hạng lớn và nhỏ. Loại lớn khi bắt được nhiều cũng thường phơi khô để bán.

Huyện Trực Ninh

Bốn bể huyện lỵ thường có lũy đất, rào tre rộng chừng một mẫu. Huyện Trực Ninh nguyên trước thuộc huyện Nam Chân, năm Minh Mệnh thứ 6 mới chia ra đặt thành huyện Chân Ninh. Đến năm Thành Thái thứ 2 vì gặp chữ huy mới đổi làm huyện Trực Ninh. Huyện lỵ nguyên đặt ở xứ nam

còn cát thuộc xã Cát Chử. Khoảng năm Minh Mệnh dời đến đặt ở xứ tây còn cát. Khoảng năm Tự Đức lại dời về phía nam xa còn cát. Nơi huyện lỵ cũ đóng ngoảnh mặt ra sông Nhị Hà, hai bên tả hữu đều có sông khe bao bọc. Nhà học ở phía tây huyện, rộng hơn 2 sào.

Sông núi

Một dải **sông Nhị Hà** chạy từ phía bắc huyện (thuộc địa phận xã Mật Lãng) chảy quanh phía nam huyện (thuộc xã Quần Liêu huyện Đại An) dài hơn 8000 trượng, rộng 40 trượng, chia các dòng các nhánh cộng 11 cửa sông.

Cửa sông Đào : chảy qua cửa sông ác ở Cổ Lễ, Mật Lãng, cửa sông Quát ở Xuế Đông Trung La, lại qua Văn Lãng, Nam Giản đến bến đò xã Cát Chử, chảy vào sông lớn, dài hơn 2200 trượng, đi mất hơn 6 tiếng đồng hồ. Do sông Nhị Hà tiếp dòng.

Cửa sông xã Phương Đê : chảy qua các xã Phương Khê, Phương Đê, Mật Lãng, Lịch Đông dài hơn 400 trượng. Do sông Nhị Hà tiếp dòng.

Cửa sông Triệu : chảy qua các xã Lộ Xuyên, Tuần Lục, Lương Hàn, Quần Lạc đến sông ác, dài hơn 300 trượng, rộng 1 trượng. Do sông Nhị Hà tiếp dòng.

Cửa sông ác (và các sông dưới đây đều do sông Đào tiếp dòng) : chảy qua các xã Cổ Lễ, Lịch Đông, Quần Lạc đến bến đò Đàm Cát rồi chảy vào sông lớn, dài hơn 500 trượng.

Cửa sông Quát : chảy qua phía đông nam các xã Văn Lãng, Cống Khê, Hạ Đông đến con đê Trang Quĩ. Lại qua cửa sông Đài Giang đến đò Đại Đê, lamf cửa sông Dụng chảy xuống sông lớn dài hơn 800 trượng.

Cửa sông Nữ : tiếp với sông Quát chảy qua các xã Diên Lạng, Ngọc Trác, Ngoại Đông chảy xuống sông lớn, dài hơn 500 trượng.

Cửa sông Chính : do sông Dụng tiếp dòng, chảy qua vùng đê Diên Bình rồi xuống sông lớn, dài hơn 400 trượng.

Cửa sông Mộc (và các sông dưới này đều tiếp nguồn từ sông Nhị Hà): chảy qua xã Hùng Mĩ đến sông Trệ ở xã Quần Phương thuộc huyện Hải Hậu, dài hơn 500 trượng, rộng hơn 1 trượng.

Cửa sông Trệ : chảy qua đồng ruộng các xã Phương Đê, Cát Chử đến xã Quần Phương huyện Hải Hậu, dài hơn 2000 trượng, rộng hơn 1 trượng.

Cửa sông Ninh Giang : chảy qua các xã Ninh Cường, Cát Hạ, Tuần Chử đến tổng Ninh Nhất thuộc huyện Hải Hậu, dài hơn 1800 trượng, rộng hơn 1 trượng.

Cửa sông Nhạc Giang : chảy qua trại Nhạc đến cánh đồng xã Ninh Cường, dọc theo huyện Hải Hậu, dài hơn 1000 trượng, rộng hơn 2 trượng.

Một con đê riêng (do đê sông Đào) đắp qua các xã Mật Lãng, Nhuệ Đông, Trung Lao, Văn Lãng, Hạ Đông, Cống Khê, Ngọc Trác, Diên Lạng, Bằng Trang, Dương Thiên, Đông Trang, Nam Trang, Diên Bình, Quĩ Đê, Liêu Đê, Đại Đê dài hơn 7052 trượng, rộng 6 trượng.

Thay đổi

Hạt huyện này có 7 tổng là : Ngọc Giá, Thần Lộ, Văn Lãng, Phương Đê, Diên Hưng Hạ, Ngọc Giá Hạ, Ninh Cường cộng 51 xã, thôn.

Bốn xã ở tổng Quận Phương tháp vào huyện Hải Hậu mới đặt. Lại lấy 6 thôn xóm là : thôn Nội, thôn Thượng, thôn Hạ, thôn Trung, xóm Tiền, xóm Tuân Chử của xã Cát Chử biệt làm 5 xã. Thôn Nội nguyên của xã Tuân Chử, tổng Ngọc Giá. Ngoài ra lấy thôn Thượng làm xã Trung Hoà, thôn Hạ làm xã Cát Chử Hạ, thôn Trung xóm Tiền làm xã Cát Trung, xóm Tuân Chử đổi làm xã Tuân Chử.

Lại trích trại Nhuê Tây của huyện Nam Trực, trại Hùng Mĩ của xã Đàm Cát lập thành tổng Ngọc Giá Hạ. Huyện Trực Ninh có tất cả 7 tổng, 51 xã, trang, trại, ấp...

Số đình tráng : 5087 người. Các hạng ruộng : 29090 mẫu. Các hạng thổ : 5924 mẫu. Số bạc thuế các hạng đình : 2335,57 đ. Số bạc thuế các hạng ruộng đất : 25311, 77 đ. Số bạc công sưu đồng niên : 10174 đ. Cộng tất cả sưu thuế các hạng : 37821, 32 đ.

Tổng Ngọc Giá có 5 xã, thôn, trang.

Tổng Ngọc Giá Hạ có 6 xã, thôn, trang.

Tổng Ninh Cường có 4 xã, thôn, trang (nguyên trước là tổng Quận Phương, đến năm đầu Thành Thái trích lấy hai xã Ninh Cường, Tam Nhạc lập thành tổng Ninh Cường, còn lại tháp vào huyện Hải Hậu).

Tổng Diên Hưng Hạ có 10 xã, thôn, trang, ấp.

Tổng Thần Lộ có 10 xã, thôn, ấp.

Tổng Phương Đê có 7 xã, thôn, ấp.

Tổng Văn Lãng có 9 xã, thôn, trại.

Nhân vật

Các triều trước có 5 người đỗ đại khoa trong đó 1 Trạng nguyên, 4 Tiến sĩ.

Đào Toàn Phú : người xã Yên Dũng tỉnh Bắc Ninh, nhân đi học rồi làm nhà ở luôn tại xã Cổ Lễ. Đậu Hương cống khoa Giáp tí đời Trần, đến khi thi đình đậu Hoàng giáp. Làm quan đến Lễ bộ Thượng thư Tri thẩm Hình viện sự.

Đào Sư Tích : là con Đào Tuyền Phú, thiên tư thông minh, tài học hơn người, khoa Đại tị Giáp dần Long Khánh 2 từ thi Hương đến thi Đình, ông đều đỗ đầu, cho đậu Trạng nguyên. Bỏ chức Nhập nội đại hành khiển hữu ty lang trung. Khoảng năm Quang Thái nhà Trần, nghịch thần là Hồ Quý Li chuyên quyền, ông giữ chính nghĩa không theo hòa, bị cách chức nhưng ông vẫn không giao động. Thật là không thẹn với khoa danh. Khoảng năm Minh Mệnh triều Nguyễn, nhớ đến tiếng thơm của ông, cho lập đền thờ ở làng cũ. Hàng năm cứ đến tiết thanh minh thì họp nhau quét mồ cúng tế.

Dương Bật Trạc : xã Cổ Lễ, Tiến sĩ khoa át mùi triều Lê, làm quan đến chức Thanh hình án sát sứ Lạng Sơn.

Đinh Thao Ngọc : xã Trùng Hải, Tiến sĩ khoa Mậu thìn đời Lê, làm quan đến Giám sát ngự sử.

Bùi Chí : xã Yên Lãng, Hoàng giáp khoa Tân Mão đời Lê, có tài văn võ, lập nhiều công lao trong đánh giặc, trấn giữ bờ cõi, trái 4 triệu tri ngô, được phong tước Lại quận công. Năm Hoàng Định thứ 17 chuẩn cấp cho tô thuế ruộng 5 mẫu. Năm Trịnh Tộ thứ 8 lại chuẩn cấp cho ruộng ngụ lộc 5 mẫu ở xã ấy. Đến triều Nguyễn xã ấy rút khoản ruộng này ra phụ cấp vào sưu thuế.

Các triều trước đậu Hương cống 20 người, trong đó có 1 người trung liệt.

Đỗ Hạo : xã Tuân Lạc, đậu Hương cống đời Lê, làm quan Huân đạo, Tri huyện. Sau từ quan về làm ruộng, dạy học, lại tự xuất tiền nhà ra làm việc công. Các hạng cô nhi quả phụ đều được chu cấp cả. Đến khoảng năm Thiên Hưng cùng đại thần Lê Xí đánh giặc giúp chính thống, lại dẹp giặc Chiêm Thành, được phong chức lớn. Nhưng rồi lại từ quan về dạy học. Được ban ơn cho thực ấp 1000 hộ. Đến khi giặc Hoài Lan vào xâm lược, ông vâng lệnh đi đánh, nhảy ngựa vào trận bị giặc chém rơi đầu. Ông ôm đầu chạy về hướng nam, dọc theo bờ sông tới bên chùa của bản xã, gặp một bà cụ già. Ông hỏi rằng : " Có thân mình mà không có đầu thì có thể sống được không?" Bà cụ cười nói rằng : "Không có đầu thì chết chứ làm sao mà sống được !" Bấy giờ ông mới rơi từ trên lưng ngựa xuống mà chết. Sâu kiến vùi đất lên làm mả. Nhân dân nhớ ơn đức mới lập miếu thờ. Sau khi phá được giặc Hoài Lan, Thánh Tông nhớ công ông, sai sứ thân đến tế, sửa sang miếu điện, truy tặng Trung Liệt Đại Vương. Từ đó về sau các triều đều có sắc phong, biên vào sổ tự điển.

Đậu Tuyển : xã Tuân Lạc, đậu Hương cống triều Lê, làm quan đến Thiên Trường nha tuần phủ sứ, Hải Dương thừa chính sứ.

Nguyễn Văn Doãn : xã Quần Lạc, Hương cống khoa Giáp tuất triều Lê, làm quan đến Nhiếp biện huyện Tiên Lữ tri huyện.

Trần Huy Hoàng : xã Nam Lạng, Hương cống khoa Đinh Dậu triều Lê, không rõ quan chức.

Ninh Trọng Mưu : xã Văn Lãng, Hương cống khoa Quý Mão triều Lê, làm quan đến chức Tự thừa điện Hiếu Quang.

Phạm Đình Huyền : xã Cát Chử, Hương cống triều Lê, làm quan đến Tri huyện Thuý Vân.

Phạm Tiến Đức : xã Cát Chử, đậu Giám sinh Quốc tử giám năm Nhân ngộ đời Lê, làm quan đến Huân đạo nho sinh phủ Trường Khánh.

Vũ Duy Viên : xã Trung Lao, Giám sinh Quốc tử giám triều Lê, làm quan đến Tri huyện Chân Định, Tiên Lữ thăng Thái bộc tự khanh Hình bộ Viên ngoại lang, Đặc hình đồng bình chương sự.

Vũ Duy Ninh : xã Trung Lao, Giám sinh Quốc tử giám triều Lê, làm quan đến Huyện doãn.

Vũ Duy Bình : xã Trung Lao, Giám sinh Quốc tử giám triều Lê, thi Hội đậu tam trường, làm quan đến Hồng lô tự khanh.

Nguyễn Tuấn Thông : xã Mật Lãng, Giám sinh Quốc tử giám triều Lê, làm quan đến Tri phủ phủ Thiên Trường.

Trần Duy Đán : thôn Vọng Dinh, Hương cống khoa Nhâm tí triều Lê, làm quan đến Tri huyện Quỳnh Côi.

Nguyễn Xuân Huyền : thôn Vọng Dinh, Hương cống khoa Quý Dậu triều Lê, làm quan đến chức gì không rõ.

Đặng Công Khuyến : xã Ninh Cường, Hương cống khoa Tân Mão triều Lê, làm quan đến Huân đạo, Giáo thụ thăng Trung tá đại phu kiêm Hàn lâm viện Hiệu lí.

Phạm Công Đẩu : xã Cát Hạ, Hương cống triều Lê, dạy học trò có nhiều người thành đạt.

Bùi Viết Tuân : xã Phương Đê, Hương cống khoa Quý Mão triều Lê, làm quan đến Tri huyện Vĩnh Khang.

Phạm Hanh : xã Phương Đê, Hương cống khoa Quý Hợi triều Lê, làm quan đến Tri phủ Tĩnh Gia.

Bùi Viết Thuật : xã Phương Đê, Hương cống khoa Quý Hợi triều Lê, làm quan đến Tri huyện Đông Yên.

Vũ Dịch : xã Phương Đê, Hương cống khoa Kỉ Mão triều Lê, làm quan đến Giáo thụ phủ Trường Khánh.

Nguyễn Giản : xã Phương Đê, Hương cống khoa Đinh Dậu triều Lê, làm quan đến Giáo thụ phủ Nghiã Hưng.

Tướng võ các triều trước có hai người :

Phạm Thế Trung : xã Quĩ Đê, triều Lê, có nhiều công lao đánh giặc, làm quan đến chức Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân, vinh phong dực vận công thần, gia tặng Thái bảo, tước Trục quận công.

Triệu Hùng My : xã Quĩ Đê, triều Lê, có nhiều công đánh giặc, làm quan đến chức Phụ quốc Thượng tướng quân, Cẩm y vệ tả hữu hiệu điểm, Yên phượng hầu.

Dân trung nghĩa : có một người ở triều đại trước.

Vũ Trí Hoàn : xã Cát Chử, làm quan Tuỳ hiệu thời Lê, gan dạ và có sức khoẻ. Khoảng năm Vĩnh Hựu có tên giặc là Trần Chân đi đến đầu cướp phá ở đây, nhân dân địa phương đều phải hàng phục và đút lót cả. Chỉ có ông là không chịu đầu hàng, quyết chống lại. Hai em gái ông cùng toàn gia đều cầm túi tro gạch ngói chống giữ ba mặt, một mình ông cầm gươm giữ vững một mặt. Cầm cự được vài ba ngày, sau vì lực lượng ít không giữ nổi, bị giặc phá tan. Sau quan quân đem quân dẹp yên được giặc, bản xã đem việc ông tâu lên, triều Lê khen ngợi ban thưởng cho ông làm dân trung nghĩa. Ngày 6 tháng 8 năm Cảnh Hưng thứ 2 triều đình ban cho một biển thếp vàng đề ba chữ "Trung nghĩa dân". Nay còn treo ở giữa đình xã.

Cử nhân triều Nguyễn có 23 người :

Phạm Đức Thâm : xã Dịch Diệp, Cử nhân khoa Mậu Thân năm đầu niên hiệu Tự Đức, khi đi thi Hội thì ốm chết.

Lê Hữu Quang : xã Dịch Diệp, Cử nhân khoa Canh Tuất Tự Đức thứ ... làm quan đến Tri huyện Hậu Lộc.

Phạm Vụ Mẫn : xã Dịch Diệp, Cử nhân khoa Đinh Mão Tự Đức 20, làm quan án sát Nam Định, nay về hưu trí ở quán.

Nguyễn Huy Uẩn : xã Dịch Diệp, Cử nhân khoa Giáp Thân năm đầu niên hiệu Kiến Phúc, bổ Tri huyện Hải Hậu.

Vũ Hữu Giáo : xã Dịch Diệp, Cử nhân khoa Bính Tuất năm đầu niên hiệu Đồng Khánh, Hiện ở quê dạy học, chờ dịp đi thi Hội.

Phạm Điển : xã Phương Đê, Hương cống khoa Đinh Mão Gia Long 6, làm quan đến Tri phủ Kiến Xương, vâmh mệnh đi sứ Tàu.

Nguyễn Tứ : xã Phương Đê, Hương cống khoa Quý Dậu Gia Long 12, làm quan đến Tuần phủ Quảng Trị.

Bùi Tuyển : xã Phương Đê, Hương cống khoa Quý Dậu Gia Long 12, làm quan đến Đốc học Nghệ An.

Vũ Hạo : xã Phương Đê, Hương cống khoa Kỉ Mão Gia Long 18, làm quan đến Đốc học Hà Tĩnh.

Vũ Tự : xã Phương Đê, Cử nhân khoa Bính ngọ Thiệu Trị 6, ở nhà dạy học rồi mất.

Nguyễn Huyền : xã Phương Đê, Cử nhân khoa Đinh Mùi Thiệu Trị 7, Làm quan đến Giám sát sứ đạo Thuận Khánh.

Nguyễn Luyện : xã Phương Đê, Cử nhân khoa Giáp Tí Tự Đức 17, làm quan đến Giáo thụ phủ Xuân Trường, hiện nghỉ hưu.

Phạm Phan : xã Phương Đê : Cử nhân khoa Đinh Mão Tự Đức 20, làm quan đến Tri huyện Tiên Lữ. Ông là con của Phạm Điển.

Vũ Đức Hoảng : xã Phương Đê, Cử nhân khoa Đinh Mão Tự Đức 23, làm quan đến Huân đạo Gia Viễn.

Lê Văn Lâm : xã Lộng Khê, Cử nhân khoa Giáp Thân năm đầu niên hiệu Kiến Phúc, hiện là Huân đạo huyện Kim Lung.

Phạm Khắc Thận : xã Cát Hạ, Cử nhân khoa Giáp tí Tự Đức 17, làm quan đến Huân đạo Nam Xương.

Trần Tất Đạt : xã Cát Hạ, Cử nhân khoa Bính tuất năm đầu niên hiệu Đồng Khánh, mất năm Mậu tí.

Đinh Văn Nhã : xã Trừng Hải, Cử nhân khoa Mậu ngọ Tự Đức 11, làm quan đến án sát Ninh Bình. Hiện về hưu ở quê.

Lưu Thiện Kế : xã Đàm Cát, Cử nhân khoa Tân dậu Tự Đức 14, làm quan đến Thương biện Mỹ Đức.

Trần Trác : xã Cát Chử, Cử nhân khoa Mậu thìn Tự Đức 21, làm quan đến Tri phủ Hà Thanh (Hà Tĩnh).

Ninh Quý Thành : xã Văn Lãng, Cử nhân khoa Mậu dần Tự Đức 31, hiện làm Huân đạo An Dương.

Trần Xuân Dục : xã Diên Lang, Cử nhân khoa Tân mao Thành Thái thứ...

Vũ Xuân Du : xã Vọng Dinh, Cử nhân khoa Tân mao Thành Thái 3.

Quan võ thuộc triều Nguyễn 3 người :

Vũ Quang Nhạ : xã Trung Lao, có công lớn trong mộ lính dũng ở tỉnh Bắc Ninh, được làm quan trải từ Huyện phủ, hàm Tuần phủ, lĩnh Tổng đốc Ninh Thái, làm then chốt cửa bắc, có huân công lớn. Năm ngoái được thực thụ Tổng đốc, phong tước An Tập Nam.

Trần Duy Trân : xã Dịch Diệp, từ lính làm đến Phó vệ úy. Năm Tự Đức 15 ông đi đánh giặc bị chết trận, được tặng chức Cẩm binh vệ úy.

Tiết phụ hiện nay có 3 người :

Trần Thị Sửu : xã Dịch Diệp, lấy chồng họ Phạm, 17 tuổi sinh con trai, năm sau chồng chết. Bà ở vậy thờ chồng nuôi con khôn lớn. Bà chính là mẹ của quan án sát Phạm Vụ Mẫn đây.

Đinh Thị Hoan : xã Yên Lạng, chồng họ Mai, 16 tuổi sinh con trai, 18 tuổi chồng chết. Bà ở vậy nuôi con tới khi thành gia thất và thờ bố mẹ chồng rất là hiếu thảo. Năm nay bà 60 tuổi.

Nguyễn Thị Nghị : xã Cát Hạ, 18 tuổi chồng chết, không có con, ở hoá giữ tiết. Năm nay bà 62 tuổi.

Phong tục

Sùng trọng nền nho học. Các xã Ngọc Giả, Cát Chử, Phương Đê, Dịch Diệp, Văn Lãng, Nam Lạng, Đàm Cát, Trùng Hải, Cổ Lễ, Quĩ Đê... đều có một toà Văn chỉ riêng. Hàng năm vào mùa xuân, mùa thu nhân dân hội họp cúng tế.

Các xã Ngọc Giả, Cát Hạ, Hàn Xuyên, Yên Lạng có lệ : Hễ người nào đi học thì được miễn trừ binh, giao, tạp dịch ; Ai thi đỗ thì được cả xã rước mừng. Riêng xã Cát Hạ còn cấp tiền tốn phí cho học trò đi thi, nếu thi đậu sẽ được tiền thưởng và công bố cho mọi người biết. So với các xã thì xã Cát Hạ lại càng hậu hĩnh hơn.

Các xã Liễu Đề, Cát Chử, Ninh Cường xưa nay đề ham văn học, thường mời thầy về dạy cho con em mình noi theo (xã Liễu Đề có một nhà học, xã Ninh Cường có hai nhà học) hoặc chia hạng ra khảo hạch để cho lớn bé đều biết tranh đua. Xã Cát Chử thường mở kì thi vào mùa xuân, chia làm ba hạng đại, trung, tiểu và mời các nhà khoa mục về chấm thi. Đó đều là tập tục tốt cả, nhưng từ ngày xảy ra nhiều vụ việc tới nay, xã Cát Chử đã thôi việc khảo khoá, xã Liễu Đề nhà học cũng bỏ hoang, học điền cũng rút đi để cung cấp vào việc khác. Chỉ có xã Ninh Cường đến nay vẫn giữ được tập tục cũ. Hai sở nhà học và hai sở nhà thờ đều giữ lấy sự giáo dục của mình, chưa rõ bên nào sáng, bên nào mờ.

Về việc thờ thần :

Nhân dân các xã đều có lệ thờ thần, đình miếu bốn mùa bát tiết, mùa nào thức ấy kính dâng phẩm vật. Hoặc một năm tế cầu phúc một lần, hoặc ba năm một lần. Hễ đến kì thì rước kiệu ra đình hát xướng cung phụng. Việc mở hội tế thần thì lệ ở mỗi làng mỗi khác. Các xã Phương Tường, Thủ Trao, Trí Kinh, Hàn Xuyên ... thì mở hội đánh vật giành giải hơn thua. Cát Chử mở hội đấu cờ người, trai gái ăn mặc màu áo khác nhau.

Lệ khánh lão :

Lệ khánh lão ở các xã Cát Chử, Quĩ Đê, Trùng Hải, Diên Bình, Yên Lạng, Liễu Đề, Quần Lạc đều theo lối phong hậu, đều có ruộng đất để làm cỗ, đều có đình sở để dọn yến tiệc. Hàng năm sau lễ tế xuân đều có cỗ mừng. Từ 60 tuổi trở lên thì được dự yến. Người 70, 80 tuổi trở lên mỗi người còn có một cỗ riêng. Xã Quĩ Đê còn có tiền mừng mỗi cỗ 3 quan. Gậy

làng sau trước chén xuân mặc tỉnh say, hớn hở cùng nhau chung vui nên xuân cõi thọ. Do đó thấy được cái nền giáo dục hiếu đê của bản triều ta vậy. (Theo lễ "Hương âm tửu" trong sách "Lễ kí" đến tuổi 60 thì được chống gậy đi dự lễ làng).

Lệ hôn nhân :

Trai lấy vợ bản xã thì phải nộp tiền cheo như sau : Cát Chử 3 quan, Hàn Xuyên 5 quan một mạch, Cống Khê 1 quan hai mạch. Nếu lấy người xã khác thì phải nộp gấp đôi.

Lệ tang :

Tang gia xin hội văn và bản giáp giúp làm việc tang lễ. Các xã có sự khác nhau như sau :

- Lệ xã Cát Chử có 3 hạng là :

1- Lệ đồ trung : các khoản tốn phí nghi lễ hết chừng 2000 quan.

2- Lệ khiên điện : nghi lễ tốn phí khoảng trên 1000 quan.

3- Lệ tổng chúng : nghi lễ tốn chừng 800 quan.

- Lệ xã Hàn Xuyên cũng có 3 hạng :

1- Sắm sửa đủ cỗ bánh chung, bánh tròn, kính biếu đủ hết các vị thượng hạ.

2- Kính biếu đủ một bàn xôi lợn, rượu một vò, cau trầu đủ số.

3- Chiết nộp bằng tiền, mỗi lệ 10 quan.

Sùng trọng đạo giáo :

Xã Trung Lao có 5 nhà thờ. Các xã Ninh Cường, Liễu Đề, Yên Lãng, mỗi xã có 2 nhà thờ. Các xã Đại Đê, Sa Đê, Nam Lạng, Nhuế Tây, Trung Hoà, Tam Nhạc mỗi xã đều có một nhà thờ. Mỗi khi đến ngày lễ, già trẻ, trai gái không hẹn mà tập trung kể có hàng trăm hàng nghìn, theo vào hai cửa bên phải bên trái ngòi theo hàng lối mà nghe giảng kinh, nghiêm trang làm lễ.

Đạo giáo đại đê cũng khuyên mọi người bỏ ác theo thiện, trong thì giữ 10 điều răn, ngoài thì bỏ 3 mối thù để được siêu thăng lên thiên đàng. Cũng hơi giống như đạo Phật. Nếu theo đạo giáo thì tín đồ sáng tối phải đọc kinh, đói khổ đều được giúp đỡ. Vì vậy tục ngữ có câu : "Đi đạo lấy gạo mà ăn". Dạy chuyên mà ơn rộng, bọn thất phu thất phụ đi theo ngày càng nhiều. Họ tôn thờ linh mục như thần linh, gọi linh mục là "Đức Cha". Nếu hàng ngày có làm gì tội lỗi thì đến kì xưng tội đều phải thú nhận để được khoan tha, không giám dấu diếm.

Những câu ngạn ngữ, tục ngữ :

- Hàn Ninh Cường, đường Cát Giả (tức Cát Chử), mã Quần Anh (đều chề là nhỏ hẹp) .

- Chiêng Sòng, công Đáy (tức Phương Đê), mõ Trung Khê (một thôn của xã Lộng Khê, đều khoe khoang là có tiếng to).

- Quần Anh cấm chột, Cát Giả nút thuyền (Hai xã này đều giàu có mà keo bản).

- Chết dâu, chết rẻ không bằng Phương Đê đến nhà (vì phong tục Phương Đê quá tham lam, keo sèn).

Cổ tích

Nhà Văn chỉ huyện ở xã Lịch Đông có từ đời Trần, từ nhà Lê về sau hàng năm xuân thu nhị kì cúng tế. Lấy những văn thân đại khoa, trung khoa trong huyện chia nhau đến tế. Gần đây giảm bớt chỉ còn lễ xuân tế mà thôi.

Miếu thờ ông Tiến sĩ họ Đào tại xã Cổ Lễ : Do các văn thân trong huyện dựng lên vào đời Minh Mệnh. Có bia đá ghi sự tích. Trong miếu có hai câu đối như sau :

*"Kim âu xã tắc quân thân nghĩa,
Thạch mã sơn hà phụ tử danh".*

(Xã tắc âu vàng nghĩa vau tôi, non sông ngựa đá tiếng cha con).

Câu này do thân đồng Dương Ngạn trong xã làm ra.

Lại một câu như sau :

*"Quan vu Trần, cao nhất môn khoa giáp
Miếu vu áp, đại thiên cổ phong thanh".*

(Làm quan với nhà Trần, nêu cao khoa giáp một cửa, dựng miếu ở bản xã, làm lớn tiếng tăm đến nghìn đời).

Câu này là do ông Phạm Nghị hoàng giáp xã Tam Quang làm ra.

Chùa cổ Thanh Quang : ở xã Phương Đê, dựng năm Quang Hữu 10, một toà hữu điện trước sau, phải trái liền với nhau, kiến trúc theo lối cổ và rất chắc chắn. Bên trong có một đôi bình bằng sành, đắp rồng nổi quần xung quanh, dài hơn 2 thước, hình thù rất kì lạ, lưng bình in chữ "Phật". Đây là đồ xưa của Tàu. Bên ngoài có quả chuông đồng, đường kính 1 mét 5 tấc, cao 4 thước, đúc năm Gia Long 18. Một cái khánh đồng đúc năm Cảnh Hưng 7, dài 5 thước, có bài minh để ghi nhớ. Đây cũng đều là vật cổ cả.

Cầu ván thôn Kinh : ở trên sông Giá thôn Kinh thuộc xã Mật Lãng, rường cột rộng rãi vững vàng, trên cầu có thể đi ngựa, dưới sông có thể đi thuyền, bên phải bên trái cầu đều có bậc để ngồi nghỉ ngơi. Tương truyền trải hơn 1000 năm mà rường cột vẫn nguyên như cũ.

Kỹ nghệ

Xã Phương Đê thì mua tơ về dệt thành lụa. Xã Dịch Diệp dệt vải thô. Xã Nam Lạng dệt chiếu cói và đục đá. Phường Nhạc bắt tôm đánh cá. Xã Trung Lao dệt vải mỏng. Làng Nhạc làm lưới quét.

Thổ sản

Những vùng đồng bằng ưa trồng lúa, dâu, rau cải lớn. Chợ Ninh Cường nhiều cua bể. Xã Quĩ Đê nhiều trứng rạm. Xã Tam Nhi nhiều chim hoàng tước.

Phụ lục :

Dịch nghĩa bài văn bia ở miếu hai ông họ Đào tại Cổ Lễ

Nền văn hiến ở Nam Giao dưới thời Trần rất là thịnh. Bấy giờ 4 huyện của phủ Xuân Trường đều là nơi gần kinh đô. Cho nên cái nền giáo hoá nhân hậu ưu việt của lễ, nhạc, thi, thư được thấm nhuần sâu hơn ở các lộ khác. Nhân tài từ đó mà sinh ra.

Người trứ danh nhất trong hàng đệ nhất giáp thì huyện Thượng Nguyên có Nguyễn tiên sinh ở Dương A. Ông là Trạng nguyên khai hoa của cả nước. Lâu hơn ít nữa đến khoa đại tị Nhân dân Long Khánh 2 đời Duệ Hoàng thì Đào Sư Tích ở xã Cổ Lễ lại nổi theo, Bảng nhãn Lê Hiến Phủ ở Thượng Lao cũng đậu đồng bảng. Hai ông đều là nhân vật của hạt Tây Chân cả.

Thực lục của huyện chép : "Ông Đào lớn huý Tuyên Phú, đậu Hoàng giáp là người đã sinh ra tướng công" (tức Đào Sư Tích).

Trong khoảng 114 năm, các bậc tuần kiệt trước sau từng lớp nối tiếp nhau mà sinh ra, há không phải là do sự giáo hoá sâu dày mà được như thế ư ?

Ông Đào lớn làm quan Tri thẩm hình viện sự, công danh sự nghiệp bị bỏ sót không ghi chép lại. Còn tướng công sau khi đậu Trạng nguyên được 8 năm thì được bổ chức Nhập nội đại hành khiển kiêm Hữu ti lang trung, làm quan ở chức khu yếu. Nghệ Hoàng làm sách "Bảo Hoà dư bút" đã sai ông làm bài đề tựa. Về văn học ông được tri ngộ là như thế đấy.

Trong khoảng năm Quang Thái, tên nghịch thần chuyên quyền (chỉ Hồ Quý Li), ông giữ chính nghĩa không theo hùa nên bị cách chức, nhưng ông không vì thế mà dao động. Về việc giữ tiết lại như thế đấy.

Than ôi ! Sự tích của Nguyễn Trạng nguyên đã mờ mịt. Ông họ Lê thì lòng son tuấn theo nước, tấm lòng ông "không phải chiếu, không phải đá", sách trung nghĩa chép lại còn chói lợi rõ ràng. Còn như hai ông họ Đào, con kế cha đậu Trạng nguyên, trước sau chói sáng, thật đã tốt đẹp trong một gia đình lớn mà tướng công về sau gặp lúc nguy nan vẫn không chịu làm gạch đá để được vẹn toàn, thà làm ngọc mà phải nát tan, so với Hiến Phủ đại phu thật không hổ thẹn.

Thế thì nghĩa phương tốt đẹp của đại công, phẩm vọng cao quý của tướng công, há chỉ được tiếng khen là bậc nho hiền của một đời Trần thôi ư ? Kinh lễ có nói rằng : "Trong nước có bậc tiên hiền thì phải phụng sự". Như thế không phải chỉ để biểu dương đức sáng đã qua, đạo lành còn dấu, mà còn để làm gương cho thiên hạ đời sau noi theo nữa.

Hai ông họ Nguyễn, họ Lê đều có đền thờ ở làng mình, còn hai ông họ Đào chỉ có người làng hàng năm đến mộ quét tế lễ một lần mà thôi.

Tây Ninh là đất cũ của Tây Chân xưa kia. Khoảng năm Minh Mệnh triều Nguyễn, vì địa hạt quá rộng nên mới chia làm hai. Bây giờ văn học đương lúc mở mang, chấn thịnh, đã có người đậu đại khoa. Các bậc văn thân nghĩ đến dấu thom xa, cho rằng hai ông họ Đào phải có đền thờ riêng, nên mới đi bày tỏ với quan Thái thú họ Lự và quan Doãn họ Phạm. Hai ông đều nói rằng việc này không phải chỉ là trách nhiệm riêng của các văn thân, mà hai ông đã để ý từ lâu nhưng còn thiếu sót, nay giám đâu lại không đóng góp một phần. Hai ông đã bỏ tiền lương của mình ra đóng góp và kêu gọi mọi người tham gia. Còn các văn thân thì đem tiền bạc góp vào. Những tổng lý, hương hào chuộng nghĩa cũng lấy tiền công tiền tư giúp đỡ, không phải thúc dục mà tự nguyện đóng góp. Khi vật liệu đã đủ rồi, quan Doãn họ Phạm thân đến xem xét công việc, cho xây dựng ở cánh đồng ốc Thượng thuộc làng của hai ông họ Đào, chọn người đôn đốc. Ngôi đền 3 gian quay mặt về hương thôn, gian giữa thờ hai ông Đào, hai gian đông tây thờ thờ Tiên sĩ Dương Bật Trạc và các vị Hương công của làng.

Bắt đầu từ mùa đông năm ất mão khởi công, đến mùa hạ năm nay thì hoàn thành, mới sắm sửa các đồ tự khí và đặt ruộng tự điền, giao cho người trong xã bảo quản.

Hàn năm đến ngày thanh minh, các văn thân đến mộ quét dọn và cúng tế ở đền. Đến tiết trung thu thì hàng xã tế lễ theo tục cũ. Khoán ước làm xong rồi mới đến nhờ chúng tôi làm bài kí.

Chúng tôi, Ngô Thế Vinh rất phấn khởi nói rằng việc này là việc tốt. Trước đây chúng tôi đã làm bài kí cho đền thờ ông Trạng nguyên Cổ Da, đã biết trước là huyện Chân Ninh cũng sẽ làm việc này. Vì nền khoa bảng của huyện ta, hai ông họ Đào là mở đầu rồi từ đó gia giáo nho hạnh mới tốt đẹp và thịnh dần lên. Xét lịch sử các bậc tiên hiền của châu ta thì hao ông đối với phủ là người kế tục có tiếng tăm to lớn, việc dựng đền thờ là không thể thiếu được.

Than ôi ! Lầy đạo lí chân chính như các ông so với tên bọm già "Đỏ mỏ" (chỉ Hồ Quý Li) ; Y có thể cướp được cái âu vàng mười đời mà không thể trốn được búa rìu nghìn thu ; Y có thể đè nén ông trong một thời mà không khuất phục được tướng công sau muôn thuở. Một lành một dữ thì quả đã rõ ai sang trọng, ai dơ bản rồi.

Từ nay về sau, những người nước ta, hễ ai đến văn cảnh đền này phải biết đạo làm cha dạy bảo con đứng đắn là như thế, đạo làm con nối tiếp cha hiếu thảo là như thế, đạo làm tôi trung chính không theo gian tà là như thế. Hễ ai bội nghịch thì gặp điều xấu, tu hành thì được tốt đẹp để biết mà lo mài dũa, không phụ với truyền thống văn hiến. Khiến cho những người chép sử sau này phải khen huyện ta là có nhiều bậc quân tử. Đấy há chẳng phải là cái ý chính của hai vị quan phủ, huyện và của các bậc văn thân đấy ư ! Vậy xin chép vào đây để lưu truyền về sau và có bài minh rằng :

*"Tại mé sông xã Cổ Lễ có ngôi đền mới,
Cái mô phạm tốt đẹp của hai vị hiền ngày xưa,
Để lại sự nhớ tiếc cho chúng ta,
Kính dâng lễ vật để cầu nhiều phúc,
Những người quân tử sau này
Chớ quên sự tốt đẹp của những người trước "*

**Đệ tam giáp Tiến sĩ Bái Dương huyện Nam Trực Ngô Thế Vinh
kính soạn bài văn bia và bài minh này.**

Bài minh khắc vào quả chuông ở chùa Thanh Quang (Đúc năm Gia Long thứ 18)

Ở huyện Nam Chân
Ở xã Phương Đê
Ở thôn Cự Trữ
Ở chùa Thanh Quang
Ta đúc chuông này
Theo ý muốn của dân làng
Nếu không phải ông Bùi
Thì ai chủ trương việc này
Khi quả chuông quý ra khỏi lò
Treo lên đánh tiếng rất to
Tiếng hoà vui với mọi người
Tiếng vang lên tận trời
Không có việc gì là không hoà

Đề cùng nhau hưởng nhiều phúc
Phải nói rằng của quý này đề lâu dài
Không xa mà trở lại

Bài minh khắc vào cái khánh chùa thanh quang (Đức năm Cảnh Hưng thứ 7)

*Chỉ có lòng người
Ra vào không nhất định
Phải ổn định và củng cố căn bản sự khôn
Để nghe và để biết cơ quan giác ngộ
Chất thì bằng vàng
Tên gọi là khánh
Xét thấu chân lý
Một động một tĩnh
Để biết hết sự tuần phòng cảnh tỉnh mới biết được tiếng thật
Hình khí tuy thô sơ nhưng ý rất sâu xa
Có nhân có quả mà không có hoa, chớ nói nông cạn
Ta (tức cái khánh) nói với mọi người rằng:
Nên hết sức cố làm điều lành.*

Huyện Vụ Bản

Huyện đường và học đường đều dời đi nơi khác hết.

Huyện lỵ huyện Vụ Bản nguyên ở địa bàn xã Mỹ Côi, Côi Sơn tổng Vân Côi. Đến năm Minh Mệnh 11 đắp thành đất ở hai xã Châu Phách và Thái La thuộc hai tổng Đồng Đội và Bảo Ngũ.

Năm Tự Đức 7 đổi đặt huyện lỵ. Năm Tự Đức 33 dời đến xã Thái La. Năm Đồng Khánh 3 lại trở về chỗ cũ ở xã Thái La và Châu Phách. Vườn huyện rộng 3 mẫu 4 sào 4 thước 3 tấc. Thành đất cao 6 thước, trên mặt rộng 4 thước, chân rộng 10 thước. Mặt tiền quay về hướng nam, phía đông 24 trượng, phía tây 20 trượng, hai phía nam bắc đều 19 trượng.

Núi sông

Núi Gôi : thuộc địa phận hai xã Minh Côi, Côi Sơn tổng Minh Gôi, đất bằng nổi lên, cạnh núi có một ngôi chùa. Núi này còn có tên là núi Tiên. Trên núi có bàn cờ và một ngôi chùa, ở bên trái có một cái giếng, bốn mùa đều có suối nước, uống có mùi thơm khác lạ. Bên chùa có một cái hang, trong hang có đá hơi giống tiên, tục gọi là chùa Bụt Mộc. Núi này đẹp hơn các núi khác.

Núi Hổ : thuộc địa phận xã Hồ Sơn tổng Hồ Sơn, chon von cao vút. Trên núi có ngôi chùa cổ. Tục truyền Huyền Trân công chúa thời Trần trụ trì ở đây.

Núi Trang Nghiêm : thuộc địa phận xã Trang Nghiêm tổng Đồng Đội. Tương truyền tướng nhà Triệu là Lữ Gia bị quân nhà Hán bắt ở đây. Trên núi có chùa Bảo Đài. Chân núi có đền thờ thần núi. Các nhà phong thủy truyền nhau rằng núi này từ núi An Lão thuộc tỉnh Hà Nam chìm xuống rồi nhô lên. Núi Trang Nghiêm cùng núi Xuân Bảng ở Tiên Hương đều là một dải liền nhau. Núi Trang Nghiêm với sông Nghiêm, nước sông này thông với nước sông Vĩnh Trụ.

Núi Yên Thái : thuộc làng Tiên Hương tổng Đồng Đội. Trên núi có chùa Linh Sơn, chân núi có đền thờ thần núi.

Núi Lê Xá : thuộc xã Lê Xá tổng Vân Gôi, trên núi có một ngôi đền.

Sông Vĩnh Giang : trên từ xã Yên Duyên tổng Yên Cự, dưới đến xã Tiên Hào tổng Hồ Sơn, chảy qua các xã trong huyện dài như sau :

- Tổng Yên Cự : xã Yên Duyên 1278 trượng, thuộc xã Yên Cự 266 trượng, thôn Ngoạ 508 trượng, xã Vọng Cổ 644 trượng, xã Đại Đê 14 trượng.

- Tổng Trình Xuyên : xã Trình Xuyên 979 trượng, xã An Nhân 399 trượng.

- Tổng Hào Kiệt : xã Hào Kiệt 399 trượng.

- Tổng Bảo Ngũ : xã Bất Di 65 trượng.

- Tổng Hồ Sơn : xã Ngô Trang 419 trượng, xã Vĩnh Lại 174 trượng, xã Tiên Hào 244 trượng.

Đường đê :

Một con đường đê cỏ bông thuộc tổng Trình Xuyên, phía trên giáp xã Gia Hoà huyện Mỹ Lộc, phía dưới đến xã Phú Cốc cũng thuộc tổng ấy, giáp hạt huyện Nam Trực, dài 1257 trượng (Trong đó có một đoạn ở xã Bách Cốc bị xung kích, mới dời đi chỗ khác, hiện đang đắp. Xã Phú Cốc 122 trượng, xã Bách Cốc 2 đoạn 370 trượng, thôn Tiểu Cốc 2 đoạn 764 trượng 5 thước. Lại một đoạn của xã Bách Cốc mới 227 trượng).

Một con đê riêng, trên từ xã La Xá tổng La Xá, giáp xã Thành Thị thuộc tỉnh Hà Nam, dưới xuống đến xã Phú Thứ tổng Vân Gôi, giáp xã Quảng Yên huyện Đại An, cộng dài 7006 trượng. Đê này bao quanh các huyện Thượng Nguyên, Mỹ Lộc, Vụ Bản và thành tỉnh. Ngày tháng 6 năm Thành Thái thứ ... con đê công Mễ Trường không vững, nước sông tràn vào làm cho con đê riêng chỗ bị tràn, chỗ bị vỡ, chỗ thì bỏ lâu không tu bổ vì nhân dân trong hạt ý vào con đê công ở sông lớn. Dựa vào cái lớn (con đê công) mà không tính đến cái nhỏ (đê riêng) bảo là bỏ qua được. Nhưng không biết từ trước đã có, nay nhân đó mà sửa sang vào. Nếu chẳng may mà con đê Mễ Trường bị vỡ, thì một dải đê riêng này cũng bảo vệ được mùa màng của ba hạt. Năm trước quan tỉnh sức cho dân phải đắp sửa lại là vì thế.

Chợ các hạng cọng 11 cái.

Chợ hạng nhất 2 cái ở xã Mỹ Gôi và xã Côi Sơn thuộc tổng Vân Gôi.

Chợ hạng tư 3 cái ở xã Bảo Ngũ tổng Bảo Ngũ, xã Quả Linh tổng Trình Xuyên, xã Hào Kiệt tổng Hào Kiệt.

Chợ hạng năm 6 cái ở xã Trình Xuyên tổng Trình Xuyên, thôn Tiêu Cốc tổng Trình Xuyên, Xã Vọng Cổ tổng Yên Cự, xã Vĩnh Lại tổng Hồ Sơn, xã Đại Đê tổng An Cự, xã Nhân Nội tổng La Xá.

Duyên Cách (Thay đổi)

Huyện Vụ Bản hiện có 10 tổng 90 xã thôn. 10 tổng là : Hiến Khánh, La Xá, Phú Lão, Đồng Đội, Vân Gôi, Trình Xuyên, An Cự, Bảo Ngũ, Hào Kiệt, Hồ Sơn.

Tổng La Xá : nguyên trước Vụ Bản có 11 xã nay tháp vào tỉnh Hà Nam 6 xã, còn 5 xã đổi làm tổng La Xá.

Tổng Phú Lão : nguyên trước là tổng Hoàng Lão, khoảng năm Tự Đức mới đổi là tổng Phú Lão.

Tổng Vân Gôi : nguyên trước là tổng Đãng Gôi, đến năm Kiến Phúc đổi làm tổng Vân Gôi, năm Thành Thái mới đổi là tổng Vân Gôi.

Xã Văn Gôi : trước là Minh Gôi, khoảng năm Kiến Phúc đổi là Vân Gôi.

Xã Đồng Lạc : trước là Động Xích, nay đổi là Đồng Lạc.

Xã Vân Gôi : trước là Đãng Gôi, nay đổi là Vân Gôi.

Xã Yên Duyên : trước là An Tiêm, nay đổi là Yên Duyên.

Trang Đồng Văn : trước là trang Đồng Thi, khoảng năm Thiệu Trị đổi là trang Đồng Văn.

Thôn Hàn : trước cùng thôn Khánh thuộc xã Hiến Môn, nay chia ra hai thôn, tức có triện riêng.

Thôn Khánh : trước là thôn Mang, khoảng năm Minh Mệnh đổi là thôn Khánh.

Thôn Nhân Nhuế : trước là thôn Nhuế, năm Thành Thái thứ 3 đổi là thôn Nhân Nhuế.

Xã Yên Thứ : trước xã Yên Quang, triều Nguyễn đổi là xã Yên Thứ.

Xã Thám Thanh : trước là thôn Thám, đời Tự Đức chia ra hai xã thôn.

Thôn Thám Thanh : nguyên thôn Triệu, thôn Bùi cùng một xã, triều Nguyễn chia ra làm hai xã thôn.

Xã Lập Thành : trước là Lập Vượng, triều Nguyễn đổi là Lập Thành.

Xã Bối La : trước là Bối Duyên, năm Gia Long đổi là Bối La.

Xã Thái La : trước là Thái Tuyền, năm Gia Long đổi là Thái La.

Xã Yên Trạch : trước là Khổng Trạch, năm Tự Đức đổi là Yên Trạch.

Xã Cao Phương : trước là Cao Hương, năm Hàm Nghi đổi là Cao Phương.

Xã Vĩnh Lại : trước là Cổ Sư, triều Lê đổi là Vĩnh Lại.

Xã Hồ Liên : trước là Hồ Liễu, nay đổi là Hồ Liên.

Xã Hướng Nghĩa : trước là Kinh Nghĩa, nay đổi là Hướng Nghĩa.

Xã Diên Trường : trước là Bạch Trường, nay đổi là Diên Trường.

Xã Hành Nhân : trước là Hành Cung, nay đổi là Hành Nhân.

Xã Phong Cốc : trước là Lúa Thôn, nay đổi làm xã Phong Cốc.

Thôn Hạnh Lâm : trước là xã Hàn Lâm, năm Tự Đức đổi làm thôn Hạnh Lâm.

Xã Vọng Cổ : trước là Kim Phô, nay đổi là Vọng Cổ.
Xã Trưng Uyên : trước là Hoàng Uyên, nay đổi là Trưng Uyên.
Xã Tiên Hương : trước là Yên Thái, năm Tự Đức thứ 14 đổi là Tiên Hương.

Xã Xuân Bảng : trước là Kim Bảng, nay đổi là Xuân Bảng.

Thôn Phú : trước là thôn Hoàng, nay đổi là thôn Phú.

Xã Phú Lão : trước là Hoàng Lão, nay đổi là Phú Lão.

Xã Phú Nội : trước là Bạch Nội, nay đổi là Phú Nội.

Xã Đại Lão : trước là Đại Hoàng, nay đổi là Đại Lão.

Thôn Nhị : trước là thôn Lỗ, nay đổi là thôn Nhị.

Bạc thuế đồng niên cộng : 27495, 6 đ.

Bạc sưu đồng niên cộng : 6472,9 đ.

Số đinh : 3233 người.

Tổng La Xá : Ruộng công tư các hạng 1760 mẫu, thổ các hạng 371 mẫu.

Tổng Phú Lão : Ruộng công tư các hạng 5022 mẫu, thổ các hạng 631 mẫu.

Tổng Hiền Khánh : Ruộng công tư các hạng 3059 mẫu, thổ các hạng 509 mẫu.

Tổng Đồng Đội : Ruộng công tư các hạng 4352 mẫu, thổ các hạng 68 mẫu.

Tổng Vân Gôi : Ruộng công tư các hạng 2310 mẫu, thổ các hạng 250 mẫu.

Tổng Bảo Ngũ : Ruộng công tư các hạng 2310 mẫu, thổ các hạng 364 mẫu.

Tổng An Cự : Ruộng công tư các hạng 3476 mẫu, thổ các hạng 401 mẫu.

Tổng Trình Xuyên : Ruộng công tư các hạng 3008 mẫu, thổ các hạng 518 mẫu.

Tổng Hào Kiệt : Ruộng công tư các hạng 2878 mẫu, thổ các hạng 362 mẫu.

Tổng Hồ Sơn : Ruộng công tư các hạng 1678 mẫu, thổ các hạng 364 mẫu.

Tổng số ruộng công tư các hạng toàn huyện là 28597 mẫu, thổ các hạng toàn huyện là 4376 mẫu.

Nhân vật

Nhân vật các triều trước :

Lương Thế Vinh : xã Cao Phương tổng Hào Kiệt, Trạng nguyên khoa Giáp mùi Quang Thuận 4 đời Lê Thánh Tông. Được vua ban cờ Tam khôi có thêu mấy câu : "*Trạng nguyên Lương Thế Vinh, Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh, Thám hoa Quách Đình Bảo, Thiên hạ cộng tri danh*". Ông là người thông minh hơn đời, chí khí cao cả. Làm quan cứng cỏi thẳng thắn, gặp việc giám nói. Phàm các thư từ bang giao qua lại phân nhiều do ông soạn thảo. Ông làm quan trải các chức : Hàn lâm chương viện sự, Nhập thị kinh diên,

Hộ bộ Tả thị lang, Hương lĩnh hầu. Đến lúc mất được phong tặng Kinh quốc thánh việt, Dương quốc công.

Trần Bích Hoàn : xã Vân Cát tổng Đồng Đội, Thám hoa khoa Mậu tuất đời Lê, làm quan đến Đông các Đại học sĩ.

Phạm Kim Kính (tức Phạm Đình Kính) : xã Vĩnh Lại tổng Hồ Sơn, Tiến sĩ khoa Canh dần đời Lê. Sinh thời, ông có danh vọng lớn đối với các sĩ phu, đi sứ Trung Quốc đối đáp thông minh được Thiên triều khen thưởng. Vua Thanh ban cho ông biển vàng đề 4 chữ "Vạn thế Vĩnh Lại" và một câu đối như sau :

*" Muu đồ tư tỵ, sứ hồ sứ hồ kiêm ngũ phủ
Dục vi minh thính, thân tai thân tai khâm tứ lân "*

Nghĩa là :

*Mưu tính hỏi bàn, sứ kia sứ kia gồm năm phủ
Giúp làm tai mắt, tôi ấy tôi ấy kính bốn phương.*

Lại ban cho áo hoa hột vàng để khi về thêm tôn vinh.

Ông thờ hai vua Dụ Tông, Thuận Tông, làm quan đến Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Tham tụng, trải qua Thượng thư sáu bộ kiêm Đông các Đại học sĩ, Nhập thị kinh diên. Khi về hưu được phong tước Vĩnh Lại Quận công.

Ông của Phạm Kim Kính là Phạm Đức Quản trước làm Tán vị công thần, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân, phong tặng Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu. Cha của Phạm Kim Kính là Phạm Thuận Hậu, trước làm Quang tiên thân lộc đại phu, Trinh Nghĩa nam, tặng Cung hiến đại phu, sau tặng thêm Đặc tiến Lễ bộ Tả thị lang, Cẩm phú hầu, Kim tử vinh lộc đại phu, Hộ bộ Tả thị lang, Trinh Nghĩa hầu.

Phạm Hùng : xã Hồ Sơn tổng Hồ Sơn, Hoàng giáp khoa Tân sửu niên hiệu Hồng Đức đời Lê. Làm quan đến Hàn lâm biện lí, Hình bộ hữu Thị lang.

Trần Kỳ : xã Tiên Hương tổng Đồng Đội, Tiến sĩ khoa Đinh mùi đời Lê Thánh Tông. Làm quan đến Đông các Đại học sĩ.

Phạm Duy Chất : xã Ngọ Trang tổng Hồ Sơn, Tiến sĩ khoa Kỉ hợi đời Lê Thần Tông. Làm quan đến Đông các Đại học sĩ.

Bùi Tân : xã Xuân Bảng tổng Đồng Đội, Tiến sĩ khoa Nhâm tuất đời Lê, làm quan đến Tổng binh sứ ty.

Sùng Trị (tức Nguyễn Sùng Nghệ) : xã Hiền Khánh tổng Hiền Khánh, Tiến sĩ khoa át mùi (không rõ đời nào), làm quan đến Hàn lâm viện thị thư.

Vũ Vĩnh Trinh : xã Yên Cự tổng Yên Cự, đỗ đầu khoa Minh Kinh đời Lê, làm quan đến Hộ bộ Thượng thư, Hải Tây đạo, Tri tả quan dân bộ tịch, kiêm Bí thư các, Tri giám sát ngự sử, Nhập thị kinh diên.

Vũ Duy Thiện : xã Yên Cự tổng Yên Cự, Hoàng giáp khoa Mậu tuất triều Lê, làm quan đến Hiến sát sứ, Hồng lô tỵ khanh.

Dương Xuân (có sách dịch là Dương Thận) : xã Cao Phương tổng Hào Kiệt, Tiến sĩ khoa Kỉ mùi đời Mạc, làm quan đến Tán trị Thừa chính sứ.

Trần Duy Năng : xã Yên Duyên tổng Yên Cự, Tiến sĩ chế khoa (không rõ đời nào).

Phạm Cộng Thương : xã Hồ Liên tổng Hồ Sơn, Hương công đời Lê, làm quan đến Tư nghiệp Quốc tử giám.

Đinh Văn Lan : xã Cao Phương tổng Hào Kiệt, làm quan đời Trần, trải Thượng thư sáu bộ, kiêm Đô ngự sử đài.

Đỗ Văn Biểu : xã Cao Phương tổng Hào Kiệt, làm quan đời Trần đến Thái tử thiếu bảo, Hành khiển.

Lương Trinh Túc : xã Cao Phương tổng Hào Kiệt, là con Trạng nguyên Lương Thế Vinh, làm quan đến Lâm mậu lang Thanh Hoá tỉnh Hiến sát sứ ty, Hiến sát phó sứ.

Hoàng Chính : xã Trùng Uyên tổng Đồng Đội, làm quan đến Lễ bộ Thượng thư, chỉ còn đền thờ ở làng.

Hoàng Lễ : xã Trùng Uyên tổng Đồng Đội, làm quan đến Lại bộ Thượng thư, chỉ còn đền thờ ở làng.

Các nhân vật triều Nguyễn :

Bùi Huy Phan : xã Bách Cốc tổng Trinh Xuyên, Cử nhân khoa Tân sửu, làm Bộ chính Bình Định. Năm Tự Đức 15 làm Khâm sai đạo thủy quân ở Hải An có nhiều trận thắng. Sau đổi làm Hộ phủ Quảng Yên, đuổi giặc ở Cát Bà bị hy sinh tại trận, được truy tặng Tuần phủ.

Nguyễn Công Hạp : xã Cự Hào tổng Hồ Sơn, Cử nhân khoa át dậu. Ông rất chăm chỉ học hành, làm Đốc học Hà Tĩnh hơn 10 năm, có nhiều học trò thành đạt. Sau thăng Tế tửu. Những học trò thành đạt của ông đỗ từ Thám hoa trở xuống có :

- Hoàng giáp có Bùi Thế Kiên, Nguyễn Văn Hiểu, Mai Thế Quý, Nguyễn Phiên.

- Thám hoa có Phan Thúc Trực, Nguyễn Khắc Đản, Đặng Văn Kiều.

- Tiến sĩ có Phan Tam Tinh, Thân Trọng Đệ, Phạm Quang Mạn, Phạm Trực, Ngô Tông Nho, Nguyễn Bằng Dực, Nguyễn Thế Trâm, Trần Huy Côn, Nguyễn Đông Thành, Cù Khắc Cầu, Nguyễn Thánh Doãn.

Trần Doãn Giáp : xã Thám Thanh tổng Hiền Khánh, Cử nhân khoa Mậu ngọ đời Tự Đức, làm quan đến Giám sát ngự sử đạo Quảng Bình, Hàn lâm viện thị giảng học sĩ.

Lê Ngọc Phan : xã Hạnh Lâm tổng Phú Lão, Cử nhân khoa Mậu thìn đời Tự Đức, hiện bổ Giáo thụ Quốc Oai. Quan tỉnh đem việc ông học hành thuần cần, được học trò tin phục tâu lên, ông lại được thăng Đốc học Bình Định. Năm Tự Đức 33 cải bổ Hàn lâm viện thị giảng sung Sử quán biên tu. Năm đó ông bệnh nặng, được về hưu dưỡng. Năm nay ông đã trên 70 tuổi.

Trần Văn úc : xã Tiên Khoán, Cử nhân khoa Mậu nhọ đời Tự Đức, làm quan đến Bộ chính Quảng Yên. Hiện nay đã về hưu. Xã này nay tháp vào thôn Hà Nam.

Phan Văn Lịch : xã Quả Linh tổng Trinh Xuyên, Cử nhân khoa Nhâm dần đời Thiệu Trị, làm quan đến Tri phủ, thăng Hàn lâm viện thị độc, sung Sử quán biên tu.

Vũ Thiện Đễ : xã Bách Cốc tổng Trình Xuyên, Phó bảng khoa Nhâm thìn đời Thành Thái.

Trần Ngọc Liễn : xã La Xá tổng La Xá, Cử nhân khoa Tân dậu đời Tự Đức, làm quan đến quyền Tri phủ Kiến Thụy rồi về hưu.

Trần Hữu Tư : xã La Xá tổng La Xá, Cử nhân khoa Mậu dần, làm Huấn đạo Phong Dinh, thăng Thị giảng, về hưu.

Trần Xuân Thiệu : xã La Xá tổng La Xá, Cử nhân khoa Bính tuất.

Vũ Lương Quý : xã Quả Linh tổng Trình Xuyên, Cử nhân khoa Mậu tí.

Phạm Hữu Thanh : xã Trung Phú tổng Trình Xuyên, Cử nhân khoa Tân mão.

Trần Bình Hành : xã Tiên Hương tổng Đồng Đội, Cử nhân khoa Tân mão.

Tiết phụ :

Nguyễn Thị Nền : xã Cao Phương tổng Hào Kiệt. Lấy chồng năm 16 tuổi, sinh một trai một gái, năm 22 tuổi thì chồng chết, ở vậy nuôi con, nay đã 90 tuổi, hiện được "Tứ đại đồng đường".

Phạm Thị Chính : lấy chồng là Phạm Danh Hoạt năm 16 tuổi, được 3 năm thì chồng chết, chưa có con, ở vậy thờ chồng, nuôi cha mẹ. Năm Gia Long 7 có quân giặc ham sắc đẹp cưỡng bức bà, bà liền thắt cổ tự vẫn nhưng may được hàng xóm cứu sống. Năm Minh Mệnh 11 được ban sắc biểu dương.

Phạm Thị Ninh : 15 tuổi lấy Vũ Đình Nhuê, năm sau chồng chết, chưa có con, cha mẹ cũng mất cả. Bà phụng dưỡng bà nội chồng. Khi bà nội chồng chết, bà làm tang lễ rất là tử tế. Trọn đời bà không đi lấy chồng nữa. Năm Minh Mệnh 17 được ban sắc biểu dương.

Tứ đại đồng đường :

Ông Dương Văn Khương xã Cao Phương tổng Hào Kiệt, 82 tuổi, vợ là Lương Thị Muôn 80 tuổi, bốn đời còn sống trong một nhà.

Kỳ niên nhân thụy :

Trần Văn Dịch xã La Xá, sinh năm át tị đời Lê Cảnh Hưng, mất năm Ki tị đời Thành Thái, thọ 105 tuổi. Gặp năm có khánh điền được ban thưởng cho gạo lụa. Cháu thứ hai của ông là Trần Xuân Thiệu đậu Cử nhân khoa Bính tuất.

Phong tục

Thứ nhất nghề nông, thứ hai nghề học. Từ thời Đinh, Lý, Trần, Lê đến nay các bậc Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, Tiến sĩ, Cử nhân cứ nối tiếp nhau. Đến bản triều ta (tức triều Nguyễn) văn học hạt này tuy không bằng các triều trước nhưng nhân dân vẫn ham chuộng nghề thi cử, nên khoa nào cũng có người thi đậu.

Còn nông dân thì siêng năng, cần kiệm, phong tục vẫn chuộng sự trung hậu. Các xã Hạnh Lâm, Châu Phách cứ đến ngày 4 tháng Giêng hàng năm là mở lễ yến lão rất long trọng. Xã Bảo Ngũ có học điền, hàng năm vào 14 tháng Giêng tổ chức thi học trò, lấy tiền học điền thưởng cho người trúng

hạng ưu, hạng bình. Xã Dương Lai thành lập kho thóc Nghĩa thương để phòng khi mất mùa, được triều đình ban thưởng biển vàng 4 chữ "Mỹ tục khả phong". Những phong tục của các xã ấy thật đáng khen.

Các lễ cưới hỏi, ma chay, quan, tế, kì báo... đại lược giống nhau. Hội rước thần thì xã Tiên Hương là vui nhất. Hàng năm vào ngày 7,8,9 tháng 3 nhân dân lại tụ họp tế lễ. Đồng bóng bốn phương kéo về làm lễ. Người hàng tổng hàng xã đều cầm gập dán giấy hoa, sắp thành hàng chữ. Dân các làng mặc đẹp đến xem, tạo ra không khí vui tươi, náo nhiệt ở địa phương. Các vị Đệ nhị muội Quỳnh cung Hoài Tiên phu nhân, Đệ tam muội Quảng cung Quế Anh phu nhân đều được phong làm Trung đẳng phúc thần.

Xã Liên Xương có hội đánh vật. Đại Lão, ủng thôn, Phú Lão có tuồng múa rối. Phú Cốc có con hát. Cũng đều là tập tục khác nhau vậy.

Cổ tích

Nhà thánh hàng phủ ở xã Thái La tổng Bảo Ngũ, hai đền thượng hạ đều lợp ngói, ở giữa có tượng các tiên thánh, tiên hiền. Tượng tiên thánh ngồi ở gian giữa, mặc áo mũ quan đại tư khấu. Hai bên bày tượng tự phối, đều mặc đồ đại triều. Người ta nói rằng đời xưa vẽ từ bên Tàu mang về, bản vẽ truyền thần của thánh Không Lộ giống in như hệt. Ngoài sân hai bên tả hữu đều có cây cao hơn 100 thước, bóng rợp sân, bốn mùa thanh tịnh mát mẻ.

Miếu vua Lý Nhân Tông ở xã Hiền Khánh. Miếu vua Trần Nhân Tông ở xã Trung Phu và Trình Xuyên.

Xã Tiên Hương có một ngôi đình tục truyền là do thánh Không Lộ dựng lên, rường cột rất to lớn, trải lâu đời vẫn không hư hỏng, dân xã thờ thánh ở đây.

Lại có một ngôi mộ cổ, nghe nói đó là mộ Liễu Hạnh công chúa, bốn phía đều có cây cổ thụ lớn xanh tốt um tùm. Người ôm thường hái lá cây ấy về sắc uống có người khỏi bệnh, cũng là ngẫu nhiên mà thôi.

Xã Lai Xá tổng Hiền Khánh có một ngôi mộ cổ chu vi chừng một mẫu, bốn phía xây đá, tục truyền là lăng bà chúa nhưng không biết có từ đời nào.

Xã Thái La tổng Bảo Ngũ có cái cối đá to nằm bên đường. Tương truyền cối ấy do thánh Không Lộ làm ra, không ai dám xâm phạm.

Trên núi Gôi xã Gôi Sơn tổng Vân Gôi có ngôi chùa, bên chùa có tảng đá lớn ở giữa rỗng như cái hang, cao rộng ước hơn 10 thước. Có một tảng đá từ dưới đất mọc lên ở giữa giống hình người nên tục gọi là chùa Sách mọc. Có nhiều người đến đây cầu cúng.

Xã Hồ Sơn tổng Hồ Sơn có ngôi chùa cổ, dân xã truyền rằng bà Huyền Trân công chúa sau khi ở Chiêm Thành về đã vào tu ở chùa này. Đến nay vẫn còn dấu vết.

Sáu cảnh lạ của bản huyện :

1- Chùa Tiên Hương :

Có bài kí chép rõ sự tích như sau :

Ông Lê Đức Chính lấy người con gái họ Trần làm vợ, ham làm điều nghĩa, 40 tuổi sinh con trai đặt tên là Lê Đức Lâm. Khoảng năm Thiên Hựu bà vợ họ Trần của ông có mang đã quá kì sinh nở mà chưa sinh, không thích khói lửa, chỉ ham hương hoa, người nhà nghi là bà bị yêu ma. Vừa tiết trung thu, ông mơ thấy có người ngoài cửa cầm búa đi vào, khẩn trời đất rồi lấy búa ném ông, ông ngã ra. Một lực sĩ dắt ông đi ra, qua thành vàng cửa ngọc. Bỗng thấy một cô gái mặc áo đỏ, tay bung chén ngọc, chẳng may nhờ tay đánh rơi làm chén sứt một góc. Lúc đó có một người giở sổ ra viết mấy hàng chữ rồi sai sứ giả dắt cô gái áo đỏ đi ra cửa phía nam. Ông hỏi thì người lực sĩ nói rằng : "Đó là cô đệ nhị Quỳnh nương bị trích giáng đây". Khi ông tỉnh dậy thì bà vợ họ Trần đã sinh con gái, da trắng như tuyết, dáng đẹp như hoa, trên đời ít ai sánh kịp, mới đặt tên là Giáng Tiên. Khi lớn lên Giáng Tiên tài sắc đều tuyệt, lại rất ham đọc sách. Có người là Trần Đào ở cùng làng ngỏ ý cầu thân. Ông liền vui vẻ nhận lời cho tác thành đôi lứa. Mới được 3 năm, bấy giờ Giáng Tiên 21 tuổi, ngày 3 tháng 3 năm Mậu thìn, không bệnh mà mất.

Một hôm, bà mẹ họ Trần đi qua phòng cũ, tự nhiên buồn bã thương cảm. Bỗng thấy trong vườn hoa gió thơm phảng phất, Giáng Tiên bước lại khóc mà nói rằng : "Con đây !" Bà nói : "Con ở đâu lại đây ?" Giáng Tiên đáp : "Con là đệ nhị Quỳnh nương vì mắc lỗi mà bị phạt. Nay trở về châu hầu thượng đế, xin phép về thăm mẹ". Nói xong bay lên trời biến mất.

Từ đó vân du không định, đến các sứ như Tây Hồ, Hương Tích, Phó Cát, Nghệ An, Sóc Sơn, Hoàn Sơn... biến ảo khôn lường, hễ đến đâu là tỏ ra thần dị ở đó.

Năm Dương Hoà thứ 8 vâng chỉ lập đền thờ. Khoảng năm Chính Hoà, hễ có cầu cúng lại càng linh ứng. Hàng năm đến ngày 7, 8, 9 tháng 3 thì mở hội. Lịch triều phong sắc tặng làm Mã vàng công chúa thượng đẳng thần.

Ông Trần Bình Hành đậu cử nhân khoa Tân mao thuộc dòng họ ấy đây.

2 - Thái phi người xã Bảo Ngũ họ Ngô : Tiên tổ được ngôi mã tiên táng ở khu đất cấm ở thôn Trung Khê xã Đồng Đội. Sau sinh ra Thái Phi tên chữ là Ngọc Đài, hát hay, lại đẹp lồng lẩy, lấy Tráng Quận công sinh được một con trai. Khi Tráng Quận công mất, chúa Trịnh thành tổ thấy nàng có sắc đẹp mới đưa vào hậu cung, ngày càng yêu quý, liền lập làm Thái Phi. Sau sinh ra Văn Tổ và Nghị Tổ.

3 - Đền thờ thần Tam danh : ở xã Bảo Ngũ tổng Bảo Ngũ. Tương truyền ba anh em lúc sinh ra đều không đủ chân tay. Cha mẹ sợ quá liền đem chôn mỗi người một nơi. Thường thấy linh ứng. Nay các phù thủy hay rước về thờ phụng.

4 - Miếu thờ họ Lữ : bốn xã thuộc tổng Vân Gôi phụng thờ. Xã Đăng Gôi có tương truyền rằng : Ngày xưa Lữ Gia đánh nhau với quân Hán bị thua, bị chém mất đầu nhưng còn chạy về được tới xã Đăng Gôi mới ngã ngựa chết, thường hiển rõ linh ứng. Dân chúng dựng đền lên ở chân núi Gôi

để phụng thờ. Hàng năm đến mùa xuân lại mở hội vật. Hội này là hội lớn ở địa phương.

5 - Cường Bạo Đại Vương : Vương người xã Bồi La (xưa là xã Đồng Lục), những việc làm khi còn sống đều là những việc làm tàn bạo nên bị sét đánh chết, trâu lầy sừng xúc đất vùi thây, kiến mối đùn đất thành mồ lớn. Sau khi chết rồi, có nhiều việc hiển linh, dân làng mới dựng đền thờ. Sau được phong phúc thần. Đến ngày 5 năm Thành Thái 4 bỗng nổi gió lớn, mưa dữ dội, trời tối không thấy gì cả. Khi trời quang mây tạnh, thấy một dấu chân người dài chừng một thước hai tấc, bề ngang hơn tám tấc, ở phía đông nam mộ. Người ta lấy làm lạ, đua nhau đến xem. Hiện nay vết tích ấy vẫn còn.

6 - Miếu Kim Soa thờ Điện Quận công : Ông người xã Bảo Ngũ, em bà Thái phi họ Ngô, nên được trông coi việc binh. Khoảng năm Vĩnh Khánh đời Lê, ông vâng lệnh đi đắp con đê bị vỡ ở Đại An. Khi thuyền đi qua miếu thủy thần ở bến sông Kim Soa thì như có vật gì ngăn trở không lên được. Ông tức giận mắng chửi. Bỗng trước mặt có một chiếc thuyền gheo đánh. Ông vốn tinh thông pháp thuật, biết đây là thủy thần, bèn cầm gươm tung kinh bắt quyết, rồi đem quân ra giao chiến. Chừng hơn một canh thì chiến thuyền biến đi mất, ông mới xuôi dòng đi xuống. Khi đến đường đê, công việc bồi đắp gần xong thì bỗng có một con cá lớn vùng vẫy dòn sóng làm vỡ hết những đoạn đê vừa đắp. Đắp đi đắp lại mấy lần đều như thế, không làm sao mà hoàn thành được. Ông liền ra lệnh lấy tre gỗ đóng cọc, lấy đá nung vôi đổ xuống sông làm cho tôm cá, ba ba chết nổi lên rất nhiều. Từ đó việc đắp đê mới hoàn thành được. Hơn nửa tháng sau ông bị bệnh chết. Chẳng bao lâu, trong đền Bảo Ngũ có người phụ đồng nói rằng : "Ta là ông Điện bị tay độc của thủy thần làm hại. Hãy bảo chị ta cấp cho binh khí để trả thù trước". Bà Thái phi họ Ngô mới làm nhiều đồ khí giới bằng giấy đốt đổ xuống sông. Đến sáng thì nước sông sôi lên sùng sục, cá tôm, ba ba chết nổi lên rất nhiều. Nay đền miếu Kim Soa vẫn còn.

- Đền thờ thần Tản Viên ở thôn Phú thuộc tổng Phú Lão. Làng Hạnh Lâm có miếu thờ Trần Minh Tông. Thôn Bạch có miếu thờ thần Hậu Tặc. Thôn Phú Lão có miếu thờ Phạm tướng quân. Xã Tiên Hương tổng Đồng Đội có đền thờ Liễu Hạnh công chúa. Xã Cao Phương tổng Hào Kiệt có đền thờ ông Trạng nguyên họ Lương. Xã Vĩnh Lại tổng Hồ Sơn có ngôi nhà thờ đạo thiên chúa 5 gian. Xã Đại Lại có ngôi nhà thờ đạo thiên chúa 7 gian.

Kỹ nghệ

Xã Bảo Ngũ có thợ mộc. Thôn Giáp Nhất có thợ rèn. Xã La Xá có thợ cưa. Xã Vọng Cổ làm nghề đan lưới. Xã Quả Linh có nghề dệt vải. Xã Liên Xương có nghề đánh vật. Xã Vân Gôi có nghề giã gạo. Xã Tiểu Cốc có nghề làm ngói. Xã Hào Kiệt có nghề nấu rượu. Xã Phú Cốc có nghề con hát. Xã Thái La có nghề đẽo đá. Xã Tiên Hào có nghề đan gỏi bằng mây. Trang Đồng Văn có thợ vẽ. Xã Yên Duyên có thợ may. Xã Ngọ Trang và Ngu Sơn có nghề thợ sơn.

Thổ sản

Hai xã Bách Cốc, Đồng Văn có vải. Xã Nghiêm Trang và Gôi Sơn có nhiều dưa ngon.

Huyện Hải Hậu

Huyện Hải Hậu nguyên trước thuộc huyện Trực Ninh. Đến năm Đồng Khánh thứ 3 mới đặt ra ở địa phận xã Quần Phương Hạ. Chu vi đều đắp lũy đất vuông vức mỗi phía chừng hơn 30 trượng. Lị sở có 4 toà nhà đều lợp gianh. Đồn trú 3 toà nhà gianh. Trai lệ một sở bằng gianh. Nhà lao một sở bằng gianh. Đều ở trong thành cả.

Núi sông

Có 6 con sông đều bắt nguồn từ sông Nhạc và đều chảy suốt đến biển.

1 - Sông Luộc : rộng chừng 2 trượng, chảy xuống phần sông tổng Kiên Trung.

2 - Sông Mộc : rộng chừng 3 trượng, một phần chảy sang địa phận xã Quần Phương Trung, qua thành huyện. Một dòng chảy qua địa phận xã Quần Phương Hạ.

3 - Sông Đáy : rộng chừng 3 trượng, chảy qua xã Phương Đê, thôn Quần Phương Thượng.

4 - Sông Tháp.

5 - Sông Gạo : Hai sông này rộng chừng 2 trượng, thuộc địa phận xã Ninh Cường huyện Trực Ninh chia chảy vào phần sông tổng Ninh Mỹ.

6 - Sông Cau : rộng chừng hơn 2 trượng, chia phái chảy vào phần sông tổng Ninh Nhất.

- **Cửa bể Nhạc Môn** : bắt nguồn từ sông Nhị Hà, chảy qua chỗ ngã ba sông thuộc huyện Giao Thủy giáp huyện Trực Ninh, chảy vào Nhạc hải, cho nên gọi là cửa Nhạc.

- **Cửa bể Lâu Môn** : phía đông giáp trang Quất Lâm huyện Giao Thủy, phía tây giáp xã Hà Lạn, rộng hơn 30 trượng, bắt nguồn từ sông Ngô Đồng huyện Giao Thủy chia dòng ra chảy xuống bể.

- **Cửa bể Lê Môn** : thuộc địa phận tổng Ninh Mỹ, phía đông giáp cồn Nam, phía tây liền cửa Nhạc, ở giữa lại nổi lên ba đoạn cồn cát xám, cây cỏ dày đặc, chim biển về đậu rất nhiều.

- **Bãi Rông ở Bích Hải** : những chỗ cát già ở cửa Lê hình giống như con rồng đương đi, nên gọi là bãi Rông. Người xưa có câu thơ :

"Tạp thảo dĩ nhiêm tài đắc vụ

Phù sa tương giác thượng tiềm uyên".

(Cây cỏ xen lẫn đá có rêu vừa mới được mưa,

Cát bồi toan mọc sừng còn chìm dưới vực).

Cầu chợ :

Cầu mái ở Quần Phương Thượng dài chừng 3 trượng. Cầu đá hạng lớn có 4 cái, mỗi cái chừng 3 trượng (Quần Phương Thượng 1 cái, Quần Phương Trung 1 cái, Quần Phương Hạ 2 cái). Cầu hạng nhỏ 10 cái.

Chợ có 9 cái :

- Chợ Đông Biên hạng nhất ở xã Quần Phương Hạ chu vi vuông mỗi chiều 6 trượng, thuế đồng niên 210 đ.

- Chợ Tương hạng hai ở xã Quần Phương Thượng, thuế đồng niên 180 đ.

- Chợ Cầu hạng ba ở xã Trung Kiên, chu vi mỗi chiều 5 trượng, thuế đồng niên 120 đ.

- Chợ Cồn hạng năm ở xã Quần Phương Hạ, thuế đồng niên 24 đ.

- Chợ Đông Cường hạng năm ở xã Quần Phương Hạ, thuế đồng niên 24 đ.

- Chợ Đền hạng năm ở xã Quần Phương Thượng, thuế đồng niên 24 đ.

- Chợ xã Quần Phương Trung hạng năm thuế đồng niên 24 đ.

- Chợ xóm Yên Nghiệp hạng năm thuế đồng niên 24 đ.

- Chợ xã Hà Lạn hạng năm thuế đồng niên 24 đ.

Các đường đê :

Đê hướng đông : phần đê xã Hà Lạn dài 300 trượng, phần đê chính ở huyện Hải Hậu dài 1830 trượng 5 thước.

Đê hướng nam : phần đê ở xã Thượng Điền dài 500 trượng, phần đê ở ấp Văn Lý dài hơn 100 trượng, phần đê ở xóm Tang Điền dài 400 trượng, phần đê cửa tổng Ninh Mỹ dài 4758 trượng.

Duyên cách (thay đổi)

Tên huyện Hải Hậu trước chưa từng có. Đến năm Đồng Khánh 3 mới cắt

- 4 xã (3 xã Quần Phương thượng, trung, hạ và xã Phương Đê của tổng Quần Phương thuộc huyện Trực Ninh) lập thành một tổng. (Tổng Quần Phương trước là Quận Anh vì tránh tên húy mới đổi là Quận Phương).

- 9 thôn ấp (Yên Nghĩa, Yên Đạo, Yên Trạch, Yên Nhân, Yên Nghiệp, Yên Phong, Yên Lễ, Yên Phú, Yên Lạc) lập thành tổng Ninh Nhất.

- 9 thôn ấp (cắt 2 xóm Quỳnh Phương, Lộc Phương của thôn Ninh Mỹ tổng Ninh Nhất, 3 trại thượng trung hạ của tổng Quần Phương, với ấp Phú Lễ, Phú Văn, trại Ninh Cường) lập làm một tổng của tổng Ninh Mỹ.

- 7 thôn xã (cắt các thôn xã Hà Lân, Hà Quang, Kiên Trung, Trà Trung, Trà Hạ, Hội Khê, Nam Lạc, Quần Nam) của tổng Kiên Lao thuộc huyện Giao Thủy.

- 7 xã thôn (Thượng Điền, Văn Lý, Tang Điền, Kiên Chính, Hoà Định, Văn Sum, Xuân Hà) của tổng Tân Khai.

Cộng là 5 tổng 36 xã, thôn, ấp, trại mà đặt ra.

Số hoàng đinh cộng 3357 người.

Ruộng đất cộng 36358 mẫu.

Bạc sưu đồng niên cộng 3675 đồng 32 xu.

Bạc thuế đồng niên cộng 10910, 64 đồng.

Còn giới cận thì phía đông giáp huyện Giao Thủy, phía tây giáp huyện Trực Ninh, Đại An, phía bắc giáp huyện Trực Ninh, phía nam giáp bể. Nay hiện thuộc quản hạt phủ Xuân Trường.

Nhân vật

Có 2 người đỗ Hương cống đời Lê, 5 Cử nhân và 1 đại khoa thời Nguyễn.

Hai vị Hương cống triều Lê là :

Hoàng Ngọc : xã Quần Phương Trung, Hương cống khoa Quý Hợi đời Lê Cảnh Hưng 4, là người mở đầu cho khoa mục xã Quần Phương Trung.

Trần Lệ : xã Quần Phương Trung, Hương cống khoa Đinh Dậu đời Lê Cảnh Hưng, khoa Mậu Tuất đậu ba trường được bổ làm thầy dạy học ở Quốc Tử Giám.

Nhân vật triều Nguyễn có :

Đỗ Phát : xã Quần Phương Hạ, Giải nguyên khoa Canh tí đời Thiệu Trị, Tiến sĩ khoa Quý Mão, là người đậu đại khoa đầu tiên của Quần Phương Hạ. Làm quan Tế tửu Quốc Tử Giám, sung Dinh điền sứ Nam Định. Bị phạt cách. Sau được khôi phục hàm Hồng lô tự khanh, về hưu. Năm nay hơn 80 tuổi, được thăng vinh hàm Lễ bộ Thị lang, hưu dưỡng.

Trần Văn Gia : xã Quần Phương Trung, Cử nhân khoa Mậu Thìn, làm quan đến Ngự sử, về hưu.

Đỗ Bình Thành : xã Quần Phương Hạ, Giải nguyên khoa Canh Ngọ, làm quan đến Giáo thụ phủ Ninh Giang, về hưu.

Nguyễn Lý : xã Quần Phương Hạ, Cử nhân khoa Mậu Dần, làm quan đến Huân đạo Gia Lâm, về hưu.

Phong tục

Huyện Hải Hậu là nơi bờ bể mới mở mang, phong tục còn thật thà thuần hậu. Trong đó có tổng Quần Phương rất trọng nghề văn học. Nhân dân phần nhiều ham nghĩa. Dân giàu được cho sắc "Nghĩa hộ".

Hai xã Quần Phương Trung và Quần Phương Thượng khoảng năm Tự Đức đều được ban thưởng biển vàng đề 4 chữ "Mỹ tục khả phong" nghĩa là "Tục tốt đáng bắt chước". Cho nên tục ngữ có câu "Xứ Nam Quần Anh, xứ Thanh Bồng Hải". Đây là nói về cảnh giàu thịnh vậy.

Phong tục ở tổng Kiên Trung ham vũ dũng. Xã Hà Lạn khoảng năm Cảnh Hưng triều Lê được ban thưởng biển vàng đề 3 chữ "Dân nghĩa dũng".

Cổ tích

Đền Linh Từ ở Phương Giang : nguyên trước ở cửa Nhạc phụng thờ sự tích vị thần Thượng đẳng Tóng Thái hoàng và Dương Thái hậu, đã có chép rõ trong sổ sách phụng tự. Những toà đền thờ ở cửa Cồn tại Nghệ An, cửa Biện, cửa Thần Phù ở Thanh Hoá, cửa Nhạc ở Nam Định đều là những đền rất thiêng ở bờ bể. Sau các xã Quần Phương, Quỳnh Phương lập đền riêng ra phụng thờ thì lại càng linh ứng. Trái các triều đại đều có sắc phong ban tặng. Tiến sĩ Ngô Thế Vinh hiệu Trúc Đường ở Bái Dương thường đến cầu cúng, có bài văn tế chép ở sau.

Chùa Phúc Lâm : ở xã Quần Phương Thượng. Tục truyền do người Tàu dựng lên. Trước sau, phải trái và chính giữa có cả thảy 5 toà. Chùa này là một danh lam thắng cảnh đáng nên xem.

Các nghề nghiệp :

Nhiều nhất là nghề nông. Thứ đến nghề học. Còn thứ đến nữa là nghề làm thợ, đi buôn. Nghề nấu rượu ở hai xã Quần Phương Thượng và Quần Phương Hạ. Nghề dệt vải ở xã Kiên Trung tổng Quần Phương.

Thổ sản

Gạo nếp, gạo tẻ, khoai, đậu, rươi ở tổng Ninh Mỹ thường có. Muối trắng ở trại Quần Phương Hạ tổng Tân Văn. Cói, lác ở tổng Ninh Mỹ. Sò, hến, trai, ốc ở bờ bể nơi nào cũng có.

Phụ lục :

Bài văn bia ở mộ ông Hương công họ Hoàng

Lễ lấy nghĩa mà dấy lên không thể thiếu được. Việc do miệng người truyền lại không thể mất được. Hoàng tướng công, Hồng nguyên tiên sinh của chúng ta đậu Hương tiến (Hương công) khoa Quý Hợi năm Cảnh Hưng thứ 4 đời Lê. Sau khi đỗ rồi, theo lệ được bổ làm thầy dạy ở trường Quốc Tử Giám.

Lúc bấy giờ vận nhà Lê đã suy vi, họ Trịnh ở Sóc Sơn giữ quyền. Những người hiền nhân quân tử có chí đều lui về ở ẩn. Ông cũng không muốn ra làm quan, chỉ quanh quẩn nơi đậu cúc, vườn tre, nương nấu đã vài mươi năm, ốm mà chết. Các con cháu đem táng ông ở gò cao phía tây bắc làng. Chưa được bao lâu thì ngôi nhà Lê mất. Các nhà danh gia, binh tộc theo nghĩa cũng đều còn mất với nhà Lê. Do vậy mà có nhiều người lưu lạc không yên ổn. Anh em nhà ông thất lạc thành người đông, tây, nam, bắc. Cỏ ác, bóng tà, mồ ông đã trải không biết bao là mưa nắng.

Thánh triều (chỉ Nguyễn Gia Long) dấy lên, sùng trọng khoa bảng, sửa sang các nhà văn miếu, tôn kính những bậc nho hiền. Do đó các vị nguyên lão trong làng mới biên tên Tướng công và Trần tướng công vào sổ những bậc tiên hiền của làng. Cứ đến mùa xuân, mùa thu thì cúng tế. Lại sửa sang phần mộ.

Đến năm Giáp tí niên hiệu Gia Long chia xã, phần mộ ông ở vào đầu cõi xã Thượng, nên chưa kịp tu sửa gì. Đến mùa xuân năm nay, họp bàn tới việc cải táng, mới dời đến cánh đồng phía bắc của làng, xây gạch, làm theo nghi lễ không giám sai.

Than ôi ! Xưa nay những bậc anh hùng hào kiệt, sống vinh, chết thiêng, chính khí sáng rõ như mặt trời mặt trăng, sông núi lưu truyền, vốn không phải vì đời mà còn hay mất được.

Tướng công sinh gặp vận bi, tuy sự nghiệp không được thi thố ra đương thời, nhưng khoa hoạn vẻ vang đã tiêu biểu rõ ràng cho đám rùng nho tôn quý.

Vì chung những kẻ sĩ hào kiệt, thân có thể có thể bị chôn vùi nhưng danh tiếng không có thể gì vùi được, xương có thể nát nhưng danh tiếng thì không thể nát được.

Thế thì danh của tướng công sẽ lưu truyền lâu dài với đời, không phải đợi người đời sau như chúng ta dựng bia đắp mộ rồi mới rõ.

Ngóng lại xã Quần Anh từ đời Hồng Thuận mở mang bờ cõi, cho đến nay đã hơn 300 năm, nào là người đời, người giàu, người sống lâu, người chết yểu, muôn đời chông chất không biết là bao nhiêu. Nhưng chỉ có mình tướng công là khiến cho mọi người kính mến, suốt đời không quên. Tấm lòng chân thành yêu quý cương thường, ham đạo đức thật là nhờ đó mà cảm phát ra mà không biết vì sao lại như thế. Thế thì không thể bỏ thiếu, bỏ mất đi được.

Ôi ! Nếu ở dưới chín tuổi mà có thể sống lại được thì ngoài tướng công ra, chúng tôi không biết theo về ai.

**Bài văn bìa này
do ông Tiến sĩ khoa Quý Mão
Đỗ Mai Hiền soạn ra.**

Bài văn tế thần Thượng đẳng tối linh ở Phương Giang

Than ôi ! Đạo trời có lúc cùng. Người chí nhân không ngoài nguyên tắc đó. Nếu không thế thì sao lại cùng với nhà Đại Tổng mà cùng lâu dài cùng vĩnh viễn ư ? Những cái gì trong sáng tốt đẹp thì tạo hoá cho giữ mãi mà không nát. Nếu không thế thì sao sánh với bề Nam mà không cùng.

Đương khi bề Thương Minh sao rụng, núi Nhai Sơn nghiêng đổ, trời đất mù mịt tối tăm. Tướng họ Lục bị chết, soái họ Trương bị đắm, dòng dõi nhà Triệu Tổng đến đây khó mà bảo tồn được. Gian nguy của nhà không biết đi tới chốn nào. Khoan thai thoát tục, cười rông lên tiên, hết nhân hết nghĩa, không oán không hờn. Khiến cho đức tốt giúp bề nội tướng hơn 300 năm, đi lên theo cùng các Hoàng hậu họ Cao, họ Tào, họ Hương, họ Mạch lưu tên vào sử xanh mà không đời nào hơn được.

Than ôi ! Đời Nguyên Hựu rủ rèm đây là một thì. Bà Tuyên nhân còn mà nhà Bắc Tổng còn. Đây há chẳng phải là đức trung chính của khôn nguyên đây ư. Đời Trương Viêm thắng xe đây cũng là một thì. Bà Thánh hậu mất mà nhà Nam Tổng mất. Đây há chẳng phải là khí anh hùng của khôn nguyên đây ư.

Nếu lúc bấy giờ chịu nhịn nhục để cầu toàn, giữ mình nơi sóc mạc, thì làm sao mà nêu rõ được gia phép một đời của nhà hựu Tổng, để an ủi linh hồn của Thiệu Lăng ở dưới chín tuổi. Lấy gì để giữ vững mối cương thường cho trăm đời về sau mà vá cái giếng đất đã khuyết, dựng được cột cho cao.

Rất mực thay ! Nước bay bề đứng, đất rộng trời không, trình liệt rõ ràng cùng trời đất thông. Há phải đợi đến khi hiển thiêng, giúp thuận, phò tá nên công rồi mới được hưởng sự cúng tế bốn mùa, nêu cao khí tiết, cho muôn đời ngóng trông ư.

Than ôi ! Bề quế mệnh mông, muôn phái châu về phái chính. Đây là nơi ở của thần. Vòi vọi chung lan, ở phía bắc bến lè, ở phía đông bích long, khí tốt đúc lại, nhóm họp tốt tươi khiến cho những bậc nhân sĩ ngày sau từ những nước xa xăm đi qua còn phải nghiêm trang kính sợ, cảm phát lòng lành, phương chi những người đọc trong sách thấu rõ việc, cầu cúng được nhờ ban phúc, há lại không dâng hương quì lạy, rót rượu phụng thờ, để mong được thiêng liêng chứng giám, soi thấu cho ư.

Than ôi ! Vạc hoả chìm chừ, yên đài bụi phong, miếu cổ cao ngất chừ, ráng chiều ửng hồng. Lan huê tốt chừ, phe phẩy gió, rõ ràng như còn ở đó chừ, xét cho tấm lòng thành nhỏ mọn này.

**Bái Dương Tiến sĩ Ngô Thế Vinh
hiệu là Trúc Đường kính soạn.**

Phủ Nghĩa Hưng

Phủ Nghĩa Hưng thống hạt hai huyện Nam Trực, Vụ Bản và kiêm lý ba huyện Đại An, Phong Doanh, ý Yên. Đây là một phân phủ.

Sách "Cổ mai bi kí" chép rằng : "Tần Thủy Hoàng sai Nhâm Hiệu làm Thái thú Giao Châu, thuyền đi qua đây không tiến lên được, mới gọi chỗ này là đất Đại ác rồi đặt tên huyện luôn". Lúc Lý Thái Tông đi đánh Chiêm Thành, sáu quân đóng ở đây, không thấy có sóng mới đổi là huyện Đại An. Khoảng năm Vĩnh Lạc nhà Minh thì đổi làm Đại Loan. Sau lại trở về tên cũ.

Đời Lê huyện lỵ đặt ở xã Trang Vĩnh, sau dời đến La Ngạn. Đến năm Tự Đức 5 mới lập phủ lỵ Nghĩa Hưng ở Thiên Bản. Huyện này thuộc thống hạt của phủ. Năm Tự Đức 7 dời phủ lỵ đến Phù Sa mới kiêm lý làm phủ.

Năm Tự Đức 13 lại dời đến Đông Cao, còn thành phủ, phía đông đối với bể lớn, phía bắc giáp huyện Vụ Bản, phía nam giáp huyện Nam Trực, phía Tây giáp tỉnh Ninh Bình. Bốn phía thành đều đắp bằng lũy đất, ở ngoài có hào. Mặt thành phía nam dài 33 trượng, phía bắc 32 trượng, phía đông và tây đều dài 30 trượng.

Góc đài cong của thành về phía đông nam dài 21 trượng, góc đài cong của thành về phía tây bắc dài 22 trượng, góc đài cong của thành về phía tây nam và đông bắc đều dài 24 trượng. Chu vi thân thành đều cao 4 thước 8 tấc. Trên mặt rộng 8 thước, dưới chân rộng 16 thước 3 tấc. Hào phía nam dài 35 trượng, phía bắc 34 trượng, phía đông và tây đều dài 32 trượng. Bốn phía đều rộng 2 trượng. Ba mặt đông, tây, nam đều sâu 4 thước. Mặt bắc sâu 3 thước. Nhà học ở phía tây thành thuộc đất phụ khoách của xã Phạm Xá.

Sông núi

Cửa bể Đại Nha nay thuộc xã Độc Bộ. Cửa bể Tiểu Nha nay thuộc xã Phù Sa.

Sông Tam Kỳ là thượng lưu của sông Đài, hạ lưu của sông Vị, đến xã Độc Bộ thì hợp lại mà chảy xuống biển. Một đoạn thượng lưu của sông Đài, dọc theo hạt tỉnh Ninh Bình, chảy qua địa phận các xã Vĩnh Trị, Ngọc Chấn, Thôi Ngôi, Hạc Bông, Tướng Loát, Vĩ Nhuế, Thanh Khê đến xã Độc Bộ. Trong đó có 5 bến đò ngang là Ngọc Chấn, Vĩnh Trị, Thôi Ngôi, Thanh Khê, Vĩ Nhuế và hai bến đò dọc.

Có 36 cống đóng mở nước ở các xã Vĩnh Trị, Thôi Ngôi, Hạc Bông, Tướng Loát, Vĩ Nhuế, Thanh Khê, Cốc Thành (2 sở), Hạ Kỳ, Hải Lạng, Đắc Thắng (2 sở), Thương Nghĩa Đoài, Hưng Thịnh, Thụ ích Hạ (2 sở), Quần Liêu (8 sở), Quĩ Nhất, Đài Môn, Sĩ Lâm, Văn Giáo, An Thịnh, Thượng Kỳ, Gia Trạng, Cổ Liêu, Đồng Bạn, Phù Đô, Hà Dương, Vụ Sài, Hùng Tâm, An Hạ.

Đò dọc có 2 bến, đò ngang cộng 11 bến.

Cầu 9 cái : cầu gỗ Trạng Vĩnh qua sông Chanh, cầu gỗ An Trung qua khe nhỏ, cầu gỗ Ông Tào qua sông Bát Sát, cầu tre Quần Liêu qua khe nhỏ, cầu gỗ Giáo Phòng qua khe Ô, cầu đá Hưng Thịnh qua khe nhỏ, cầu gỗ Đào

Khê qua khe nhỏ, cầu Lạc Đạo 2 cái qua khe nhỏ (một bằng gỗ, một bằng đá).

Chợ 14 cái :

- Chợ hạng trung 7 sở là chợ Yên Trung, chợ Đông Cao, chợ Trạng Vĩnh, chợ Hải Lạng, chợ Đào Khê, chợ Quần Liêu, chợ Giáo Phòng.

- Chợ hạng nhỏ 7 sở không có thuế là Vĩnh Trị, Vĩ Nhuế, Đông Ba, Vụ Sài, Liêu Hải, Nhân Nguyên, Trang Túc.

Đường xá : Một đoạn đường quan từ thành phủ men theo địa phận xã Đông Cao, đi qua các đoạn đường nhỏ thuộc các xã Đông Cao, Vụ Sài, Thúc Vụ, Mậu Lực, Trục Mĩ, Tử Vinh, suốt đến địa phận huyện Vụ Bản (Địa phận xã Phú Thứ dài 1300 trượng đi chừng 1 giờ 5 phút).

Duyên cách (Thay đổi)

Huyện Đại An có 12 tổng, cộng 87 xã, thôn, trang, trại, ấp, lý, tuần, phường.

Số đinh công 6947 người.

Đồng niên bạc thuế 2489,60 đ.

Bạc công sưu 10674 đ.

Ruộng đất thực thu 46507 mẫu.

Bạc thuế điền thổ đồng niên
32612, 62 đ.

Hợp công đồng niên các hạng thuế 45507,22 đ.

Tổng Hải Lạng có 13 xã thôn là : xã Hưng Thịnh, xã Hà Dương, xã Phù Sa, xã Quần Liêu, xã Đắc Thắng Thượng, xã Hải Lạng, xã Nghĩa Hưng, xã Đắc Thắng Hạ, xã Lý Nghĩa, thôn Chương Nghĩa Đoài, thôn Chương Nghĩa Đông, tuần Cát Do, trang Hải Lạng.

Tổng Thượng Kỳ có 10 xã : Thượng Kỳ, Hạ Kỳ, Bình A, Yên Thịnh, Lộng Điền, Đông Ba Thượng, Đông Ba Hạ, Đông Lĩnh, Trang Túc, Cốc Thành.

Tổng Sĩ Lâm 17 xã, thôn, trại, ấp, lý : xã Lạc Đạo, xã Giáo Dục, trại Sĩ Lâm, trại Chí Thiện, trại Thủ Điền, trại Văn Giáo, trại Sĩ Hội, trại Quần Phương, trại Thiện Bình, trại Quĩ Nhất, ấp Giáo Lạc, ấp Thành An, phường Giáo Phòng, phường Đài Môn, phường Thuận Hậu, lý Bình Hải, lý Quần Lạc.

Tổng An Trung Hạ 5 xã, thôn, ấp : xã Đào Khê, xã Trường Khê, xã Đào Lạng, ấp Tân Liêu, thôn Liêu Hải.

Tổng Ngọc Chấn 5 xã : Ngọc Chấn, Thôi Ngôi, Tương Loát, Vĩnh Trị, Hạc Bông.

Tổng Trạng Vĩnh 5 xã : Trạng Vĩnh, Gia Trạng, Thúc Vụ, Vụ Sài, Đông Cao.

Tổng Cổ Liêu 5 xã : Cổ Liêu, Phúc Chí, Thụy Quang, Đồng Bàn, Quảng Cư.

Tổng Thanh Khê 6 xã : Thanh Khê, An Lại, Độc Bộ, Phù Đô, Nhân Trạch, Nhân Lý.

Tổng Tử Vinh 7 xã : Tử Vinh, Lương Xá, Mậu Lục, Tống Xá, Lương Xá Hạ, Trục Nghĩa, Diên Nghi.

Tổng Vĩ Nhuế 3 xã : Vĩ Nhuế, La Ngạn, Cốc Dương.

Tổng An Trung Thượng 5 xã : An Trung, Tam Quang, Hùng Tâm, An Hạ, Dương Hồi.

Nhân vật

Triều trước đậu Tiến sĩ 30 người, Tọa sĩ 1 người.

Phạm Nguyễn Báu (Phạm Bão) : xã Hưng Thịnh, Hoàng giáp khoa Đinh mùi Hồng Đức 18, giỏi võ. Vua Thánh Tông bổ cho ngạch võ, làm Chuông nội thị. Năm Hồng Thái 24 chủ trại lâu la ở Nguyên Đầu là Gia Đa Lý dụ dỗ mừng Lâm Lang ở Ai Lao được ba vạn quân, làm phản, đánh lấy tỉnh Hưng Hoá. Ông xin đi, vua Thánh Tông y cho. Ông cùng Đại tướng Trần Tường đem hơn vài vạn quân đến đánh vài tháng thì dẹp yên. Vua Thánh Tông khen tài, phong làm Trấn thủ Nghệ An. Đến năm Cảnh Thống 4 đời vua Hiến Tông, vua thân đi đánh Bồn Man, ông hộ giá đi trước, được ba ngày thì bị bệnh mà mất. Vua Hiến Tông thương tiếc tặng cho chức Thiếu úy, thụy là Vĩ Thành. Năm Quang Hưng 18 đời Lê Thế Tông, dẹp yên giặc Mạc, ghi công những bày tôi trung thời Tiền Lê, phong cho ông làm phúc thần, sai bản xã lập đền thờ.

Phạm Đạo Phú : xã Hưng Thịnh, anh họ Phạm Nguyễn Báu. Ông đậu Tiến sĩ khoa Canh tuất Hồng Đức 21, rất giỏi từ phú, được dự vào 28 ngôi sao ở Tao Đàn, làm quan đến Hình bộ Tả thị lang. Năm Thống Nguyên 7 đời Cung Đế, nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, ông lui về quê dạy học. Ông là một thầy giáo được người đương thời tôn trọng. Nhà Mạc nhiều lần mời ra làm quan nhưng ông đều từ chối. Năm Quang Hưng 18 đời Lê Thế Tông, dẹp yên nhà Mạc, ghi nhớ những tôi trung của nhà Lê, tặng cho ông chức Tham tri, thụy là Trung ý. Lại phong làm phúc thần, sai dân dựng đền thờ phụng. Trải các đời về sau đều có phong tặng. Những cờ, biển, côn gỗ, hương án, đường vuông trước đây được vua ban cho nay vẫn còn.

Đồng Công Viện : thôn Nhi Hậu xã Hải Lạng, đậu đầu xứ, Tiến sĩ khoa Nhâm thìn niên hiệu Vĩnh Thịnh đời Lê, làm quan đến Giám sát ngự sử.

Phạm Gia Môn : xã Dương Hồi, Thám hoa khoa Tân sửu đời Mạc Mậu Hợp. Nhà nghèo, năm 30 tuổi cùng cha đêm đi đơm cá. Đêm ngủ, cha mộng thấy thần bảo rằng : "Nếu con nhà ngươi được đi học thì sau này sẽ làm cho môn đệ ngươi được vẻ vang nhiều". Cha ông mới cho ông đi học. Năm ông 53 tuổi thì đậu Thám hoa, làm quan đến Binh bộ Tả thị lang, tước Nhân Hà bá, ở triều 16 năm. Khi nhà Mạc thất thế, ông vào Đồ Sơn mưu khôi phục, đánh nhau bị thua phải ẩn trong chùa. Thường làm văn thơ câu đối cho mọi người. Có viên Giám sinh trẻ tuổi muốn sửa đổi vài chữ, ông biết được, nói rằng : "Anh Giám sinh trẻ mà lại hơn ông Thám hoa già ư". Sau quan quân biết được bắt giải về kinh hành hình. Lúc đi ra pháp trường, ông có làm bài thơ như sau :

*"Nghĩa sĩ trung thân tiết
Thanh thiên bạch nhật tri
Tử tôn như hữu khánh
Tu đãi thái bình thì".*

(Cái nghĩa khí của những người nghĩa sĩ trung thân
Có trời đất, mặt trời, mặt trăng soi tỏ cho
Nếu con cháu còn có phúc
Thì phải đợi đến lúc thời buổi thái bình).

Vũ Huy Trác : xã Lộng Điền, Cử nhân khoa Quý Dậu đời Lê Cảnh Hưng, đến khoa Nhâm Thìn đậu Tiến sĩ thứ 9, là trưởng khoa (Lớn tuổi nhất khoa thi). Sau khi bá mạng xong, ứng chế hợp cách. Làm quan đến Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Hàn lâm viện thị độc, Lễ bộ Thị lang, kiêm Quốc Tử Giám tư nghiệp, Khôi Lĩnh bá. Hồi nhỏ ông học Hoàng giáp họ Trần người xã Từ Ô, rất giỏi văn thơ, nhất là phú. Trần tiên sinh gọi ông là thần phú. Người đương thời có câu : "Gà Văn Cú, phú Lộng Điền, tiền Đức Hậu". Ông làm quan ngay thẳng, giữ nghiêm pháp luật, không sợ bọn quyền quý. Khi làm Hiến sát sứ Kinh Bắc, bấy giờ Đặng tuyên phi có người em trai tên là Ba Trà cậy thế làm bậy, cưỡng hiếp phụ nữ, tự tiện giết người lấy chè của y. Quan Trấn thủ không giám động đến y. Có người đem việc ấy đến kiện với ông. Ông đòi nhưng y không đến. Ông liền sai hình trần vây bắt giải y về công đường, kể tội rồi đánh cho 30 gậy đồng. Việc được tâu lên, chúa cũng phải làm thinh, vua Lê biết ông là người ngay thẳng giữ phép nên thưởng cho 500 quan tiền. Cuối năm, ông đem các việc những nhà quyền quý, thân thích ở xã Phù Đổng, trấn thần, quyền thần, nhiều bề ỨC hiếp nhân dân, đủ từng việc một mà tâu lên. Vua khen ông đã chỉ trích đúng tội lỗi của bọn quyền quý, phong làm Công bộ Cấp sự trung. Lúc bấy giờ có bài văn thi Hội đem việc các quan văn võ hiện tại ở trong kinh ngoài quận ai hay ai dở ra hỏi. Có bài đáp lại rằng : "Nay làm quan thanh liêm ngay thẳng chỉ có quan Tham chính ở Từ Ô và quan Hiến sát sứ ở Lộng Điền mà thôi". Bấy giờ triều đình rất cẩn trọng trong việc lựa chọn người cho giữ chức Hiến sát. Xét ông khi làm quan ở Kinh Bắc, có tiếng đàn áp được bọn quyền quý, nên đặc cách đổi cho ông giữ chức Hiến sát sứ Nghệ An. Khi ông ở Nghệ An, có người dân đem lễ dâng xin huý hiệu của ông để thờ. Sau ông được đổi làm Đốc phủ Lạng Sơn, ông khuyên răn bọn phiến mục, vỗ về nhân dân, được dân bày châu đều kính mến. Được ba năm thì mẹ mất, ông xin về quê cho hết tang.

Năm Bính ngọ quân Tây Sơn kéo vào Bắc thành, trộm cướp dấy lên như ong. Ông ở nhà, bọn cướp kính nể không giám quấy nhiễu. Các thôn ấp lân cận cũng nhờ đó mà được yên. Năm Đinh mùi vua Chiêu Thống phải bỏ chạy. Bấy giờ ông chưa hết tang mẹ, nhưng cũng xin đi theo. Quân Tây Sơn tiến đánh ở khu vực sông Vị Hoàng, vua ban cho ông làm Giám sát đạo quân Sơn Nam.

Năm Kỉ Dậu vua Chiêu Thống chạy sang Tàu, ông theo xa giá đến cửa quan. Vua xuống dụ khuyên ông trở về quê. Sau đó vua Tây Sơn nhiều lần cho mời nhưng ông đều từ chối, lấy cớ là mắt bị mù. Sứ giả ra đề mục

"Người mù" bảo ông làm thơ bằng quốc âm. Ông làm bài có câu : "Con người long lỏng (dùng chữ Lộng Điền) trong như ngọc, Thăng bé ngấm ngấm (dùng chữ Nghiêm Trang) cứng tựa đàng". Ông vẫn giữ thủy chung với nhà Lê, không ra làm quan cho nhà Tây Sơn. Tây Sơn đem quân đến bắt giải ông về Thăng Long, ông vẫn giả mù không chịu khuất phục. Vua Tây Sơn biết là không thể ép buộc được mới tha cho ông về quê dạy học. Ông lấy sách vở làm vui, làng xóm ai ai cũng yêu quý. Hễ ai có việc tranh chấp đều đến ông xin phân giải. Đến năm Quý sửu ông mất.

Khi còn sống làm quan, hễ có việc đi ra thì trời hay đổ mưa, người ta bảo ông là thủy thần giáng sinh. Lúc ông ở nhà, có người Đông Lĩnh làng bên con trưởng ốm gần chết, đi cầu cúng ở thành Đại La, thần bảo : "Việc này phải nhờ ông Lộng Điền mới được". Người ấy nghe lời thần đến cầu ông. Ông bảo mọi người lui ra ngoài rồi viết một chữ "Cho" đưa cho người ấy và nói : "Đừng nói cho ai biết". Người kia được chữ của ông, đốt cho con uống liền khỏi bệnh.

Thần ở trong áp thường nói rằng : "Ta ở đây thì vốn làm cha mẹ một áp, nhưng nếu ở nơi khác thì ông hơn ta đấy". Thần thường mượn miệng đứa trẻ chưa biết chữ để bàn văn tự với ông. Khi ông mất, thần có đôi câu đối viếng ông như sau :

*"Trình thành lẫm lẫm tam quang đới
Hương hoả du du vạn cổ trường"*

(Trình thành chói chói đối với tam quang
Hương lửa dằng dặc dài đến muôn thu).

Ông được phối hưởng bên tả thần trong áp. Đến nay dân trong làng vẫn thờ phụng ông.

Ông họ Vũ : xã Thôi Ngôi, Tiến sĩ triều trước, không rõ khoa nào, làm chức gì, hiệu là An Xuyên Bá.

Ông họ Vũ : xã Hạc Bồng, Hoàng giáp triều trước, không rõ khoa nào, làm quan đến Hiến sát sứ Lạng Sơn.

Trần Thụy : xã Độc Bộ, Hoàng giáp năm Minh Đức thứ 3 đời Mạc, sự nghiệp không rõ.

Lê Bá : xã Phạm Xá, Hoàng giáp khoa Đinh mùi Hồng Đức 18 đời Lê, sự nghiệp không rõ.

Ông họ Phạm : xã Đông Cao, Tiến sĩ triều trước, không rõ khoa nào, thời nào, làm quan đến Tự khanh.

Ông họ Vũ : xã Đào Khê, Tiến sĩ triều trước, làm quan đến Thị lang, Tô Xuyên bá, thụy là Mặc Hiên.

Vũ Triệt Võ : xã Đào Lạng, Hoàng giáp khoa Đinh mùi đời Lê Hồng Đức, làm quan đến Hình bộ Tả thị lang.

Trần Hữu Thành : xã Đào Lạng, Hoàng giáp khoa Bính tuất đời Mạc, làm quan đến Đề hình Giám sát ngự sử. Sau theo về nhà Lê trung hưng, thụy là Nghĩa An.

Ông họ Bùi : xã Thân Thượng, Tiến sĩ triều trước, làm quan đến Hình bộ Tả thị lang, thụy là Nhân Tử.

Đinh Chấn Cương : xã Lương Xá Hạ, Hoàng giáp một triều trước, làm quan đến Hình bộ Cấp sự trung.

Đậu Công : xã Lương Xá Hạ, Tiến sĩ một triều trước, làm Tri châu Hưng Hoá.

Ông họ Trần : xã An Hạ, Tiến sĩ triều trước, làm quan đến Lại bộ Tả thị lang, tên chữ là Nham Hỷ.

Ông họ Vũ : xã An Hạ, Tiến sĩ một triều trước, làm quan đến Binh bộ Hữu thị lang, hiệu là Trúc Hiên.

Ông họ Nguyễn : xã An Hạ, Hoàng giáp triều trước, không rõ hành trạng.

Ông họ Trần : xã An Hạ, Tiến sĩ triều trước, làm quan đến Đề hình Giám sát ngự sử, hiệu là Nghĩa An.

Ông họ Đinh : xã Yên Hạ, Thám hoa một triều trước, không rõ hành trạng.

Ông họ Vũ : xã An Hạ, Tiến sĩ triều trước, làm quan đến Tả thị lang, hiệu là Quân Hiên.

Ông họ Trần : xã Yên Trung, Tiến sĩ triều trước, hiệu là Tấn Khanh, không rõ hành trạng.

Ông họ Trần : xã Yên Trung, Tiến sĩ triều trước, làm quan đến chuyên vận phó sứ, hiệu là Nhân Trục.

Ông họ Nguyễn : xã Cổ Liêu, Hoàng giáp thời Trần, làm quan đến Nhập thị á thượng phẩm đại hành khiển.

Ông họ Phạm : thôn Nghĩa Phú xã Phù Đô, Tiến sĩ triều trước, làm quan đến Hàn lâm.

Nguyễn Dương : xã Vụ Sài, Hoàng giáp khoa Nhâm tuất niên hiệu Đại Bảo đời Lê Thái Tông.

Tướng công họ Đông : xã Tam Quang, Thám hoa triều trước, sự nghiệp không rõ.

Đỗ Minh Thông : xã La Ngạn, làm lính túc vệ triều Lê. Bấy giờ có con chim dữ gọi là con cú vọ, kêu ở phủ chúa Trịnh, chúa ghét tiếng kêu của nó, ông bán chết con chim đó. Chúa cho ông đậu Tào sĩ cho nên người thời đó gọi ông là Nghè vồ.

Các vị đậu Cử nhân ở các triều đại trước cộng 193 người.

Đại khoa ở triều Nguyễn có 7 người (4 Tiến sĩ, 3 Phó bảng).

Phạm Văn Nghị : xã Tam Quang, Cử nhân khoa Đinh Dậu đời Minh Mệnh, Hoàng giáp khoa Mậu tuất cũng đời Minh Mệnh, bổ làm quan ở quán các, sau bị bệnh xin về nghỉ, dạy học trò. Năm ấy nhân quan Doãn đại lang có việc quan đi vào kinh, vua gửi cho ông sâm quế và tiền bạc, lại châu phê rằng : "Đây không phải khen thưởng cho việc mạnh dạn cáo lui về nhà, mà khen thưởng cho việc khi cần là sẽ hăng hái ra giúp nước ngay, khâm thủ". Nhân thế ông mới bẩm với quan tỉnh xin mở trại Sĩ Lâm làm hương bồng cho học trò. Hiện nay ở trại còn đền thờ ông. Lại dùng để sửa lợp nhà giáo ở phủ, nhà huân ở huyện và lập nghĩa thương ở các xã.

Sang năm có sắc mệnh bổ ông đốc suất kiểm soát các công việc buôn bán ở Hải Phòng, sau thăng Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, sung Thương biện tỉnh vụ.

Năm ông 70 tuổi, viện có già yếu xin về hưu dạy học ở làng. Học trò nhiều người thành đạt. Ông có 5 người con đều đỗ đạt, trong đó con trưởng đậu Phó bảng làm quan đến Bồi chính Thanh Hoá. Học trò đậu đại khoa hơn 10 người, còn đậu Cử nhân thì rất nhiều. Ông được châu phê rằng : "Học, hạnh, tiết, nghĩa làm tiêu biểu cho đám sư nho". Lại châu phê rằng : "Dạy bảo học trò, gây nên tục tốt, khâm thờ". Sau ông làm nhà ở động Liên Hoa tỉnh Ninh Bình, lấy non nước làm vui. Năm ấy được vua ban cho 100 lạng bạc và châu phê rằng : "Về nhà yên nghỉ dưỡng lão, dạy dỗ người hiền tài để giúp đời cũng đủ đền đáp lại rồi, khâm thờ". Nay dân Liên Hoa dựng đền thờ nơi ông ở cũ. Trong đền thờ có câu đối:

"Lòng ở trên mặt trời, mặt trăng, ý ở khoảng sông núi".

Ông mất năm Canh Thìn đời Tự Đức, thọ 76 tuổi. Trước hôm ông mất một đêm, nhiều người trông thấy một luồng khí đỏ sáng rực từ dưới bay lên, vì thế có câu đối viếng như sau :

*"Hò khí thẳng đàng thiên hữu trượng
Liên phong lạc mạc địa vô tiên".*

(Khí dâng bốc lên trời có tượng, đỉnh sen lặn lẽ đất không tiên).

Người làng tưởng nhớ đã làm đền thờ ở nơi nhà cũ của ông.

Ông có thơ tự đề như sau :

*"Dương niên bành trách dinh tôn tửu
Tha nhật nam phong nhất biện hương"*

Nghĩa là : Năm xưa Bành Trạch đầy hồ rượu

Ngày khác Nam Phong một nén hương.

Người làng có câu đối viếng như sau:

*"Cổ linh học thuật dân đa hoá
Minh đạo tiên sinh xã hựu diên".*

(Học thuật ở Cổ Linh cảm hoá được dân chúng,
Tiên sinh hiệu Minh Đạo ở xã có điều lệ).

Đỗ Huy Uyển : xã La Ngạn, thông minh sớm biết các sách trong ngoài, hễ xem qua một lượt là nhớ. Cầm, kì, thi, hoạ và các nghề nhỏ mọn khác, không có gì muốn mà không giỏi. Ông đậu Cử nhân khoa Canh tí đời Minh Mệnh, Phó bảng khoa Tân sửu đời Thiệu Trị, làm quan Lễ bộ Thị lang trung. Vâng mệnh khởi thảo tờ dụ nói về việc "Xét cử những người có tài văn võ đặc biệt". Dâng lên vua xem, châu phê : "Dùng được". Ông làm quan đến Thái thường tự thiếu khanh, Biện lý Hộ bộ sự vụ. Bị bệnh đau mắt, được cho về quê, mở trường dạy học, thành tựu rất nhiều.

Bùi Quang Miện (Bùi Văn Phan) : xã Thân Thượng, Tiến sĩ khoa Giáp Thìn Thiệu Trị 4, làm quan đến Tri phủ Thuận Thành. Ông là cháu Bùi Nhân Thị.

Vũ Diệm : xã Lộng Điền, Cử nhân khoa Quý mão đời Thiệu Trị, Phó bảng khoa Giáp Thìn cũng đời Thiệu Trị, làm quan đến Hình bộ Tả thị lang.

Phạm Văn Giảng : xã Tam Quang, Cử nhân khoa Giáp tí, Phó bảng khoa Át sừ, đều đòi Tự Đức, làm quan đến Bộ chính Thanh Hoá.

Đỗ Huy Liêu : xã La Ngạn, Giải nguyên khoa Đinh mão đời Tự Đức, Hoàng giáp khoa Kỉ mão đời Tự Đức. Bài thi Đình của ông được vua Tự Đức phê : "Thật là người có học lực, văn chương lão luyện chứ không phải như bọn mới học chỉ viết theo mà làm được". Ông làm quan đến Hồng lô tự thiếu khanh, Tham tá nội các sự vụ. Nhân khi trong nước có việc, ông về quê chịu tang mẹ. Nhiều lần được đòi ra làm quan ông đều từ chối.

Khiếu Năng Tĩnh : xã Trục Mỹ, Cử nhân khoa Kỉ mão, Tiến sĩ khoa Canh Thìn, đều đòi Tự Đức, hiện là quan Tế tửu Quốc Tử Giám.

Triều Nguyễn Cử nhân 9 người :

Đỗ Huy Cảnh : xã La Ngạn, Cử nhân khoa Kỉ mão đời Gia Long, làm quan đến Bộ chính sứ Biên Hoà, lĩnh Hộ lí tuần phủ. Vì đối sách không đúng sự thật nên bị cách.

Vũ Trì : xã Lộng Điền, Cử nhân khoa Kỉ dậu đời Minh Mệnh, làm án sát sứ Tuyên Quang, bị giáng. Sau được khôi phục làm Trì phủ Thuận Thành.

Vũ Thục : xã Lộng Điền, Cử nhân khoa Mậu tí đời Minh Mệnh, làm quan đến án sát Quảng Ngãi.

Vũ Tế : xã Lộng Điền, Cử nhân khoa Đinh mão đời Tự Đức, làm quan đến Hàn lâm viện Thị giảng, lĩnh Hộ thành binh mã phó sứ. Bị bệnh, xin về quê dưỡng bệnh.

Vũ Huy Duật : xã Lộng Điền, Cử nhân khoa Canh tuất đời Tự Đức, làm quan đến Trì huyện can Lộc.

Vũ Tập : xã Lộng Điền, Cử nhân khoa Giáp tí đời Tự Đức, làm quan đến Giáo thụ phủ Khoái Châu.

Phạm Văn Hân : xã Tam Quang, Cử nhân khoa Đinh mão đời Tự Đức.

Phạm Văn Hải : xã Tam Quang, Cử nhân khoa Kỉ mão đời Tự Đức.

Phạm Văn Phổ : xã Tam Quang, Cử nhân khoa Kỉ mão đời Tự Đức.

Số học trò đi thi Hương mỗi khoa thường đến 87 người.

Các quan tướng võ :

Nguyễn Công Thụy : xã Thanh Khê, làm quan đời Lê, được sắc phong làm Tán trị công thần, đặc tiến Trụ quốc thượng tướng quân, Thụy Tiên hầu, gia phong Thị vệ Quận công.

Lê Đức Thương : Chưa rõ xã nào, làm quan đời Lê, thường cầm quân đánh thắng giặc, được thưởng chức Chương cơ. Bảy giờ triều đình thi võ, chọn khi tiết Đại hàn, niêm yết cho các cơ vệ, hễ ai có thể đứng dưới nước, đốt một bó hương, cứ lấy hương cháy hết làm hạn, thì được thăng thưởng. Ông đứng được đúng hạn nên được thăng thưởng.

Ông Học : ông người xã Yên Lại, tên là Học, họ gì không rõ, đậu sinh đồ đời Lê Cảnh Hưng, sau làm xã trưởng. Năm Canh thân, bọn Hoàng Mật, Nguyễn Tuyển nổi lên, đâu đâu giặc cướp cũng nổi theo. Ông theo quan quân, phủ dụ dân chúng, mộ người phòng giữ, chẳng bao lâu thì được bỏ

chức Chánh đội trưởng. Năm ất sử ông vâng mệnh đặt cơ dục nghĩa theo quan phó chấn thủ đi đánh giặc cỏ. Học cho là quân giặc đông, khó bề đánh thắng, mới mật cầu với thần vị ở bản xã. Từ đấy về sau đánh đâu thắng đó. Đánh giặc ở Thái Nguyên, lập nhiều công trạng, được phong tước bá. Sau đánh giặc ở Kinh Bắc có công lớn, được sắc thăng lên chức Trì uy tướng quân thư ngự tổng trì ty, Thiêm tổng trì, phi kỹ úy trung chế.

Vũ Lễ : xã Dương Hồi, triều trước lúc đầu bổ ông làm chức Thủ hiệu, theo đại tướng đem quân đi đánh giặc 40 - 50 hiệp đều thua, đại tướng bị chết trận, quan quân chạy tán loạn, ông mới cấp chiêng đồng núp vào bụi rậm. Khi giặc đi đã xa, ông nghĩ rằng : "Nay chính tướng đã mất, những người đi theo không lẽ sống thừa". Ông liền đánh chiêng liên thanh. Tàn quân nghe tiếng chiêng mới tập hợp lại. Ông bảo quân lính rằng : "Giặc nay đánh thắng được mấy trận liền, ắt xem thường ta. Đêm nay nếu ta đánh úp thì nhất định sẽ thắng". Mọi người nghe theo. Ông liền sai chuẩn bị cơm nước, sắp đặt khí giới, nửa đêm đến đánh úp. Quân giặc bị bất ngờ, kinh sợ bỏ chạy. Từ đó về sau, ông luôn luôn đuổi đánh, dẹp hết đảng giặc. Triều đình biết việc đó, phong cho ông tước Quận công.

Bùi Đức Tuấn : xã Tam Quang, là bậc cư sĩ, đọc và nhớ nhiều sách vở (có làm cuốn sách bản huyện chí). Học trò của ông thành đạt rất nhiều như Phạm Văn Nghị, Bùi Huy Phiên, Phạm Văn Giảng. Còn Cử nhân, Tú tài thì không thể kể hết.

Nguyễn Quế : xã Phúc Chi, đậu Tú tài khoảng năm Tự Đức, học hành thuần chính, mở trường dạy học. Học trò của ông đậu Phó bảng, Cử nhân rất nhiều.

Các bậc nghĩa sĩ :

Phạm Kháng : xã Thức Vụ, người hùng dũng khí khái, ở triều Mạc, ông bị kiện phải giam trong ngục. Quan Giám ngục người Nghệ An cho là ông sai trái, nên giam giữ. Chẳng bao lâu giặc cướp nổi lên rất nhiều, ông vượt ngục trốn vào Thanh Hoá, tụ tập dư đảng, xa gần sợ oai, theo đến rất đông. Quan Giám ngục sợ bỏ chạy, khi qua đôn ông, bị quân của ông bắt giải về đồn. Khi nhìn thấy ông, viên giám ngục sợ hết hồn. Nhưng ông bảo lính cởi trói, mời ngồi và từ tạ rằng: "Tôi vì hồi lộ, làm điều phi nghĩa, mà ông giữ phép công như thế, tôi rất kính phục" rồi lui lại khoản đãi và sai người hộ tống. Sau này viên giám ngục trở lại chức cũ, khi đó ông đã mất, mới tâu lên triều đình tặng cho ông một chức quan võ.

Trần Thuần : xã Phù Sa. Năm ất sử Cảnh Hưng 15 đời Lê, bọn giặc Ngân Già ở Nam Trực nổi lên, thuyền chúng đi qua phần sông xã ấy, Thuần đem dân phu cầm giáo tre, dùng dò ngang và thuyền chài ra đánh nhau với bọn chúng ở trên sông. Lại lấy đất, đá, ngói, gạch và mảnh chum vại vỡ ném xuống. Bọn giặc thua chạy. Bắt được vài tên. Triều đình biết, thưởng cho tiền lụa, lại ban cho biển vàng đề ba chữ "Dân trung nghĩa" để biểu dương.

Những người phụ nữ tiết nghĩa :

Xã Gia Trạng có người tiết phụ họ Đinh, khoảng năm Minh Mệnh được thưởng một cái biển sơn son thếp vàng khắc 4 chữ "Tiết hạnh khả phong", một tấm gấm lam và 50 lạng bạc.

Xã Dương Hồi có bà tiết phụ họ Phan, lấy chồng người họ Phạm, mới được một con trai, 21 tuổi chồng chết, ở vậy thờ chồng nuôi con, giữ vững trinh tiết. Khoảng năm Minh Mệnh được ban thưởng 20 lạng bạc.

Thôn Hưng Lộc có bà Vũ Thị Viện tính tình rất là trinh thực. Năm 16 tuổi lấy chồng, 24 tuổi chồng chết, chưa có con. Bà chịu tang chồng, thờ cha mẹ chồng như ngày chồng còn sống. Khi hết tang chồng, bố mẹ chồng ép bà lấy chồng khác, bà nói: "Cha mẹ chồng còn sống mà tôi đi lấy chồng khác thì hôm sớm lấy ai thay chồng nuôi nấng cho" (Vì chồng là con một). Bền chí vững trinh. Khi cha mẹ chồng chết, bà vẫn ở lại nhà chồng thờ chồng và cha mẹ chồng. Hiện nay bà đã ngoài 60 tuổi. Chí trinh tiết của bà thật đáng khen.

Người sống lâu là của quý của loài người. Xóm Bình Hải có người đàn bà năm nay hiện được 120 tuổi.

Phong tục

Tục xã Đồng Bạt có hội mùa xuân rước thần, các thuyền thiếu niên đua nhau đi tìm bắt chim đỗ quyên, nấu chín dâng lên cúng. Tục truyền rằng: Hễ ai giành được cái đầu chim quyên thì năm ấy làm ăn thịnh vượng.

Xã Tam Quang trước có kho nghĩa thương. Năm Tự Đức 21 được thưởng biển vàng đề 4 chữ "Mỹ tục khả phong". Năm Quý Dậu đời Tự Đức kho nghĩa thương bị đốt cháy. Nay chỉ còn lại ruộng 2 mẫu 5 sào lưu làm ruộng lương nuôi lính.

Xã Tam Quang và Dương Hồi thờ phụng vua Đinh Tiên Hoàng. Hàng năm đến ngày 16 tháng 8 là ngày sinh của Đinh Tiên Hoàng, trẻ em hai xã cầm gậy tre nhỏ tụ tập trước đền đánh nhau một hai khắc rồi giải tán. Đến ngày lễ chính hai xã đều đến tế tự.

Xã Độc Bộ có lệ thờ thần. Đến ngày 13 tháng 8 hàng năm thì rước kiệu, kết thuyền, tế một mâm lễ ở ngã ba sông, rồi rước về miếu tế tự.

Ba xã Thôi Ngôi, Tương Loát, Hà Bồng có lệ thờ thần, kiêng hát xướng, kiêng đánh trống. Tục truyền, ngày xưa có một nhà sinh được hai trai một gái, đều cho đi chăn trâu cho người khác và đều cưới lên lưng trâu. Một hôm gặp đoàn con hát, hát xướng và đùa đánh trống thùng làm cho trâu sợ lồng lên chạy. Ba anh em đều bị ngã từ trên lưng trâu xuống đất mà chết. Người nào chết ở địa phận xã nào thì làm thần ở xã ấy, nên nay ba xã thờ thần đều kiêng hát xướng và đánh trống.

Dân xã Thanh Khê có tục vừa làm ruộng vừa buôn bán. Có người khiêng lợn đi chợ bán, đem vợ đi làm cò mồi, thường gọi là chị. Có người nói đùa rằng "Ngoài chợ gọi vợ là chị, về nhà thì xưng là anh".

Tục xã Giáo Phòng hễ người nào có việc mừng mà được người ta yêu mến thì mời mọi người tùy tình trông cho một cột đèn. Đêm đến trông xa sáng rực rỡ như một chuỗi hạt châu.

Tục xã Tử Vinh thờ hổ núi. Tháng Giêng hàng năm lấy tre và giấy làm thành hình con hổ để thờ. Đến ngày 21 thì đem ra đồng đốt đi.

Hương tục nhân tình :

Vũ Tố người xã Quần Liêu, xã ông mới đượ lập nên do người họ ông trung khẩn ra. Đền thần, nhà thánh nền cũ vẫn còn. Nguyên trước đều là dân lương, về sau có một số theo đạo. Đến năm Quý Dậu đời Tự Đức xã ấy mới lập nhà thờ đạo, khuyên ông theo đạo. Bảy giờ ông là hàng anh chị trong xã, lại có gia tư (ruộng tư hơn 100 mẫu), ông mưu bàn với người cùng xã là Vũ Cánh kính giữ sắc thân, kiên trì không theo đạo. Các người dân giáo truất bỏ ngôi thứ của ông, đốt đồ thờ tự, bắt phải theo đạo cả nhà, nhưng ông nhất quyết không theo. Về sau Vũ Cánh thế không chịu nổi phải theo đạo. Còn ông, trong nhà thì vợ con mê hoặc đêm ngày cầu kinh, ngoài thì bị hàng xóm ruồng bỏ, hiềm nghi, không đếm xỉa đến. Ông phải mang ba đạo sắc thân bỏ vợ con nhà cửa ra đi trú ngụ ở tại phường Giáo Phòng cùng tổng. Ngày nay ông đã 75 tuổi, vả lại lương giáo cũng đã ăn ở với nhau, bản triều cho được tùy ý, vợ con ông theo giáo, còn ông thì cứ theo lương giữ nền nếp của ông cha. Không Tử nói rằng : "Chí khí của người thất phu không thể cướp được" thật là đúng.

Các câu phương ngôn :

Lê Trâm Vạc, Mạc Đại An (ý nói nhiều người khoa hoạn vậ).

Gà Văn Cú, phú Lộng Điền, tiên Đức Hậu (người Văn Cú hay chọi gà, người Lộng Điền hay phú, người Đức Hậu lắm tiền đã chép ở sự tích ông họ Vũ).

Thơ Thượng Phúc, lục Đại An (học trò Thượng Phúc hay thơ, học trò Đại An hay tứ lục).

Cổ tích

Hòn đá thiêng ở phủ Nghĩa Hưng : Năm Đại Bảo thứ 2 triều Lê, nước sông lên to, đá và cây cối ở núi Đòng Cổ đều bị trôi. Trong đền có cây gỗ sắp dùng để tạc tượng bị nước cuốn trôi đến bến Nghĩa Hưng thì dừng lại đó không trôi đi nữa. Những người dân chài già cả trong làng đi đánh cá bị vướng phải cây gỗ thì khẩn rằng : "Nếu cây gỗ này có thiêng thì nên giúp đỡ chúng tôi". Khẩn xong toan kéo cây gỗ đi nơi khác nhưng không được. Một đêm mưa to sét lớn, cây gỗ ấy tự dựng lên nơi địa đầu, vững chắc không thể lay chuyển được. Từ đó người và súc vật trong làng không yên. Đêm sau thấy một người mặc áo vàng đứng ở trên cây gỗ nói rằng : "Ta là tướng đứng đầu ở rừng và sông đây". Người làng lấy làm lạ, bèn cúng lễ thì người và vật đều được yên. Người làng mới khắc gỗ làm tượng, lập đền lên thờ. Trước đền có một khối đá, tục gọi là đá xói, nằm ở giữa ruộng, giáp giới địa phận xã Hạ Kì, sâu hơn một thước, đến nay vẫn còn.

Đống gạch yêu thiêng : ở thôn Nhân Hậu xã Hải Lạng có một đống gạch ở giữa đồng ruộng (tục gọi là ma gạch) rất thiêng, người cày không giám phạm đến (thường vào nhà dân quây nhiễu, hễ cúng lễ thì thôi).

Gió thần Ngọc Chấn : xã này thờ tôn thần Giác Hải Long Vương thủy tề. Cúng gió cầu mưa thường linh ứng. Các triều trước liệt vào ngạch quốc

tế. Thần làm gió làm mưa đều nổi gió bắc lên làm hiệu. Trong đền có câu đối :

*"Tăng kí hà niên thần kiểm hoá
Do truyền kĩ độ bắc phong lai"*.

Vua Lê Đại Hành đi dẹp Chiêm Thành qua địa phận thôn Uy Uy, nằm mơ thấy thần cho một cây gươm. Hôm sau sai người đào ở trong đền, quả nhiên được cây gươm. Xa giá chỉ huy, hễ đi đến đâu là dẹp yên đến đó. Đến bản triều (tức triều Nguyễn) ngày tháng bảy năm Canh dần Thành Thái thứ 2, nước sông lên to. Bảy giờ có một chiếc hoả thuyền của quân Pháp đâm vào bên sông ở địa phận xã Thôi Ngôi, không ra được. Quan phủ sở tại bắt nhân dân các xã trong huyện hết sức lôi kéo, hơn một tháng trời phu dịch rất là vất vả khó nhọc mà cũng không sao kéo ra được. Quan mới mật đảo với thần đền xã ấy, thì đến nửa đêm bỗng gió bắc nổi lên rất mạnh, hoả thuyền tự nhiên đi ra, nhân dân cả huyện mới tránh khỏi nạn lôi kéo.

Lại tục truyền rằng : trước đền có một dải sông chảy ngang, hàng năm có những con cá lớn nhảy vọt trước đền, có khi hai, ba ngày mới dời đi nơi khác, nhưng không làm hại gì cả. Bảy, tám năm lại đây không thấy các thứ cá ấy nữa.

Xã Ngọc Chấn có một khối đá ở khu vực Đồng Khương, từ đất nổi lên dài khoảng 1 thước 8 tấc, trên đầu tròn nhọn, bên dưới tiếp đất. Chu vi lưng khoảng 1 thước 2 tấc. Còn chiều sâu ở dưới đất thì không rõ là bao nhiêu. Xưa nay chưa ai giám phạm đến.

Hòn đá quái gỡ ở xã Thôi Ngôi : xã này có hòn đá ở làng Nghiên Đầu rất thiêng.

Trận đánh nhau dưới nước với thủy thần của ông Quận Điền : Khoảng năm Vĩnh Khánh triều Lê, ông Quận Điền xã Bảo Ngũ huyện Vụ Bản vâng lệnh đi đắp con đê vỡ ở xã Thụ Tiên (nay là Thụ ích). Khi thuyền ông đi qua ngôi đền ở xã Ngọc Chấn, hình như có vật gì ngăn trở, làm cho thuyền không đi được. Ông tức giận chửi mắng om sòm. Bỗng nhiên trước mặt hiện ra năm chiếc thuyền xông lên gheo đánh. Quận Điền vốn thạo phép âm binh, biết đó là thần đến ấy hiện ra. Ông mới vỗ gươm niệm chú, bắn liền mấy phát đại bác, khói bay mù trời. Chừng một canh thì năm chiếc thuyền kia biến mất. Ông Điền đến chỗ đắp đê, hễ đắp được bao nhiêu thì lại vỡ đi bấy nhiêu. Ông phải làm lễ khấn tạ mới đắp xong được. Khi đắp xong đê rồi ông nói khoác rằng : "Đê này ta đã đắp xong, bây giờ dù có một trăm vị thần linh cũng không phá nổi". Bỗng sóng dữ nổi lên, vỗ mạnh vào làm cho đê lại vỡ hết. Quận Điền kinh sợ, biện lễ cúng tạ rồi lại hết sức bồi đắp nhưng không làm sao xong được. Quận Điền tức giận lấy tre gỗ đóng thành rào, đổ vôi đá xuống, nước sôi cuộn lên làm cho tôm, cá, ba ba, mực chết nổi lên rất nhiều. Được nửa tháng thì Quận Điền bị bệnh độc nhiệt mà chết. Chưa bao lâu, người và súc vật ở xã Bảo Ngũ không yên. Dân cầu khấn miếu thổ thần. Bỗng có người quát to rằng : "Ta là Quận Điền, bị tay độc của thủy thần làm hại. Nay muốn báo thù nhưng voi, ngựa và đồ chiến cụ chưa đầy đủ. Nhờ báo với bảo mẫu ta (tức Ngô Thái phi, chị của Quận Điền) "

Bảo mẫu được tin liền sắm sửa đồ minh khí đốt xuống cho. Sáng hôm sau thấy nước sông sóng lớn, cá, tôm, mực, ba ba chết nổi lên rất nhiều. Bảo mẫu mới khẩn rằng : "Em ta đánh nhau với chúng, thua được như thế nào, nếu có thiêng, hãy báo cho chị biết". Bỗng người trong nhà thượng đồng mà bảo rằng : "Cảm tạ ơn chị tặng cho nhiều chiến cụ, nhưng quân mới nhóm, thủy chiến chưa quen, mới đánh một trận đã bị chúng bẻ gãy. Nay nên lập một ngôi đền mới ở chỗ miệng cống, nhường cho nó ở để tránh hiềm khích". Người trong họ nghe theo, mua tre gỗ, vật liệu dựng ngôi đền. Từ đấy về sau đường sông ở địa phương này không có điều gì quái lạ nữa. Nay miếu ấy hiện còn ở thôn Hạ thuộc xã Hạ Kì, gọi là miếu ông Quận.

Hòn đá trôi ở Phúc Đình : Khu vực Phúc Đình ở xã Vụ Sài có cái cù nhỏ, từ sông Trạng Vĩnh chảy vào. Đầu năm Cảnh Hưng triều Lê, có một hòn đá dài hơn 4 thước rộng hơn 3 thước từ ngoài sông nhỏ trôi vào. Nhân dân không yên. Bỗng trẻ em làng hát xướng, tự xưng là Quận Ninh (Ninh Xuyên hầu, Thượng tướng quân). Thôn ấy mới dựng đền lên thờ. Đến nay hòn đá ấy vẫn còn.

Thần cầu ở Đông Cao : ở phía đông ngôi miếu của xã ấy có một dòng khe quanh co, nước thủy triều lên xuống, bỗng dưới nước nổi lên ba hòn đá, ba quả cầu trôi vào gò đất. Xã ấy lấy làm lạ, liền lập đền lên thờ. Hễ năm nào gặp đại hạn, xã ấy rước bài vị thần, hòn đá và quả cầu ra một nơi, cùng nhau đá cầu. Chỉ độ hai ba ngày thế nào cũng có mưa.

Cây cỏ ở xã Trạng Vĩnh : xã này có cây cỏ thụ rất to tên là cây mọc miên (tục gọi là cây gạo), trước có 9 cành, nay chỉ còn 8 cành. Thế cây cong queo uốn khúc như hình con rồng (tục gọi là cây gạo cừ long).

Dấu chân lớn ở xã An Hạ : xã này có một hòn đá lớn bắc làm cầu, dài 18 thước, rộng 4 thước 7 tấc, dày 7 tấc. Có một chỗ lõm xuống như dấu chân người. Lại thấy một dấu ngón tay. Tục truyền đây là dấu tích của Nguyễn Minh Không. Lại tục truyền hòn đá này nguyên trước là một khối liền, cuối đời Tây Sơn, giữa ban ngày bỗng có tiếng sét dữ dội làm hòn đá sứt mất vài thước.

Loài tre đá ở xã Tam Quang : Tục truyền, ngày xưa có một người buôn tràu không, thường ra Trảng An buôn bán. Đến cầu khẩn ở miếu Đình Tiên Hoàng thường được linh ứng, mới lấy trộm lư hương đem về. Khi đến xứ đầu Phụng ở xã Tam Quang thì dừng lại nghỉ, lư hương bỗng nhảy ra ngoài rơi xuống đất, nhắc lên không được nữa. Nhân dân lập đền lên chỗ ấy để thờ. Chỗ đền thờ thần có một gò lớn chừng 8, 9 mẫu, tre đá mọc lên rất là rậm rạp. Ba năm ca hát một lần, lấy tre ấy bán đi lấy tiền dùng vào việc công. Từ khoảng năm Chiêu Thống đời Lê, không thấy mọc măng, sau tre nhỏ dần chỉ làm đũa ăn cơm được thôi. Đến năm Minh Mệnh 16 triều Nguyễn, măng lớn lại mọc lên, không ai giám xâm phạm tới.

Chùa cổ ở xã Yên Trung : Chùa có bia cổ, khánh cổ, chuông cổ. Chùa Phúc Lâm là một danh lam thắng cảnh trong phủ. Những người quan sang nhà giàu các triều đại thường bỏ tiền ra tu bổ, có 11 tấm bia đá. Trong

chùa có quả chuông lớn, đúc năm Thuận Phúc triều Lê. Bà Tuyên Tôn nhà Mạc cúng bạc 10 lạng. Tuy quận công họ Tạ cúng bạc 5 lạng.

Còn như tiếng kêu vang xa thì buổi đầu Lê Chân Tông, chúa Nguyễn đi thăm núi Dục Thúy (tục gọi là núi Non Nước) đều nghe tiếng, hỏi biết mới khen là lạ. Xã ấy mới đục thủng ra một lỗ đút lọt chiếc đũa, để làm cho tiếng bớt vang xa đi. Tục truyền còn một quả chuông nữa vút ở đáy giếng phía sau chùa, thường hiện lên. Dân trong xã dùng dây thừng kéo lên nhưng không được. Nay giếng đã bị đất bồi lấp rồi, chỉ còn thấy một lỗ sâu thẳm mà thôi.

Thợ làm việc dưới thủy cung : xã Cốc Thành có người thợ mộc tên là Vĩ. Một sáng sớm người vợ tỉnh dậy thì không thấy chồng đâu. Nhìn đến các đồ dụng cụ cũng không thấy. Hỏi các bầu bạn không ai biết là đi đâu. Hai tháng sau mới thấy về. Hỏi đi đâu thì dấu không nói. Đến lúc tuổi già mới kể rằng : Đương đêm ngày hôm ấy, bỗng thấy quân lính đến nhà bắt đi làm việc quan. Dẫn đến một nơi lâu đài đẹp đẽ hết như chỗ ở của vua chúa. Ngẩng mặt trông ra thấy toàn là nước, mới biết là nơi ở của vua thủy tề. Vâng chỉ làm một cái giường nằm, các thợ làm đều không vừa ý. Ông ta mới nghĩ ra cách làm cái giường tam giác, công trình rất khéo. Vua thủy tề vừa ý lắm, ban thưởng cho rất nhiều, sai người dùng gậy rẽ nước đưa về, dặn không được nói cho ai biết, nếu tiết lộ ra sẽ bị tai họa. Lúc đi đường thấy trời âm u, đến một chỗ người dẫn đường bảo : "Anh đứng chờ ở đây thì sẽ thấy nhà anh, còn ta phải đi chỗ khác". Một lát thì mặt trời mọc lên, chỗ đứng là địa đầu của xã.

Kể xong được vài hôm thì chết.

Xương cổ ở chùa Hạ Kỳ : dưới cây bồ đề chùa Hạ Kỳ có một đốt xương cổ rất thiêng. Khi nước thủy triều lên thì đốt xương nổi lên trên mặt nước. Khi nước rút thì nó lại trôi về đúng chỗ cũ. Không ai dám phạm đến. Ba, bốn năm gần đây nhà sư ở chùa lấp đất lại, thường xuyên cúng lễ.

Đại vương ông Báo : Ngôi đền ở xã Tử Vinh thờ hổ. Năm Thụy Bình thứ 2 thời Trần xã ấy mở hội lớn, trăm trò chơi đều bày ra hết, trong đó có một nhạc công đội một cái da hổ chạy đi chạy lại làm trò vui. Người vợ của anh ta lấy đầu quạt đánh mạnh vào đầu chồng một cái, anh ta bỗng ngã lăn ra mà chết. Từ đó về sau, hễ đêm nào âm u mưa gió, thì lại nghe có tiếng hổ gầm thét. Mọi người đều kinh sợ. Súc vật trong xã bị chết rất nhiều. Ai có cầu cúng thì mới được yên. Nhân dân lập đền lên thờ, rất linh ứng. Năm đầu vua Nghệ Tông, gia trật cho các thần, mới phong sắc cho làm "Ông báo đại vương".

Lúa mạ ở xã Lương Xá (có phụ thêm lá sen ở xã Nhân Trạch) : Ông người họ Đỗ ở xã Lương Xá đậu Tiến sĩ, lập dinh tại xã Nhân Trạch, trước mặt đào một cái ao. (Nay ao ấy mọc đầy sen, hễ ai đi qua lấy lá sen ấy thì bị làm quái gỡ). Một hôm sai người xuống ao đánh cá vớt lên bờ thì cá đều bị đứt làm hai khúc. Sau ông đi làm quan có việc sai lầm, bị đày lên Luân Châu ở tỉnh Hưng Hoá rồi bị giặc giết chết. Người nhà đem xương táng ở gò cao thuộc địa phận xã ấy. Trong mộ lõm xuống như cái nơm, bốn bề lúa mạ

xanh tốt, rất linh ứng, người ngoài lấy dùng thì bị tai quái, còn người trong nhà lấy thì không việc gì.

Chùa cổ xã Phúc Chi : Xưa có quan Thái tử thiếu bảo hộ Trần xuất gia đến trụ trì ở chùa Phúc Chi. Chùa này cũng là một danh lam hàng huyện. Trong chùa có gò lớn trồng nhiều mía, giữa có đỉnh núi nhỏ bằng đá trắng. Lại có một cái ao sen trắng. Trong gò có một chỗ rộng chừng 2 mẫu, xung quanh đắp đất mở ra 4 cửa. Nay dấu tích vẫn còn. Bên trong mọc toàn mía. Có lẽ đây là vườn của thần ở ngày xưa.

Lễ thờ thần cứ ba năm một lần tập hợp các trai thanh gái lịch luân phiên nhau đứng trên đỉnh múa quạt mà hát. Tương truyền bài hát do thần làm ra, còn lưu lại đến nay. (Một quyển chép bài hát nhưng không ghi lại đây).

Gác cổ xã Độc Bộ (có phụ lục bài văn bia cổ ở sau) : Ba gian đều thờ thần của xã Độc Bộ, phía trước làm bằng gỗ lim, chạm khắc rồng châu. Các cánh cửa chạm long, lân, phật, hạc rất là tinh xảo. Lại có một tấm bia cổ rộng 3 thước, dài 4 thước 3 tấc.

Mộ cổ xã Vĩ Nhuế : tục gọi là mộ quan hầu rất thiêng, không ai dám phạm đến.

Bà già ở xã Động Đình : Tục truyền xã Yên Lạc có cậu giám sinh Nguyễn Thế Giai, còn trẻ phải đi làm việc quan. Lên hầu quan huyện nói là con nhà học trò nghèo khó phải đi làm việc nặng nề. Quan ra một câu đối, cậu ta đối được, quan tha cho không phải làm phu dịch.

Sứ thần nước ta đi qua hồ Động Đình, thấy một bà già thạo tiếng Việt nam giữ lại bảo rằng : "Phiền quan lớn về báo với cậu giám sinh họ Nguyễn ở xã Yên Lạc rằng nên về mà sửa sang lại chỗ ở cũ ". Khi sứ giả về tìm đến nơi thì cậu giám sinh đã chết trước đó một tháng rồi. Người ta cho rằng cậu giám sinh Giai chính là thần ở miếu hồ Động Đình giáng sinh sang (xã Yên Lạc) vậy.

Gió dữ ở bể Nha Hải : Vua hậu Lý Nam Đế có đền thờ ở xã Phù Sa. Ông là người họ của triều Lý Nam Đế. Ông đã cùng Triệu Việt Vương Quang Phục tranh giành nhau nhưng không địch nổi. Sau ông dùng kế Nhã Lang trái lời thề, đánh lại vua Triệu mà lấy cả đất nước của nhà Triệu. Đến khi nhà Tùy sang xâm lược, ông bị thương rồi chết. Nhân dân lập đền thờ ông ở xã Phù Sa, đối diện với đền thờ vua Triệu Việt Vương ở xã Độc Bộ. Một hôm có gió lớn nổi lên, sét đánh dữ dội đổ đên ra ngoài sông. Từ đó không làm đền nữa. Nay xã ấy thờ ông Ngô Nhật Khánh.

Cây sung có hoa : Khoảng niên hiệu Vĩnh Tộ đời Lê Chân Tông, ở xã Độc Bộ có một cô con gái họ Trần, tên chữ là Ngọc Duyên, nhà rất nghèo, hàng ngày phải đi mò cua bắt ốc ở bờ sông để sống. Một hôm thấy cây sung nở hoa liền hái lấy ăn. Từ đấy cô trở nên xinh đẹp. Thủy quân công là Lê Hoàng Nghị hỏi cô làm vợ. Nay chùa Phúc Lâm ở xã Yên Trung có tượng thờ Thủy quân công và cô gái họ Trần.

Mộ bút có thần : Ông Lê Bá đậu Tiến sĩ triều Lê ở ngoài Nha Thành (xã Hoàng Nam). Ngày ông về vinh quy, trong xã có người dám hỗn với

ông, ông tức giận phát ra những lời thề thốt rồi chết. Từ đó về sau nền văn học trong xã này ngày càng kém cỏi, thưa thớt. Tương truyền xứ Mả Cả là nơi để mộ của ông, nhưng khoa thứ và tên hiệu không rõ, dân làng lập đền thờ ông ở đó. Ngày đêm cầu khẩn xin cho danh hiệu. Tiên sinh mới mượn miệng một em nhỏ không biết chữ mà truyền rằng : "Nếu các người quả có lòng thành thì cứ đặt đàn tế trước miếu, ta sẽ nói cho biết. Người trong họ ông mới nhờ xã xin tôi (tức Nguyễn On Ngọc) làm cho bài văn tế để cầu xin. Tiên sinh liền phụ đồng, lấy lụa đỏ viết danh hiệu, khoa thứ, bỏ vào lư hương nhưng không cho ai biết và bảo : "Họ tên khoa thứ của ta trong xã đã có người biết, không cần phải đi tìm ở đâu cả". Mọi người chỉ lờ mờ không biết ra sao. Hai ngày sau một người dân cày trong xã, có sổ sách tổ tiên lưu lại để trên gác cao, bỗng đêm mơ có người bảo rằng : "Trong nhà anh có quyển Phật lục, anh nên đem cho nhân dân xem". Anh ta hoảng sợ tỉnh dậy, tìm các sách vở của tiên nhân để lại thì quả nhiên thấy một quyển Đăng khoa lục, trong đó có chép : "Đậu Hoàng giáp thứ 27 khoa Đinh mùi đời Lê thứ 13". Anh liền đem cho mọi người xem và nói rõ lí do. Bấy giờ tiên sinh mới phụ đồng lên lấy tấm lụa đã viết sẵn để trong lư hương ra đối chiếu tên họ khoa thứ thì không sai một chữ. Từ đó đến nay có nhiều linh ứng.

Ba con rồng đội thuyền : Vua Lê Đại Hành dựng đô ở Hoa Lư, nhà Tống sai bọn Nhân Báo, Lưu Nhân Trưng đem quân sang xâm lược. Vua Lê Đại Hành đem hơn 100 chiếc thuyền, sai lính đóng cọc ngăn sông. Đến núi Dục Thúy thuyền không đi được. Bỗng thấy ba con rồng vàng từ giữa sông nhảy vào trong hang núi. Những người trên thuyền đều kinh sợ. Vua Lê Đại Hành hỏi duyên cớ, quan địa phương tâu rằng : "Tục truyền trong hang núi có ba phủ (Thiên quan diêm la thiên phủ, Địa phủ và Thủy phủ) rất là linh ứng". Bấy giờ vua Lê mới rõ, bèn tự mình đi vào tận nơi mật đảo, bỗng chốc rồng vàng ở trong hang hiện ra đội thuyền qua sông. Quân lính vui mừng lên bờ nhảy múa, xin lấy một lư hương đem theo.

Sau quân Tống thua trận tan chạy, ta bắt được tướng đem về kinh sư. Lúc đến cửa Đại ác thì trời vừa tối, bỗng lư hương nặng quá thuyền không đi được. Đêm đó vua Lê mộng thấy thần bảo : "Ta là Thiên la, Đại la vâng mệnh xuống làm thần để chống trừ tai nạn, phò nước giúp dân". Vua mới sai lập đền thờ. Đến nay ngôi hoa vẫn còn, đền ở xã Hạ Kì.

Ba toà cầu gió : xã Thụ ích có ngôi miếu ba toà, hợp thờ trăm vị thần do nhà nước tế lễ. Nguyên trước ở xã Bình Hải, sau dời đến đây. Phàm thuyền bè đi qua đây đều phải cầu gió, cho nên gọi là miếu cầu gió. Quan phủ trước là Bùi Tập sợ gàn sông lớn nước sói lở mới quyên tiền dời vào gàn dân cư dựng ngôi điện chính.

Cá trắng nhảy vào thuyền (có phụ thêm màu đỏ che mặt trời) : Thời Lý Thái Tông, Chiêm Thành vào xâm lược nước ta, vua sai đem lễ "Thiếu lao" đến cầu thần núi Hưng Nghĩa rồi vua tự làm tướng đem quân đi đánh. Đóng quân ở cửa bể Đại ác gặp khi sóng êm gió lặng, quan quân đi qua thuận lợi, mới cho đổi tên là Đại An. Khi đi đến núi Ma Cô, có đám mây vàng che mặt trời cho khỏi nắng. Lúc đi qua vụng Song có mảnh mây theo

chèo thuyền ngược, cứ theo lúc đi lúc dừng. Vua biết là có thần giúp. Khi đi qua bãi cát có cá trắng nhảy vào trong thuyền. Vua nghe tin quân Chiêm Thành đem voi, ngựa bày trận ở bờ nam Ngụ Phố. Vua bỏ thuyền lên bộ, chặn đánh bắt sống được hơn 5000 người. Dẹp yên giặc Chiêm, vua sai Hồ Giao đến tế và hàng năm cấp thêm tiền thuế để dùng vào việc tế tự.

Kỹ nghệ

Xã La Ngạn, Thôi Ngôi có nghề dệt vải. Các xã Liêu Hải, Tân Liêu, Nhân Hậu, Thụ ích, An Thịnh có nghề dệt chiếu. Đào Khê, Đắc Thắng, Hạ Vụ có nghề nấu rượu. Hai Phường, Đài Môn, Thuần Hậu có nghề đan lưới đánh cá. Chòm Bình Hải có nghề đánh lưới chim (tục gọi là chim két). Tử Vinh có nghề buôn dầu. An Trung, An Hạ có nghề buôn tre, gỗ. Diên Mĩ, Tân Mĩ, Lương Xá Hạ, Quảng Cư có nghề buôn trâu bò. Hải Lạng có nghề giã gạo. Hải Lạng, Phúc Chỉ có nghề thợ xây. Vụ Sài có nghề mộc và nhuộm vải. Xóm Hùm thuộc xã Gia Trạng có nghề mộc.

Thổ sản

La Ngạn có khoai lang. Tổng Hải Lâm có trạch bễ. Xã Đắc Thắng Thượng có gạo dự thơm. Tam Quang có một xứ đồng thấp chừng 10 mẫu trồng rau muống rất tốt, ăn có mùi thơm ngon hơn các nơi khác.

Giáp Trung xã Tam Quang có một cái giếng, nước rất ngọt, ngon. Quan huyện trước đây thường sai lính đi múc về dùng. Các xã Thụ ích, Phù Sa, Vĩ Nhuế, Hưng Thịnh, Nhân Hậu, Tân Liêu, Liêu Hải, Đào Khê, Quân Liêu, Thắng Hạ, Hà Dương, Hà Phúc, Hạ Kì, Thượng Kì và tổng Sĩ Lâm có nhiều rượu.

Huyện Phong Doanh

Thành huyện nguyên đặt ở xã Ngô Xá thuộc tổng Ngô Xá, sau dời đến xã Thượng Động tổng Thượng Động. Chu vi thành rộng hơn 1 mẫu. Năm Tự Đức 31 viên Tuần phủ Ninh Bình họ Phan dâng sớ xin thành Phong Doanh và ý Yên dời tới địa phận Vạn Điểm (thuộc huyện ý Yên) và Tống Xá (thuộc huyện Phong Doanh).

Năm Đồng Khánh thứ 3 sức đưa về chỗ cũ (xã Thượng Động). Năm đầu niên hiệu Thành Thái ở Thượng Động xảy ra việc thành huyện bị đốt phá, viên huyện dời đi trú ở chỗ khác. Đến năm Thành Thái thứ 3 được nhà nước cấp tiền, dựng lên toà công đường năm gian gỗ lim, lợp ngói, quay mặt về phía đông. Nhà chè ở phía bắc, nhà tư thất phía tây. Bên tả là đồn lính trú và nhà giam, bên hữu là trại lệ, đều bằng gỗ tốt và lợp tranh.

Bốn phía rào lũy tre, mỗi mặt vuông dài 6 trượng, ở phía sau có mô đất hình thủy tinh bao đỡ. Trong sân có cái giếng nhỏ. Bên ngoài có khe bao bọc xung quanh gọi là khe Hàm Rồng, thông với sông Cầm. Đó cũng là một phong cảnh sơn thủy đẹp vậy.

Sông núi

Núi Báu Đài : còn gọi là núi Bình Phong, là nơi danh thắng thứ nhất trong huyện. Núi thuộc địa phận thôn Giáp Ba xã Đông Mạc tổng Mĩ

Dương. Ngày xưa gọi là Khe Gián, phía tây nam giáp phần núi xã Phương Nghệ huyện Ý Yên, phía đông bắc giáp phần núi xã Thanh Nê huyện Ý Yên.

Trên núi có chùa Bình Phong. Bên chùa có khe Tuyên Nhật, từ lưng núi chảy ra, dưới có cái hồ đá, nước rất trong, chảy suốt ngày đêm không ngừng. Lại có tên là chùa Suối.

Chúa Trịnh Tĩnh vương lên thăm có bài thơ để lại như sau :

*"Ấn nước nhan yêu sương phạn dinh
Vân vi liêm mạc thạch vi bình
Châu lưu thủy giả tuyên song phái
Thạch tích sơn tâm nguyệt nhất hoàng".*

Dịch nghĩa :

*Tháp thoáng ở giữa lưng núi có một ngôi chùa lớn
Mây làm rèm màu, đá thì làm bình phong
Nước trong như ngọc châu hai dòng chảy suốt đêm ngày
Đá đẹp như ngọc, chứa ở lòng khe có bóng trăng lai láng.*

(Bài này lấy trong sách Hoàng Việt dư địa chí).

Sông Nhất Đại : một dòng chảy từ thượng lưu sông Hát qua các hạt : Lý Nhân, Thanh Liêm (thuộc tỉnh Hà Nội), Gia Viễn (tỉnh Ninh Bình) qua xã Sở Thương, Lộ Xá thuộc huyện Phong Doanh (chỗ này có cái công tặc gọi là đập Doi và có bến đò ngang. Phía tả sông là xã La Mai thuộc huyện Gia Viễn. Con đường Thiên Lý số 1 đi qua đây), Phong Xuyên (chỗ này có bến đò ngang, bên tả sông là xã Bạch Cừ thuộc huyện Gia Viễn gọi là đò Đẳng), Đông Duy, Vọng Doanh (đều có công nhỏ), Cầu Cồ (chỗ này có bến đò ngang, phía tả sông giáp núi Dục Thúy tặc gọi là núi Non Nước thuộc tỉnh Ninh Bình, có đường hoả xa mới đắp đi qua đây), Đông Biểu, Ngô Xá (đều có bến đò ngang, phía tả sông là xã Đại Đẳng, Yên Phúc thuộc huyện Yên Khánh), rồi hợp dòng với sông Ba Sát qua ngã ba Độc Bộ mà chảy vào cửa bể Liêu Hải.

Sông Ba Sát : bắt nguồn từ xã Trực Ninh huyện Mỹ Lộc (mới thuộc vào tỉnh Hà Nam, cũng gọi là Ninh Giang) ở thượng lưu chảy qua các huyện Vụ Bản, Bình Lục, Ý Yên tại các xã Thiện Mỹ, Trịnh Xá, Trang Nghiêm. Xã Thiện Mỹ có cái cầu ván 9 gian phía hữu thuộc huyện Vụ Bản. Xã Trịnh Xá có cầu ván 7 gian, phía hữu là xã Quảng Cư thuộc huyện Đại An, tặc gọi là cầu Ông Tào, tương truyền do người Ninh Xá xây dựng lên nên mới gọi như thế. Đông Văn, Đông Quan có cầu ngói 11 gian. Thông đến sông Cầm hợp dòng với sông lớn rồi chảy hết vào sông ở xã Độc Bộ.

Sông Thiên Phái : chia dòng từ sông Châu, chảy qua các xã Dũng Quyết (thuộc huyện Ý Yên), Sở Thương rồi thông vào sông Bát Sát.

Thay đổi

Thành huyện nguyên xưa là Kim Xuyên, đời Lê đổi là Vọng Doanh, đời Nguyễn đổi là Phong Doanh thuộc phủ Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định. Có 7 tổng 54 xã, thôn, trại.

Năm Tự Đức 28 tháp vào tỉnh Ninh Bình. Lại chia hai xã Vị Cự, Sung Lỗ ra đặt thêm hai xã Kinh Hội, Lương Thôn thành ra có 56 xã, thôn, trại, phường. Năm Thành Thái thứ 2 lại thuộc về tỉnh Nam Định.

Số đinh điền theo sổ sách năm Tự Đức 35 các hạng : đinh 1866 người, ruộng 16275 mẫu, thổ 3208 mẫu.

Nay chiếu phát bài chỉ trừ các hạng miễn sai, miễn giao ngoại, còn số chính nạp là 2242 người, trong đó tráng hạng 1954 người. Ruộng 16420 mẫu, thổ 3148 mẫu. Như vậy đinh tăng 300 người, ruộng tăng 145 mẫu, thổ giảm 60 mẫu.

Tổng Thượng Động : có 15 xã, thôn, phường, trại :

Các xã Thượng Động, Đô Quan, Quảng Ước, Thứ Mễ, Hoà Cự, Đồng Văn, Úy Uy. - Các thôn Đồng Cách Thượng, Cao Bò, Sở Trung, Đồng Cách Hạ, Sở Thượng, Đàng Động Thượng, Đàng Động Trung. - Phường Kinh Hội.

Tổng Hưng Xá : có 9 xã, thôn là các xã Hưng Xá, Lộ Xá, Hưng Xá Thượng, Yên Bái, Phú Khê, Hoàng Đan và các thôn Giáp Giá, Phú Nội, Đa Phú.

Tổng Mỹ Dương : có 10 xã, thôn là các xã Mỹ Dương, Quan Thiều, Đông Mạc, Vũ Xuyên, Nội Hoàng, Đông Mạc Giáp Nhị và các thôn Đồng Lợi, Giáp Nhất, thôn Lương, Sung Lư Su.

Tổng Cát Đàng : có 7 xã là Cát Đàng, Ninh Xá, Ninh Cầu, Văn Cú, Lũ Phong, La Xuyên, Đàng Chương.

Tổng Ngô Xá : có 6 xã là Ngô Xá, Đông Biểu, Hoàng Nghị, Cầu Cỏ, An Lộc, Hoàng Lê.

Tổng Võ Xá : có 5 xã là Võ Xá, Trịnh Xá, Từ Liêm, Tống Xá, An Lạc.

Tổng Bông Xuyên : có 5 xã là Bông Xuyên, Phong Xuyên, Quĩ Độ, Vọng Doanh, Đông Duy.

Số bạc các hạng thuế đồng niên toàn hạt 20300 đ. Trong đó sưu 3980 đ, thuế thân 860 đ, thuế điền thổ 15000 đ, thuế chợ 552 đ.

Xã Cầu Cỏ trước là Bô Cô, thời Trần đổi là Bộc Cô, rồi lại đổi là Hiếu Cỏ. Xã Hoàng Nghị trước là Hoàng Miếu, xã Đông Duy trước là Đông Đồi, xã Phong Xuyên trước là Đàng Xuyên, xã Lũ Phong trước là Lũ Đàng, xã Đông Mạc trước là Giản Khê, xã Yên Lạc trước là Cự Lạc, xã Đô Quan trước là Quan Đổ, thôn Đồng Văn trước là Đồng Vượng, xã Úy Uy trước là Khôi Lộ. Đó cũng là tùy thời mà thay đổi vậy.

Nhân vật

Các triều trước có 1 người đậu Đại khoa, 16 người đậu Trung khoa. Bản triều (triều Nguyễn) 1 người đậu Phó Bảng, 17 người đậu Trung khoa.

Ngô Tiêm : xã Cát đàng, Hương cống khoa Nhâm thân đời Lê Cảnh Hưng, Tiến sĩ khoa Kỉ hợi, làm quan đến Đông các đại học sĩ. Gặp loạn Tây Sơn, vua Mậu đế phong ông làm Tổng quản thiên hạ cần vương binh vụ, Hậu giá chinh man đại tướng quân. Đến đời Nguyễn lại bao phong Thanh tiết như thượng, đặc cách thăng Thái Hoà điện Đại học sĩ, Nghĩa Phái hầu,

Đốc đồng Lạng Sơn, kiêm các xứ Tuyên Quang, Hưng Hoá. Tuổi già về hưu, mất ở quê. Hiện còn đủ bi kí. Bài văn bia do ông Hoàng giáp Phạm Văn Nghị người xã Tam Đẳng soạn có câu như sau :

"Ô hô ! Đẳng giáp khoa, tề hiệu hoạn, đại nhân giai khả năng già. Chí nhược phù Côn Lôn, vạn lạc huy. Tần đế nhi trọng liên sĩ, Hán trung nhi tử phòng tiên, thử kì trác trác nhiên già, nhất đại hoạn nhân, vô thiểm hi tái".

(Than ôi ! Đẩu khoa cao, làm quan to, đại nhân đều làm được cả. Còn như phò núi Côn Lôn, kéo lại bóng mặt trời lúc đã xế, nhà Tần được tôn làm đế mà Trọng Liên lấy làm thẹn, nhà Hán lên làm vương mà Tử Phòng đi theo, đây là chỗ cao vút vút hơn người. Làm một người hoàn thiện trong một đời người, đại nhân thật là người không chê vào đâu được).

Cháu huyền tôn của ông là Ngô Tuyền đậu Cử nhân khoa Giáp thân, hiện làm Tri phủ Nho Quan.

Lã Xuân Oai (Lữ Xuân Uy) : xã Thượng Động, là em ruột ông Xuân Minh, Cử nhân khoa Giáp tí triều Nguyễn, Phó bảng khoa át mã, làm quan đến Tuần phủ Lạng Bình. Con là Đồng Hy, cháu là Nhất Trai đều đậu tú tài.

Lưu Viết Quận : xã Thứ Mễ, đậu khoa Thần đồng đời Lê Chính Hoà, sự tích không rõ.

Bùi Ai : xã Đông Duy, ông là cháu đời thứ sáu của Bùi Bó Bá làm quan Doãn dưới triều Lê và là cháu đích tôn của Bùi Triêm (đậu Giám khoa Bính tí, làm quan đến tri huyện). Ông đậu Cử nhân khoa Giáp ngọ đời Minh Mệnh triều Nguyễn, làm Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên. Năm Nhâm tuất Tự Đức 15 đi dẹp giặc Bạch Công Trân, bị chết trận, được ban cho lễ tế và cho thờ trong đền hiên lương. Bùi Văn Huy (Cử nhân khoa Mậu tuất đời Minh Mệnh, làm quan Binh bộ Viên ngoại lang), Bùi Nghi (Tú tài khoa Tân dậu) đều là họ hàng của ông. Con trai ông là Bùi Chân (đậu Tú tài khoa Tân dậu đời Tự Đức) và Bùi Lâm (năm Tự Đức 15 đi đánh giặc bị chết trận, được truy tặng Hàn lâm viện thị độc).

Bùi Mậu Tiên : xã Đông Duy, ông là Bùi Quốc Dĩnh đậu hiệu sinh đời Lê. Bùi Mậu Tiên đậu Cử nhân khoa Kỉ mao đời Gia Long, làm quan đến Hộ đốc Quảng Yên. Con cả là Bùi Tiến Tiên đậu Cử nhân khoa Tân dậu đời Tự Đức, làm quan đến Bố chính Quảng Nam, hiện nghỉ hưu ở quê. Con thứ hai là Bùi Thanh Tiệp, năm Quý dậu có bọn cướp phá làng, Tiệp tự đem dân làng ra chống cự, bị giết chết. Con của Thanh Tiệp là Thu Tiệp cùng chết trận. Triều đình biết tin, thương cho bức biểu đề hai chữ "Trí nghĩa" và đều truy tặng cho sắc bát phẩm bá hộ. Do tổ là Bùi Quốc Dĩnh nằm mơ thấy thần cho chữ "Tiên" để đặt tên cho con cháu cho nên con cháu ông đều dùng chữ "Tiên" để đặt chữ lót

và đều để ở sau tên cả.

Nguyễn Khản : xã Đông Duy, Giám sinh khoa Quý dậu đời Lê Cảnh Hưng, làm Tri phủ Ân Nghĩa, Cung nhật thị nội văn chức đại lí tự khanh. Tổ bốn đời của ông là Nguyễn Nhân Tuấn, do nghề võ xuất thân, dưới triều Lê được phong làm Lễ Dương hầu. Tổ ba đời là Nguyễn Nhân Trí (con Nhân

Tuấn) tập phong tước trí hùng. Tú tài Nguyễn Võ Kham (đậu khoa Bính tí) là cháu bốn đời của ông.

Trần Văn Quýnh : xã Võ Xuyên, Cử nhân khoa Mậu thân đời Tự Đức, làm quan đến Binh bộ lang trung, Bình Phú đạo giám sát, Thanh tra Bắc kì. Hiện hưu dưỡng ở quê. Anh là Trần Thức, em là Trần Tiến đều đậu Cử nhân, em nữa là Trần Nghiêm đậu Tú tài. Họ ông là một họ có danh vọng ở xã Võ Xuyên vậy.

Trần Văn Tiến : là em ruột Trần Văn Quýnh, anh em đậu đồng khoa, Cử nhân khoa Mậu thân đời Tự Đức, làm quan đến Ngự sử. Hiện được hưu tại quê. Con là Trần Tạo đậu Cử nhân khoa Giáp thân hiện làm Tri huyện Kim Động và Trần Tuyên, Trần Cân đều đậu Tú tài.

Lã Xuân Minh : xã Thượng Động, Hương cống đời Lê, làm quan đến Tri phủ Trường Khánh. Các ông Lã Xuân Minh, Lã Xuân Oai, Lã Công Trần đều là dòng dõi ông cả.

Phạm Huy Bằng : xã Thượng Động, cha là Phạm Đức Vọng đậu Cống sinh đời Lê. Ông đậu Cử nhân khoa Đinh mùi triều Nguyễn, làm quan đến Tri phủ, thăng Hàn lâm viện Thị giảng học sĩ, con được tập ấm. (Ông Phạm Đức Vọng làm quan triều Lê đến Thông chương đại phu, Nam Sơn huyện trấn tư doãn, hữu lục sự, Anh Xuyên bá).

Hoàng Văn Doãn : xã Đô Quan, Hương cống đời Lê, thi Hội đậu ba trường, làm quan đến Hồng lô tự khanh.

Cao Đức Vọng : xã Đô Quan, Cử nhân khoa Mậu ngọ đời Tự Đức, làm quan đến Lễ bộ lang trung, lĩnh Đốc học Nam Định (có hai con được tập ấm).

Phạm Doãn Tế : xã Thượng Động, Cử nhân khoa Bính tuất đời Đồng Khánh, hiện theo nhà kinh lược sai phủ.

Phạm Khắc Cẩn : xã Thượng Động, Cử nhân khoa Bính tuất đời Đồng Khánh, hiện theo nhà kinh lược sai phủ.

Mai Xuân Viện : xã Thủ Mễ, Hương cống đời Lê.

Mai Xuân Hồ : xã Thủ Mễ, Hương cống khoa át mảo triều Lê, làm quan đến Giáo thụ phủ Trường Khánh.

Hà Quang Phan : thôn Sở Thương, Cử nhân khoa Kỉ mảo đời Tự Đức, làm quan đến Tri huyện Tiên Lãng. Anh là Hà Quang Hoán đậu Tú tài. Các Tú tài Hà Giản, Hà Hanh đều là dòng dõi ông cả.

Vũ Kiện : xã Đông Biểu, Hương cống khoa Giáp ngọ đời Lê.

Vũ Hy : xã Đông Biểu, Hương cống khoa Kỉ dậu đời Lê.

Nguyễn Đình Bằng : xã Cầu Cỏ, Hương cống đời Lê, làm quan đến Tri huyện Điện Bàn.

Hoàng Bá Dung : xã Cầu Cỏ, Hương cống đời Lê, làm quan đến Tri huyện Kim Tra.

Nguyễn Huy Phú : xã Ngô Xá, Hương cống khoa Mậu tí đời Lê.

Đình Hữu : xã Cát Đằng, Hương cống đời Lê.

Nguyễn Đức Chuân : xã Lê Xá, Giám sinh đời Lê, làm Tri phủ Thăng Hoa, đem quân đi chống cự Tây Sơn bị chết trận.

Nguyễn Lĩnh Thuộc : xã Hưng Xá, Hương công đời Lê.

Phạm Xuân Thực, Phạm Xuân Thành, Phạm Xuân Trị : xã Phong Xuyên, đều đậu Hương công đời Lê.

Các tướng võ :

Lê triều đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Nam quận đô đốc phủ, Tả đô đốc, Bái quận công, thường võ linh ứng. Sắc phong dực bảo trung hưng, linh phù chi thần. Người thôn Khả Tứ xã Võ Xá. Nay hiện còn đền thờ ở xã ấy nhưng không rõ họ tên là gì, còn chờ khảo cứu.

Bùi Doãn : xã Đông Duy, làm quan đời Lê, theo quân tả phủ đánh phá giặc Hồng Đam được phong chức Chỉ huy thêm sự, Doãn Bồ bá.

Nguyễn Tất Khang : xã Ninh Xá, làm quan Phó đô úy đời Lê, thăng Đặc tiến tráng võ, phụ quốc đại tướng quân, Tào Nguyên hầu. Các câu ván ở Ninh Xá ngày nay là do Tào công bắc trước đây đây.

Nguyễn Năng Thiệu : xã Ninh xá, là một vị công thần khai quốc thời Lê, làm chức Đô đốc, phong tước quận công. Hiện có miếu thờ ở xã. Năm Thành Thái 3 được phong sắc "Dực bảo trung hưng linh phù chi thần".

Vũ Đình Tiêm : xã Cầu Cỗ, Tào sĩ đời Lê, làm quan đến Tả hữu đô đốc, phong tặng Thái bảo.

Phạm Văn Tú : xã Phong Xuyên. Thế tổ Cao hoàng đế nhà Nguyễn bị tướng Nguyễn Nhạc bắt được, giam trong thuyền giặc. Chương Trục tự nghĩ y là dân cũ của Thế tổ nên đang đêm tha cho Thế tổ đi. Ông đi theo Thế tổ khắp nơi. Sau làm công thần vọng các, phong tước Ân hầu (Xem ở truyện Long Hưng sự tích).

Phi tần :

Bà Minh thực trinh tĩn thuận hoà Hoàng Thái hậu triều Lê, người xã Hoàng Đan, huý là Ngọc Bạch, nguyên Phi của Lê Thần Tông. Hiện có miếu thờ và bia đá ở xã Hoàng Đan.

Tiết phụ :

Bà Hà Thị Vưu người xã Lộ Xá, năm đầu niên hiệu Thành Thái, vâng chỉ liệt vào hạng thủ tiết được thưởng 6 lạng bạc và một cái bài bạc, nhưng chưa được cấp phát.

Phong tục

Huyện này đất xấu, dân nghèo, cùng các huyện ý Yên, Quỳnh Côi, Phụ Dực ngày xưa gọi là bốn huyện nghèo. Cũng thường gọi là "huyện 7 Xá" vì trong huyện có 7 xã có chữ "Xá" là Hưng Xá, Lộ Xá, Võ Xá, Ngô Xá, Trịnh Xá, Tống xá, Ninh Xá.

Phong tục thì cần kiệm, học trò ham văn học, có tiếng là thật thà hiền hậu. Mặc dù trong huyện cũng có một nơi điêu ngoa, quen thói đàng điếm (như thói điêu tung ở xã Lộ Xá, thói đánh nhau ở xã Cao Bò, thói vu cáo ở xã Hoàng Nghị...)

Một vài nơi dân theo đạo thiên chúa, nhân có việc là tranh giành đánh nhau, thường bị án nặng. Nay nhờ pháp luật nghiêm minh, chính thể thích đáng, tục dân cũng dần dần thuần hậu vậy.

Cổ tích

Điện Hoàng Long : xã Hoàng Đan, thờ bà Hoàng Thái hậu nhà Lê, hiện có bi kí. Bia khắc niên hiệu Chính Hoà đời Lê, có câu : "Mộng thường long cư phúc chi tường, doãn phù hán hậu. Thích bạch trư nạp chi tuế, đan dục thanh hoàng". (Năm mơ thấy điềm rồng xanh cưỡi bụng, ứng hiệu vua Lưu, vừa gặp năm lúa trắng nẹp vàng, sinh ra chúa thánh). Bà tên là Nguyễn Thị Phương Dung công chúa, huý là Ngọc Bạch, châu hầu vua Lê Thần Tông, sinh ra Chân Tông.

Chùa Bình Phong : trên núi Báu Đài, thuộc xã Đông Mạc, còn gọi là chùa Báu Đài. Tượng phật, đài sen, dòng khe, sắc núi chiếm riêng một bầu thế giới. Lại có một cây linh trùng cao hơn 20 thước.

Bên chùa có miếu thờ bà nội thị cung tần nhà Lê họ Mai, hiệu là Ngọc Tiên, sách phong làm Chiêu Dung nguyên phi (Vì chùa ở núi là do bà phi họ Mai sửa sang tu bổ).

Bi kí đề dựng ngày tháng năm Bính dần Chính Hoà 7, trong bia có câu: "Tích đại phụ giáo thủy quê hoà, ngư quân tự hậu cung chi sủng. Thì quĩ phi đạo minh phụ thuận, kê minh tự nội trị chi thành". (Nhớ xưa lời ông dạy hoà thuận trong buồng the, theo thứ tự như râu cá, được yên vì ở chốn hàn cung. Lúc bấy giờ bà làm Quý phi, sáng đạo vợ hiền, gà gáy giúp nên công nội trị).

Đền Ngũ Linh : xã Ngô Xá, thờ Triệu Việt Vương, trấn giữ cửa bể Nha Hải.

Đền thờ thần ở xã Võ Xá : thờ Bái Quận công, có bia khắc trong đó có nói việc cha mẹ quận công được phong truy tặng.

Đền thờ thần ở xã Vọng Đình : thờ vị thần là một trong 12 sứ quân, hễ cầu mưa nắng đều có linh ứng. Miếu lập lên ở bờ sông, tục truyền xưa có cây gỗ lớn dạt vào bờ sông xã ấy. Có bầy cò trắng tụ tập đậu ở đây. Người ở xã ấy rước cây gỗ về, làm đền lên ở chỗ ấy để thờ. Tục gọi là đền Đức.

Hai xã Cát Đằng và Thượng Động đều thờ thần Đình Tiên Hoàng.

Kỹ nghệ

Nghề nấu rượu ở Thượng Động, nghề thợ sơn và dệt vải ở Cát Đằng, dệt lụa ở Ngô Xá, đúc gang ở Tống Xá.

Xã La Xuyên có nghề thợ mộc, xã Phong Xuyên có nghề làm lưới, xã Đằng Chương có nghề con hát. Ngoài ra đều lo cày bừa buôn bán làm ăn sinh sống.

Thổ sản

Ruộng hai vụ hè thu, chuyên trồng các loài ngũ cốc. Trong nhà nuôi lợn, gà, vịt, ngỗng, trâu, bò, dê chứ không có vật sản gì khác lạ.

Huyện Ý Yên

Thành trì

Huyện lỵ nguyên trước ở xã Lạc Chính, năm Tự Đức 33 Tuần phủ Ninh Bình họ Phan tâu xin cho hai huyện ý Yên, Phong Doanh được dời đến một chỗ gần nhau để phòng khi có việc. Do đó mà huyện ý Yên dời đến xã

Vạn Điểm, huyện Phong Doanh dời đến xã Tổng Xá. Năm Đồng Khánh 3 lại bắt dời về chỗ cũ nên huyện ý Yên lại dời về xã Lạc Chính. Xây đắp lị sở dài 19 trượng, rộng 11 trượng, cao 3 trượng, đi về phía đông chừng ba giờ thì đến huyện Vụ Bản, đi về phía tây chừng ba giờ thì đến huyện Phong Doanh. Phía nam giáp xã Tổng Xá huyện Phong Doanh, phía bắc giáp địa phận huyện Từ Liêm.

Thành xưa là thành Cổ Lộng ở xã Bình Cách, tương truyền thành này do tướng nhà Minh là Mộc Thạch xây lên hồi cuối Trần. Thành rộng chừng 100 mẫu, đắp bằng đất. Khi Lê Thái Tổ khởi nghĩa ở Lam Sơn, dùng kế "thất miệng đáy" để đưng nước (đã chép ở mục cổ tích) quét một loạt hết nhãn thành này để làm chỗ trồng khoai rau. Đến nay vết cũ vẫn còn.

Núi sông

Núi Báu Đài : giáp địa phận xã Phú Nhi thuộc hạt Phong Doanh. Núi có 3 đỉnh, cao 30 trượng, rộng 20 trượng 3 thước, dài hơn 100 trượng. Núi này là núi cao nhất trong hạt.

Núi Mai : ở địa phận hai xã Mai Sơn và Mai Độ, cao hơn 17 trượng, rộng 24 trượng 6 thước, dài 176 trượng 5 tấc. Chân núi có hai cái lăng của hai bà Nguyễn phi đời Trần Nhân Tông.

Núi An Hoà : ở địa phận xã An Hoà, cao 8 trượng, rộng 13 trượng, dài 102 trượng. Trên núi có đền thờ Quan Thánh.

Núi Ngô Xá : ở địa phận xã Ngô Xá, cao 11 trượng, chu vi 135 trượng.

Núi Độc Tôn : ở địa phận xã Thanh Nê, cao 2 trượng, chu vi 235 trượng.

Núi Mực : ở địa phận xã Mặc Tử, núi nổi lên hai đỉnh, cao hơn 3 trượng, rộng 9 trượng, dài 26 trượng. Núi có hình thù như con cá nên mới đặt tên như thế.

Núi Bô : ở địa phận xã Phú Khê, cao 12 trượng, chu vi chân núi 179 trượng.

Sông Thiên Phái : Sông này giáp sông lớn Gia Viễn, bắt nguồn từ phía tây núi Dũng Quyết, chảy quanh co sang phía đông, qua phủ lị, đến xã Lật Điền dài 3077 trượng, sâu 6 thước, rộng 12 trượng. Khi đến xã Lật Điền thì chia ra hai dòng, gọi là sông Ba Sát. Phía bắc thông đến Bình Lục, phía nam chảy vào bến Vĩnh Trị.

Cổng một cái ở sông Thiên Giang, dài 1 trượng 5 thước, phía trong sâu hơn 7 thước.

Cầu gỗ 2 cái : Một cái ở trước phủ lị dài 2 trượng 8 thước 2 tấc, rộng 7 thước 5 tấc. Một cái ở xã Phùng Xá dài 2 trượng, rộng 6 thước.

Cầu tre một cái ở xã Lật Điền dài hơn 2 trượng.

Thay đổi

Huyện Ý Yên nguyên trước thuộc tỉnh Nam Định. Năm Tự Đức 28 tháp vào tỉnh Ninh Bình. Năm Thành Thái 2 lại thuộc phủ Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định.

Có 6 tổng 36 xã, thôn. Trong đó xã Yên Liêm trước thuộc huyện Phong Doanh, năm Đồng Khánh 3 mới tách vào huyện ý Yên.

Số đinh 1797 người, ruộng đất 17315 mẫu.

Bạc thuế thân đồng niên 787,08 đ. Bạc công sru 3594 đ. Bạc thuế ruộng đất 12251 đ.

Tổng Phụng Xá : có 6 xã là Phụng Xá, Vạn Điểm, Xuất Cốc, Dưỡng Chính, Tu Cổ, Yên Liêm.

Tổng Yên Cừ : có 6 xã là Yên Cừ, Yên Hoà, Thanh Nê, Yên Tố, Phương Nhi, Ngô Xá.

Tổng Lạc Chính : có 6 xã là Lạc Chính, Thiêm Lộc, Mai Độ, Mai Sơn, Nguyệt Lạng, Lật Điền.

Tổng Tử Mặc : Có 5 xã là Tử Mặc, Yên Nhân, Tiêu Bảng, Truyệt Cầu, Văn Xá.

Tổng Bình Lương : có 3 xã 2 thôn là xã Bình Lương, Thọ Cách, Kinh Thanh và thôn Thượng (xã Bình Cách), thôn Hạ (xã Bình Cách).

Tổng Phú Khê : có 5 xã 3 thôn là các xã Phú Khê, Quang Điểm, Vô Vọng, Dũng Quyết, Lữ Đô và các thôn Cổ Phương, Trầm Phương, Mỹ Lộc.

Nhân vật

Các triều trước có 4 người đậu Đại khoa.

Đình Trung Thuần : xã Phụng Xá, Hoàng giáp khoa Đinh mùi đời Lê Hồng Đức, làm quan đến Thượng thư.

Nguyễn Tử Đô : xã Tử Mặc, Hoàng giáp khoa Kì mùi đời Lê Hồng Đức, làm quan đến Thị lang.

Đỗ Hựu : xã Yên Cừ, Tiến sĩ khoa Mậu tuất đời Lê Hồng Đức, phụng mệnh đi sứ Trung Quốc.

Phạm Huyền (Phạm Trọng Huyền) : xã Dũng Quyết, Tiến sĩ khoa Mậu tuất đời Lê Cảnh Hưng, làm quan đến Hộ bộ Tả thị lang.

Các triều trước đậu Trung khoa có :

Đình Đăng Khôi : xã Yên Cừ, Hương cống khoa Kỉ dậu đời Lê Hồng Đức.

Nguyễn Đình Dự : xã Yên Cừ, Hương cống khoa Bính ngọ đời Lê Hồng Đức.

Đình Như Lan : xã Yên Cừ, Hương cống khoa Bính tí đời Lê Cảnh Hưng.

Ngô Khắc Cẩn : xã Lật Điền, Hương cống khoa Nhâm ngọ đời Lê Cảnh Hưng.

Lê Bá Cầm : xã Tiêu Bảng, Hương cống khoa Nhâm ngọ đời Lê Cảnh Hưng.

Đình Vũ Thường : xã Yên Tố, Hương cống khoa Quý mao đời Lê Cảnh Hưng.

Bản triều (Nguyễn) đậu Trung khoa 12 người :

Phạm Nhân Trinh (Phạm Quốc Trinh) : xã Yên Hoà, Cử nhân khoa át dậu đời Minh Mệnh.

Hoàng Kim Chung : xã Phú Khê, Cử nhân khoa át mảo đời Tự Đức. Làm quan đến Đốc học Hải Dương. Ông là người có văn chương đức hạnh, được đời tôn trọng, dạy bảo học trò thành đạt nhiều. Tam nguyên Nguyễn Khuyến ở Bình Lục là học trò ông.

Nguyễn Ban : xã Phú Khê, Cử nhân khoa Mậu ngọ đời Tự Đức, làm quan đến án sát Bắc Ninh.

Đinh Vũ Hạp : xã Yên Tố, Cử nhân khoa Canh ngọ đời Tự Đức.

Hoàng Văn Tuấn : xã Phú Khê, Thủ khoa Cử nhân khoa Bính tí đời Tự Đức, làm Tri huyện Nam Xương.

Đỗ Văn Thố : xã Lạc Chính, Cử nhân khoa Bính tí đời Tự Đức, nguyên án sát Thái Nguyên.

Nguyễn Duy Tân : xã Dung Quyết, Cử nhân khoa Bính tí đời Tự Đức, làm Tri huyện Gia Lộc.

Hoàng Cẩn : xã Phú Khê, Cử nhân khoa Bính tí đời Tự Đức, làm quan đến Tri huyện Yên Phong.

Hà Trọng Thạc : xã Nguyệt Lãng, Cử nhân khoa Kỉ mảo đời Tự Đức, làm quan đến Giáo thụ phủ Tiên Hưng.

Ngô Hanh Giảng : xã Lật Điền, Cử nhân khoa Kỉ mảo đời Tự Đức, làm quan đến Huân đạo Văn Giang.

Hà Trọng Phả : xã Nguyệt Lãng, Cử nhân khoa Giáp thân đời Kiến Phúc, làm quan đến Huân đạo Kim Sơn.

Phạm San : xã Dũng Quyết, Cử nhân khoa Giáp thân đời Tự Đức, làm quan đến Huân đạo ở huyện nhà.

Triều trước có một viên tướng võ :

Trần Trí Dũng : xã Thiêm Lộc, làm quan đời Lê đến Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân, Đãng quân công. Sau khi mất được truy tặng Bảo quốc phù vận đại vương. Có bài thơ ngụ chế như sau :

*"Sinh vi lương tướng, tử vi thần
Mạo tuyết xung sương nghĩa báo quân
Ly hiểm đạo thang tái bạt chung
Gia bàn thủ thác lực siêu quần
Anh uy khí khái triều vô địch
Hoàng nghị tinh trung quốc hữu nhân
Trụ thạch van thiên danh tại sử
Nguy nga điện vũ sắc sinh xuân".*

Tạm dịch nghĩa là :

*Sống làm tướng giỏi, chết làm thần
Mạo tuyết xông sương lấy nghĩa để trả ơn vua
Đi trên chỗ nguy hiểm, dẫm vào nước sôi có tài hơn người
Giải quyết tháo gỡ những việc khó khăn có sức hơn người
Khí khái sáng suốt mạnh dạn trong triều không ai bằng
Lòng trung thành rộng rãi quả quyết nước có người
Cột đá trời Nam tên còn để lại trong sử sách
Đền miếu lộng lẫy có cảnh sắc tươi sáng như mùa xuân.*

Triều Nguyễn đậu Phó bảng võ có 1 người :

Nguyễn Khiển : xã Lạc Chính, Phó bảng võ khoa Đinh sửu đời Tự Đức, lĩnh chức Quản cơ Nam Định, bị chết trận năm Quý mùi, có một người cháu được tập ấm.

Phong tục

Các xã Phú Khê, Dũng Quyết, Nguyệt Lãng, Lật Điền, An Tổ, Văn Xá học trò ham văn chương. Các xã Trầm Phương, Tử Mặc, Phương Nhi, Mai Độ, An Hoà ham chuộng sự kiệm ước. Ngoài ra đều hiền lành, quê mùa, thật thà, chăm chỉ làm ăn.

Các lễ : quan, hôn, táng, tế đều theo tục giản dị, thanh đạm. Mỗi năm chỉ có một vụ lúa, vì đất trũng, đến mùa thu, mùa hạ là nước lên ngập đồng, phải đi lại bằng thuyền. Huyện ý Yên là một trong bốn huyện nghèo đói bản cùng. Nếu nhân dân huyện này biết chăm chỉ nghiệp cày bừa, không ham cờ bạc, kiện tụng thì sau mười năm sinh tụ, cũng không thua kém gì các huyện khác.

Cổ tích

Xã Mai Sơn Hạ có hai ngôi lăng của hai bà nguyên phi Lê, Trinh thời Trần Thánh Tông.

Xã Dưỡng Chính có ngôi chùa 46 gian làm từ thời Trần, bên tả thờ thần, bên hữu thờ phật, ở bên đường Thượng ốc hiện còn bốn chữ "Vĩnh Thịnh nguyên niên".

Thành Bô Cô : còn gọi là thành Cổ Lộng, tục truyền xưa quân Minh đóng ở thành Cổ Lộng, mỗi người có một cái túi vải để tối ngủ thì chui vào. Bấy giờ những người phụ nữ ở xã Tuyết Cầu bán hàng ở bên ngoài thành, thường qua lại làm quen với bọn chúng. Bọn giặc thường nhờ họ thất miệng túi lại khi chúng đi ngủ, khi thức dậy cứ tung miệng túi mà ra. Các người phụ nữ mưu với các tướng nhà Lê núp ở bên ngoài, đến đêm khi thất miệng túi lại thì ập vào tập kích. Bọn giặc ở trong túi không kịp trở tay nên bị giết hết. Những người phụ nữ có công được ban thưởng ruộng đất, khi mất lại được truy phong là "Trung trinh kiến quốc tôn thần".

Tiền sĩ họ Phạm người xã Dũng Quyết triều Lê và Hoàng giáp họ Phạm xã Tam Quang triều Nguyễn đi qua nơi thành Bô Cô cũ, mỗi ông đều làm một bài thơ hoài cổ. Bài của ông Tiền sĩ triều Lê như sau :

*"Tệ bích đời viên tứ bách thu
Man đặng qua đậu phóng xuân du
Bích ba di tẩy Trần vương hận
Thanh thảo nan già Mộc Thạnh tu
Hoàng độc vũ dư lê cổ kiếm
Hàn cảm nguyệt hạ tán tàn lâu
Biên phương hà sự tân khai thác
Nghieu Thuấn đương niên chỉ cửu châu".*

Tạm dịch nghĩa là :

*Tường xiêu vách nát đã hơn bốn trăm năm
Bầu, đậu và các thứ dây leo tràn theo tiết mùa xuân*

*Sóng biếc dễ rửa nổi giận của vua nhà Trần
Cỏ xanh khó che được vết xấu của Mộc Thạnh
Sau trận mưa rồi trâu cày hát thanh kiếm lên cỏ
ở dưới trăng con chim rét đậu réo trên cái lều nát
ở biên phương việc gì cứ lo chuyện đi khai thác
Ngày xưa vua Nghiêu vua Thuấn chỉ có chín châu.*

Bài thơ của ông Hoàng giáp họ Phạm triều Nguyễn như sau :

*"Văn đạo Kinh Thanh khởi chiến trường
Hà nhân thiện dụng trí mưu năng
Đất dư cỏ luy khi đông tuyết
Giang thặng hàn ba điệu tịch dương
Nan khơi cổ nhân đàm thặng phụ
Kỷ tồn cổ lão vấn hưng vong
Bộ du đảo thử kim thủy hưng
Tây linh y y thụ sắc thương".*

Tạm dịch nghĩa là :

*Nghe nói ở Kinh Thanh nổi chiến trường dậy
Người nào khéo dùng cái túi mưu trí
Đất còn luy cũ để rây tuyết mùa đông lúc đầy
Sông còn dư sóng rét để điệu bóng mặt trời chiếu
Khéo kêu người xưa dậy để bàn việc hơn thua
Chả còn bao nhiêu người già cả để hỏi chuyện hưng vong
Nay đi bộ đến chơi đây ai là người có cảm hứng
Non tây còn sờ sờ lại đỏ màu cây xanh.*

Kỹ nghệ

Không có gì khéo lạ nữa.

Thổ sản

Không có vật gì khác lạ.

Phụ lục : **Dịch nghĩa một số bài văn bia ở phủ Nghĩa Hưng**

Bài văn bia ở đình Quĩ Nhất

Tôi vâng mệnh đi kinh lí ruộng, khi thuyền đi qua cửa Liêu, các ông kỳ hào chức dịch ở trại Quĩ Nhất tại phía nam cửa Liêu, đến chào tôi và xin rằng:

"Chúng tôi là nhân dân ở xã Quĩ Đê cũ, tổng Diên Hưng Hạ, huyện Trực Ninh. Các ông Trần Ngọc Xuân, Trần Ngọc Tụ, con trai ông có bát phẩm họ Trần, người xã chúng tôi. Khoảng năm Tự Đức thứ 2 làm đơn xin trưng hạng cát mới bồi mà chưa bồi hẳn và những bãi cát đã nổi hẳn lên, lập làm trại riêng. Nhờ lại đức độ vào kinh bẩm xét.

Được ơn trên chuẩn y cho nhưng phải lệ thuộc vào tổng Diên Hưng Hạ. Từ đó cát bồi càng ngày càng rộng, ở về phía nam trại, đô đệ của tỉnh trung lập lên trại Sĩ Lâm.

Năm Tự Đức thứ 11 ông chủ của trại Sĩ Lâm (tức là Hoàng giáp Tam Quang Phạm Văn Nghi) đem một dải dọc bờ bể cho lệ thuộc vào 2 huyện 4 tổng đều chia ra khu vực riêng khác nhau, mưu tính hợp lại làm một, dặn người trại trưởng của chúng tôi là Trần Ngọc Quang cùng với phường, trại, xã, áp làm đơn xin biệt làm tổng Sĩ Lâm, lệ thuộc vào huyện Đại An, nhờ tỉnh chuyển tấu lên cho, đội ơn trên chuẩn y cho.

Đồng tổng cho Trần Ngọc Quang là người có công mới bảo cử làm chánh tổng. Trải qua 6 năm đến nay, nhân dân trong trại đều được yên ổn. Nay muốn khắc những công việc vào đá để được lâu đời, xin ông viết cho bài văn bia".

Tôi nghĩ rằng công việc này đáng nên ghi chép để lại, thì cứ theo sự thật mà chép, như thế cũng là đúng thôi. Người ta có công nghiệp đáng truyền lại thì cứ theo đấy mà truyền lại cho người ta. Như thế không thể bảo là hùa theo được.

Tôi nghe nói rằng : Cửa Liêu chảy tràn, ngày xưa thông với cửa Nhạc. Khoảng năm Minh Mệnh, Trần Ngọc Chấn người xã Quĩ Đê xin bỏ tiền ra đắp ngăn lại để chặn thể nước. Công việc làm xong, nước sông mới chảy thuận dòng. Được vua Minh Mệnh ban thưởng cho phẩm hàm và ruộng làm của riêng đời đời. Đến khi dòng sông chảy xuống, đất cát bồi lên. Con đầu là Trần Ngọc Xuân lại biết chiêu dân lập trại. Cháu đích tôn là Trần Ngọc Quang mộ thêm dân lập thành riêng một tổng. Cha con, ông cháu trải hơn 40 năm, ngăn nước mặn, đào giếng ngọt, vớt hàu hén, cắt cói lác, làm cho đồng chua nước mặn trở thành khu vực màu mỡ, không tiếc công lao tiền của, thật là khó nhọc lắm thay.

Nhân dân trong trại nhớ đến ơn xưa, muốn lưu truyền công việc ấy lâu dài về sau, đây là có trước có sau. Cho nên tôi vui vẻ mà làm thay bài văn bia này.

Đệ tam giáp Tiến sĩ họ Đỗ viết bài văn bia này hôm dừng thuyền ở bến Liêu Hải.

Bài kí ở bia Cảnh Hàn

Ông cố bát phẩm Trần Ngọc Chấn người xã Quĩ Đê huyện Trục Ninh là một người giàu có và hào hiệp ở tỉnh ta vậy.

Cửa Liêu tán ở tỉnh hạt ta là con đường chuyên chở từ bể vào sông đây. Nguyên xưa có hai điều, chia dòng nam đông, ngày dần khô cạn, chở thuyền không tiện.

Khoảng năm Minh Mệnh, viên cố bát phẩm Trần Ngọc Chấn bẩm xin quan tỉnh cho xuất tiền ra lập điều phía nam, chỉ để một điều phía đông, để cho nước trút vào một dòng.

Trải hai năm mới xong, đường sông mới thông, tốn phí kể hết hàng vạn.

Quan Tổng đốc họ Phạm trước đây đem công việc tâu lên, được đội ơn trên ban cho chức hàm bát phẩm, khăn đỏ, quạt lụa và 3000 quan tiền, viên cố bát phẩm từ chối tiền, chỉ xin nhận sắc hàm.

Lại đội ơn cho lấy 100 mẫu đất ở làm của riêng. Rồi lại khẩn thêm 200 mẫu cát bồi ở xã Quần Liêu thuộc huyện Đại An.

Con trưởng của ông là cố lí trưởng Trần Ngọc Xuân ở xứ ấy ra, lại trưng thêm những cát mới bồi chưa thành và đem những ruộng tiết thứ đã khẩn được, nhóm lại lập ra trại Quĩ Nhất, mộ dân đến cày, làm nhà ở để thực hiện cái chí của cha thưở trước.

Ôi ! Viên cố bát phẩm họ Trần chẳng qua chỉ là một dân cày mà thôi, thế mà bỏ của nhà ra, lập đường sông, thông đường bể, mở đất ruộng, thêm thuế khoá cho nhà nước, gây cơ nghiệp cho dân nghèo, tiếng truyền khắp châu quận. Nếu không phải là người giàu có hào hiệp thì làm gì được như thế.

Do đó mà được đội ơn nhà nước, được rộng cơ nghiệp, được để phúc cho con cháu về sau, như thế thì ai giám nói là không xứng đáng.

Cháu đích tôn là Trần Ngọc Quang sau đổi thuộc về huyện Đại An, làm Chánh tổng tổng Sĩ Lâm. Sau khi nghỉ việc, dựng nhà thờ lên chỗ đất ấy, đên tôi để xin văn bia.

Tôi ngày thường đã được nghe tiếng viên cố bát phẩm họ Trần ấy, đã sẵn có lòng kính trọng. Nay xin làm bài minh như sau :

Bể Đông giúp thuận
Nước mặn thành ruộng
Người ấy việc ấy
Đòi đòi đáng truyền.

Đệ nhị giáp Tiến sĩ Phạm đại nhân soạn

Bài văn bia ở miếu hai ông đậu Đại khoa ở xã Hưng Thịnh

Khi sống thì làm danh thần, khi chết thì làm phúc thần mà lại có miếu thờ ở ấp mình. Được như thế xưa nay cũng ít người vậy. Hai ông đậu Đại khoa ở xã Hưng Thịnh chúng ta, thật là mấy đời mới thấy một người như vậy.

Năm Hồng Đức thứ 18 ông Phạm Nguyễn Bảo đậu Hoàng giáp khoa Đinh mùi, bổ quan võ, làm Nội thị, thăng Trấn thủ Nghệ An. Lúc mất tặng Thiếu úy, cho tên thụy là Võ Thành hầu, táng ở xứ Đồng Tân địa phận xã ấy. Anh em cùng nhau nối tiếp trước sau, trọn vẹn tiếng tốt ở đương thời, đều được phong làm phúc thần, sai dân thờ tự.

Những đất ruộng, ao, vườn do các ông để lại, xã ấy đặt làm lợi chung.

Lúc đầu dựng lên hai miếu, đến năm Giáp dần Tự Đức 7 xã ấy lấy hoa lợi đất vườn và tiền vọng hơn 3000 quan dựng lên miếu mới. Đến năm ất mão Tự Đức thứ 8 mới hợp tự lại.

Còn mộ tổ ở địa phận xã Giao Cùthuộc bản phủ, người làng cũng dựng mộ chí. Người xưa nói "không hủ" chính là như thế đấy.

Lại khoảng năm Vĩnh Khánh triều Lê, quan phụng sai đắp đê dựng miếu thủy thần. Khi đê đắp xong được phong làm Thượng đẳng thủy thần. Khoảng năm Minh Mệnh triều Nguyễn mới làm lại nhà chính điện và nhà chái. Nhà cửa lâu đài đều làm gỗ lim lợp ngói, xung quanh xây tường gạch, qui chế đều theo kiểu mới. Cùng với miếu hai ông Đại khoa mà làm hai vậy.

Ôi ! Sự tích thiêng liêng của thủy thần là đáng tin, mà sự nghiệp chói lọi của hai ông Đại khoa cũng đáng nêu rõ. Phương chi lại đồng họ, đồng khoa, đồng làm quan một triều thì dựng miếu lên mà thờ cùng với miếu thủy thần, cùng lâu dài muôn thuở, thật là phải lắm vậy.

Tám bia cầu đá xã Hưng Thịnh

Từ năm Thuận Thiên cho đến nay, một xã gồm có 4 xóm, ngoài xóm có sông nhỏ, sông nhỏ với sông lớn hợp phái.

ở phía đông và tây đều có bắc một giá cầu bằng gỗ, nhưng nước lên xuống xói dội và mưa nắng ăn khoét, hàng năm cứ phải tu bổ, khó nhọc và tốn phí rất nhiều.

Năm Giáp dần nhân dân bản xã chiếu thu tiền thổ trạch, mỗi phần tiền ba quan, thóc 40 đấu. Mùa đông năm ấy, thu tiền để sửa lợp đền miếu của hai ông đại khoa, còn thừa thì giao cho bốn xóm nhận giữ sinh lợi.

Đến mùa thu năm Quý Hợi, bản xã lại sửa sang lại ngôi đền của vị thần thượng đẳng. Bản xã đem bán thóc để mua sắm vật liệu. Làm xong, thóc còn lại bao nhiêu thì các viên suất đội Nguyễn Văn Đạo, hiệp quản Nguyễn Viên Quang cùng bản xã bàn rằng : "Số thóc còn lại cốt yếu là để thờ thần, dư lợi bao nhiêu thì đem làm cầu bằng đá, nhưng chỉ mới làm thô sơ mà chưa toàn vẹn được, đây là do trời".

Mùa xuân năm Ất Sửu, quản đốc chánh cử phẩm bá hộ, kiêm thủ chi Nguyễn Văn Lãng cùng với bọn đốc công Nguyễn Văn Nghĩa, Nguyễn Hữu Hưng gọi thợ đến làm khoán. Một mặt sửa sang lại khúc sông. Đến trung tuần tháng mạnh mùa hạ thì xong. Có hai ba ông kì lão đến thuyền tôi xin làm cho bài văn bia.

Tôi nghĩ rằng làm cầu đường giúp người qua lại là việc tốt. Như cầu vòng bắc qua mặt trăng, như rồng xanh nằm giữa sóng qua lại thuận tiện, người vật đều yên lành, thật là việc có ích lợi cho muôn đời. Vậy xin ghi lại việc này để truyền mãi mãi đời sau.

Bài văn bia ở đền Độc Bộ

Vì chung các vị đế vương có công nghiệp hơn đời, thì ắt được hưởng sự tế tự lâu dài của nhà nước.

Nay xem nước Nam ta, từ khi dựng nước cho đến nay, trên từ đời Kinh Dương Vương, dưới đến các đời Đinh, Lê, Lí, Trần, các bậc vua hiền chúa thánh đến với nhân dân, thường đã tùy theo từng nơi mà dựng đền lên thờ, đắp tượng vẽ hình để dâng hương lửa. Hầu đã có hàng trăm sở, xem trong lễ thờ tự của nhà nước đã rành rành ra đó.

Nay xét ở gần cửa Nha Hải thuộc huyện Đại An, trước có đền thờ thần "Khâm thiên minh đạo khai cơ thần vũ, Thuần đức trữ thuận, Chí nhân trang hiển, Hoàng nghị quảng hoá, Quang tế thông triết, Chiêu đức hoàng hữu, Chương dụ ân hựu, Quang ứng bảo đại uy mẫu phụ kì hoàng đế " ở đây. Vị thần này đức sớm thông minh, tài gồm văn võ, tư hiệp được điềm móng rồng, nhưc mạnh đội quân bờ phượng. Phương bắc thì diệt được quân nhà Lương, phương nam thì mở được nền nước Việt. Công nghiệp vòi vọi trùm cả trăm vương, uy đức thênh thang sáng chói muôn thuở.

Gần đây hoàng thái thúc (tức chú vua) Khiêm Thái vương có việc ở tỉnh Thanh Hoá, đặc cách sai quan Tham tướng Tuy quận công họ Tạ đến cầu cúng ở dưới đền. Do đó mà hễ quân nhà vương đi đến đâu là giặc tan đến đấy. Tuy là nhờ oai đức của nhà vua, nhưng do lòng thành cảm động đến thần nên mới có sự ủng hộ của thần mà được như thế đấy.

Năm Đinh mùi Tuy quận công đến trấn đất này, thấy miếu cũ đã hư hỏng lại gần sông, mới chọn ngày tốt dời đến chỗ bằng phẳng, tự xuất của riêng ra thuê thợ sửa lại 12 gian hình chữ công và đắp tượng thánh và chế các thứ cờ xí v.v...

Chọn ngày 6 tháng 6 năm Mậu ngọ khởi công việc lớn. Đến ngày 21 tháng này thì hoàn thành, sang ngày 22 sắm sửa cờ quạt, kính rước thần về nơi đền mới. Do đó mà thoả được linh hồn thiêng liêng ở trên trời vậy.

Than ôi ! Quý thần không thường hưởng, chỉ hưởng nơi có lòng thành mà thôi. Lòng thành ư, đấy là căn bản của sự thờ thần vậy.

Khiêm thái vương đã tinh ý cầu thần ở trước, đây là một lòng thành, mà được thần linh thâm giúp. Tuy quận công đã vâng mệnh sửa sang lại sau, đây lại là một lòng thành nữa mà thần linh lại thâm giúp cho.

Thế thì người ta thờ thần đã hết lòng thành, thần ban phúc cho người cũng theo cảm mặc riêng. Như thế thì nghìn muôn ức năm, mùa xuân mùa thu cầu cúng ban phúc, mãi mãi không bao giờ dừng, cùng với giàu sang, sống lâu, hưởng phúc lộc, người ta được hưởng thụ cũng mãi mãi không bao giờ hết.

Cái công đức ấy nên khắc vào bia đá để lưu truyền lại đời sau. Vậy có bài minh như sau :

Trời sinh thánh tiết
Đức sâu thông minh
Đóng quân bờ phượng
Nhức lớn uy danh
Móng rồng dăng khói
Điềm ứng trước trình
Nam mở cõi Việt
Bắc diệt quân Lương
Vòi vọi công liệt
Chói lợi hân thanh
Trên phò vua chúa
Dưới giúp dân lành
Nay xem miếu cũ
Chưa được hoàn thành
Thần dịch vâng mệnh
Công thâm độc trình
Sửa lại miếu vụ
Chẳng mấy ngày xong
Đắp hình vẽ tượng
Giường cột tô son
Miếu đèn mới mẻ
Muôn đời thiêng liêng.

Ngày tốt tháng trọng xuân năm Quang Bảo thứ 2.

Người làm bài văn bia này là quan Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Lễ bộ Tả thị lang đã về hưu, Tô Xuyên bá, Trụ quốc Đào Lượng Võ bang Kiệt, hiệu là Thức Khả soạn.

Bài văn bia nói về việc cất dựng ngôi chùa Báo Ân ở Phúc Lâm

Kinh nghe : ở phương tây có họ Cư Đàm từ đời thượng cổ đã có rồi.

Duy năm Hán Minh đế thứ 2, nhà vua mơ thấy có một người bằng vàng bay đến trước sân điện. Vua mới hỏi, các bầy tôi là Phó Nghị tâu rằng : "Chúng tôi nghe ở bên nước Tây Vực có người tu hành đắc đạo tên là "Phật".

Bấy giờ vua mới sai bày tôi là bọn Vương Tuân đi qua nước Tây Vực gặp ông Ma Đằng trúc lan thư, Thích già phật, Bạch mã đà lai với quyển kinh 42 chương đến lan đài. Do đó mà đạo sa môn truyền vào Trung Quốc. Bắt đầu mới có Tam bảo rồi đạo Phật mới thịnh dần.

Phương chi ở phúc địa, huyện Đại An nước Nam Việt, từ đời trung cổ cũng đã có rồi. Từ lúc nhà sư Sào triều Nghiêm Tuấn, xem chỗ danh hương ở Tam đời, thấy cảnh đẹp ở Phúc Lâm nhưng quy mô còn chưa được rộng lắm.

Đến năm nay mới sửa sang cất dựng lại với công trình lớn, mới mở biển ngạch. Tuy những danh lam cổ tích khác cũng không bằng được chùa Phúc Lâm vậy.

Cửa bể Nha Hải giáp với phía nam, mùa xuân thì xét các đồ công hiến, mùa thu thì xét các việc chài lưới. Chùa núi Gôi đứng sừng ở phía bắc, buổi sáng thì nghe kinh, buổi chiều thì nghe chuông. Phía sau thì có Hoàng Hà, Bích Đào lên trời. Phía trước thì có Hoàng vân Thuý sơn che đất. Xe ngựa của các khách quý qua lại ở cửa trước, bóng sáng của thỏ cung trăng soi dãi ở khe hai bên, một trường mát mẻ, bốn mặt lặng im, thật là chỗ cửa thiên đệ nhất vậy.

Phương chi nay thiên tử lại đời đô về thành cũ, trung hưng thứ nhất. Trăm việc hư nát đều sửa sang lại, muôn cảnh tối tăm đều sáng tỏ trước.

Lúc bấy giờ là á quốc phu nhân họ Sào ở phủ Minh Khang Thái Vương, được vương ban cho pháp hiệu là Chân Trì, là bậc thánh ở trong giới Phật. Mắt thấy đất phúc, mở lòng trời lành. Bỏ vàng ra làm chùa chiền, mở mang các nơi danh lam.

Nên ngày tháng năm Giáp ngọ, thợ thuyền họp lại như mây, vật liệu chứa chất thành núi, rìu búa chặt đẽo, mà hoá thành cung tiên, sơn vẽ huy hoàng mà trở nên miếu quý. Lại có lầu đài trùng điệp như cá kình lướt sóng nghìn tầm, điện vũ trước sau, như sư tử vồ lên các toạ. Có thể cho là nơi thích già thiên định, có thể nói là chỗ phật tổ truyền kinh, là nơi di lạc giáng thế, là nhà quan âm hiện hình.

Cũng có thể gọi là nơi thế giới tiên vàng, đây là nơi cuộc đại hạnh thắng hội trong áp Đại An mà xưa nay đều công nhận như thế cả.

Trên biển đề rằng : "Chùa Báo Ân Phúc Lâm" để biểu rõ sự viên mãn chứng đạo của thuyền sư, để nên phúc đời vô cùng cho chủ hội, vừa để làm danh lam cho nơi áp quý để truyền sự hưng thịnh cho "tam đời" vậy.

Thế thì sự sửa sang lại chùa này khắc vào bia ghi cho tốt đẹp và các phúc âm công, cái lời mộc mạc, há dễ bỏ qua được ư. Cho nên viết ra bài minh để truyền lại lâu dài. Bài minh như sau :

Độc đáo thay đức Phật

Từ tôn bỏ nhà

Đầu chuyển bánh xe pháp

Sáu độ muôn nét

Bốn đời ba thân

Tuyên dương ơn phúc

Lợi ích trời người

Ba cỏ mưa móc
Hai cây gặp xuân
Nghìn phép hơn đời
Muôn dẫu về chân
Chỉ nay người thiện sĩ
Họ nhà đức Phật
Từ tôn bỏ nhà
Đi tìm chân lí
Kính thay Phật tổ
Thiên tông trông ngóng
Mọi người kính sợ
Khắp trên đời nơi thánh
Đất danh thắng Đại An
Có đặt Phúc Lâm
Qui mô rộng rón
Linh ứng xưa nay
Hồ Sào đã đến
Dựng chùa vàng này
Mái tường tốt đẹp
Rường đồng lớn cao
Cửa theo người cúng
Đức được người tôn
Làm lành được phúc
Lẽ rất rõ ràng
Phúc nhà lâu dài
Phúc đời rộng sâu
Công ấy đức ấy
Muôn thưở còn ghi.

Văn bia ở miếu xã Phạm Xá

Mùa thu năm Mậu tuất đời Minh Mệnh, tôi đã về hưu trí.

Lúc bấy giờ có các ông hương lão và tất cả đồng nhân dân xã Phạm Xá, ở trong huyện, đến thưa với tôi rằng : "Bản xã có ngôi miếu thờ thần thượng đẳng Triệu Việt Vương hoàng đế. Miếu ở vào chính giữa xã, phía trước có sông lớn làm án, phía sau có núi làm hình cáo trụ. Đồi trước trong xã có người đậu Đại khoa, làm quan giảng dạy. Có người đã đậu thượng xá sinh. Mọi người đều bảo đây là sự báo ứng của đền thiêng được đất.

Ngôi đền này lúc đầu mới dựng lên, mái lợp cỏ tranh, tường đắp đất. Vì chung phong tục còn chuộng chất phác cho nên sự sửa lợp lại còn đợi thời kì vậy.

Mùa xuân năm Đinh Dậu đời Minh Mệnh, đồng xã mới dựng được một toà điện chính lợp ngói. Mùa xuân năm nay (năm Mậu ngọ) lại mới xây được bức tường gạch, hai cột ở hai bên cũng đều xây bằng ngói, tuy là mười

phần tốt đẹp còn chờ ở tương lai, nhưng đã hư hỏng thì phải sửa lại, đã cũ thì phải làm mới thêm. Đây cũng là một cơ hội để mà làm mới.

Phương chi thói dân hoà mục nên tâm lòng tôn thờ cũng đồng nhau, của dân sẵn sàng nên qui mô xây đắp cũng chóng. Cái công thầm giúp của thần, cũng nên phải tôn quý mà ghi vào ngọc đá, cho nên xin bài văn để ghi lại".

Tôi rất vui vẻ nhận lời mà thuật lại những lời nói ấy ghi vào đây.

Bài văn bia ở chùa Phật xá Phạm Xá

Phía tây thành Nha có cái cầu bằng đá. Người làm cầu này là ông cựu Chánh tổng người Phạm Xá tên là Nguyễn Nghiêm đấy.

Ông già họ Nguyễn là người cẩn thận, chăm việc nông phố, không hay tranh cạnh với người khác, được hàng xóm khen là người ham làm điều lành.

Mùa xuân năm ngoái ông đã bỏ ra 4 sào ruộng đúc một pho tượng 9 con rồng bằng đồng, và một cái lư hương có hình con rồng bằng đồng dâng lên chùa. Lại đúc một quả chuông đồng dâng lên miếu.

Có người khuyên ông dựng bia, ông nói chưa được. Chùa và miếu còn cách nhau ở ngoài chỗ bệ tâm, còn có dòng nước chảy ngang.

Nay lại bắc cầu bằng đá, những vũng nước trước đổ ra sau khi ăn uống đều chảy xuống đó. Những bát nước sau khi cúng lễ cũng ngấm xuống đó. Dem bây giờ so với trước phong tục đã khác. Những người đi lại được thuận tiện đều vui vẻ.

Ông già họ Nguyễn xin tôi làm hộ cho bài kí. Tôi hỏi ông già họ Nguyễn rằng : "Có phải ông là người nhiều của mà hiếm con không ?" Ông già đáp: "Thưa phải". Tôi lại hỏi : "Ông muốn cầu thần cầu Phật để được cái còn hiếm phải không ?" Ông già đáp : "Lão quê mùa năm nay đã gần tuần "Cổ hy", lấy tuổi tác già nua này mà cầu cái quả phúc chưa có mầm mống thì làm thế nào được". Tôi nói : "Thế thì cái lòng của ông già tôi đã biết rồi, chỉ ham cái danh để lại cho đời sau mà thôi". Ông già họ Nguyễn chỉ cười mà không nói gì. Than ôi ! Ở đời bây giờ cái đáng lo không phải ở chỗ ham danh mà chỉ ở chỗ ham danh không tha thiết mà thôi.

Vì chung ở trên đời những người ham danh đều là những người bỏ thí mà không xén tiếc. Nhưng khi đã bỏ thí rồi lại bỏ đầu bắt dưới bỏ tiền ra một lần rồi thôi, ít kẻ có bụng giúp chúng sinh như Phật, chống tai nạn như thần, thường làm những việc phương tiện cho rộng rãi, đầy đủ do lòng ham danh không thiết tha cả đấy.

Nếu mọi người ham danh tha thiết như ông già họ Nguyễn, thì sau khi lo việc tế tự đã xong rồi thì chăm lo sửa sang các cầu đường không chỉ một làng mà thôi. Chỉ cho con đường giác ngộ thẳng như sợi dây vàng, cười lên mình con rồng ngọc mà thẳng tiên lên. Bài thơ "Chu đạo như chi" ở Kinh thi có thể đọc lên được thì ham danh có hại gì.

Ngày xưa Lưu Hoàng Kính cũng đã từng ham danh đầy, đã lên 70 tuổi trời còn cho 2 con trai, chính là sự báo ứng của ham danh đầy. Ông già họ Nguyễn tuy già nhưng còn thua tuổi họ Lưu, nếu quả thật có ham danh mãi mà không thôi, rồi đây thần Phật thưởng cho, biết đâu cái hiếm lại không được nhiều ư. Cái đó tôi đây rất trông mong cho ông già họ Nguyễn vậy.

Còn như cái tiếng để lại đời sau thì cái cầu đá nọ, cái tượng đồng chông đồng kia đã có bia miệng người ta khen ngợi luôn rồi, không cần phải đợi có bài văn bia của tôi mới nêu rõ nên được. Vậy có bài minh như sau :

Thần ư ! Phật ư ! Quả là thể vật ư ! Sao có khi lại như hình rời bỏ nhau ? Phật ư ! Thần ư ! Sao lại có lúc như hình thân cận nhau ? Phật không thể biết được., thần không thể lường được, mà nay danh có thể lấy được. Ta chỉ lấy sự làm điều lành làm vui, chẳng phải chỉ làm có một cái cầu mà thôi ư !

Bài này viết 6 ngày sau tiết trùng dương năm Nhâm ngọc niên hiệu Tự Đức. Người viết là Đỗ Huy Liêu đậu Đình nguyên Hoàng giáp.

Bài văn bia ở chùa xã Phúc Chỉ

Các giống vật đều có sự gặp gỡ của nó. Xã Phúc Chỉ trước có một tấm bia nằm không khắc chữ. Hỏi thì không ai biết là tấm bia ấy có từ năm nào đời nào cả.

Tôi bảo với ông Tú tài họ Nguyễn, người trong xã ấy rằng : "Tấm đá này đại để là muốn ghi chùa này dựng lên từ bao giờ, sự ấy không biết cho lắm. Chỉ có phong thổ nhân vật ở xã này thì đáng ghi mà thôi.

Tôi xem mạch đất của xã này từ núi Gôi chuyển đến hình thế cao rộng, ở hai bên thì có hai hồ Nhật, Nguyệt, ở phía đông nam của chùa thì lại có ao sen, nước thường không khô. Có một lùm tre nhiều thứ loài hỗn hợp hơn 10 mẫu. Mỗi khi có gió nhỏ thổi vào thì nghe tiếng rì rào như như tiếng ngọc, vì chung ở đây là chỗ đất thiêng.

Trong chùa có hình vị của quan Thái bảo đời Trần. Phía đông chùa có nhiều đá khác nhau. Đám đất này bốn phía đều cao, còn ở giữa lại trũng xuống như hình cái bờ tường. Hoặc giả ngày xưa đã có người làm nhà ở đây chăng ? Ở đây hoa sen, hoa dâm bụt và hoa mẫu đơn đều là sắc trắng, bởi bản tính ưa thích như thế.

Xã cũ tên là Phúc Long, đến khoảng niên hiệu Minh Mệnh triều Nguyễn mới đổi là Phúc Chỉ. Còn khoa mục thì từ đời Nhã Đạo tiên sinh, giám sinh đời có lệ về sau nay lại mới thấy. Đây là nên ghi chép mà thôi.

Nhà người là học trò tôi, do đó tôi sở dĩ đến đây mà biết được đại lược. Tôi nêu lên, còn nhà người thì khắc vào, thì tấm đá này may mà được gặp tôi. Vậy bài thơ như sau :

*Thử đi tìm kiếm những nơi danh việc cố sắt ,
Xanh tươi sâu đẹp tốt cho sự lên cao ngắm cảnh.
Nhà Phật vương ở ngoài hồ sen trắng,*

*Thần Thái Bảo dựa vào bóng tre xanh.
Mùi mầu hoa cỏ mở con mắt tục,
Hai hồ Nhật, Nguyệt soi vào lòng người,
Đất thiêng sinh ra người giỏi không phải là lời nói suông.
Mạch văn mở mang ra tôi mừng từ nay.*

**Người làm bài văn này là ông Hoàng giáp đậu khoa Mậu tuất,
Hàn lâm viện thị độc, hiệu là Nghĩa Trai họ Phạm Kính.**

Huyện Nam Trực

Hạt này triều Lý thuộc phủ Hải Thanh, Trần Thái Tông đổi làm Thiên Thanh (Theo Lĩnh Nam chích quái) đến Trần Thánh Tông đổi là Thiên Trường. Năm Vĩnh Lại thứ 5 thời thuộc Minh đổi làm Phụng Hoá (Theo Thiên tử vĩ bệnh toàn thư). Đến đời Lê lại đổi là Thiên Trường, thuộc tỉnh Nam Định (Đời Tiên Lê là Sơn Nam Hạ, đời Nguyễn vẫn theo thế. Năm Minh Mạng thứ 3 đổi làm trấn Nam Định, năm Minh Mạng 12 đổi là tỉnh Nam Định).

Còn huyện Nam Trực, từ đời Lê về trước là Tây Chân, sau vì phạm húy Tây Định Vương (chúa Trịnh) mới đổi là Nam Chân. Đến đầu Nguyễn vẫn theo thế. Năm Minh Mạng 14 quan tỉnh dâng sớ xin lấy từ sông Phù Kim (nay là xã Phù Ngọc) về phía Nam, đặt làm huyện Chân Ninh (nay đổi là Trực Ninh). Từ phía Bắc trở lên vẫn làm phần đất Nam Chân.

Phía Đông giáp huyện Giao Thủy (các xã Từ Quán, Quy Hậu), phía Tây giáp huyện Vụ Bản (các xã Bách Cốc, Quả Linh), huyện Đại An (ở phía hữu sông là xã Cốc Thành, ở phía tả sông là xã Trạng Vịnh), phía Nam giáp huyện Trực Ninh (các xã Diên Lạng, Quĩ Đê), phía Bắc giáp huyện Thượng Nguyên (các xã Bái Trạch, Bảo Đôn).

Năm Tự Đức 11 đổi Thiên Trường làm Xuân Trường. Năm Tự Đức thứ 32 lấy huyện Phong Doanh, ý Yên thuộc Ninh Bình lấy huyện này tháp vào phủ Nghĩa Hưng.

Năm Thành Thái thứ 2 đổi làm huyện Nam Trực. Toàn huyện có 7 tổng, 83 xã, thôn, trang.

Thành trì

Thành huyện Nam Trực cũ đời Lê ở xã Cổ Chủ, tổng Diên Hưng (nền cũ nay nhân dân đã làm nhà ở hết). Đầu triều Nguyễn ở xã Bách Tính, tổng Cổ Nông.

Hiện nay huyện lỵ có thành đất cao 13 thước, mặt 4 thước, chân 8 thước, bề rộng vuông vức mỗi chiều 70 trượng. Bốn phía đều rào tre gai. Phía hữu giáp khu dân cư, đều là đất bằng. Phía tả giáp sông Ngọc, sông Hoàng (?) rộng 1 trượng 3 thước. Có khi nước lên sâu đến 4 - 5 thước. (Dòng phá đã nói rõ ở trong điều khoản sơn, xuyên). Có một cái cầu đá, thông vào ngoài cửa huyện. Trong có một toà công đường, tường gạch, lợp

ngói. Còn các nhà tư thất, trại lệ (lính lệ do xã Bách Tính sở tại cung cấp) và các trú sở khác đều lợp bằng gianh.

Năm đầu hiệu Thành Thái ghép gạch cửa thành cao 1 trượng 5 thước, rộng 1 trượng, ngang 6 thước 7 tấc. Nhà học của huyện ở bên hữu ngoài thành. Năm Thành Thái thứ 12 (?) mới xây thêm một giảng đường ở phía trước.

Sông núi

Huyện Nam Trực không có núi cao, chỉ có một giải đất cao từ các xã Bách Tính, Thứ Nhất qua 6 tổng đến hạt Đại An, Trực Ninh. Những nơi ruộng thấp và những gò đất ở hai bên phải trái, có khi nổi lên những cồn cao nhưng không bao nhiêu như 5 ngón tay ở Cổ Lũng (Rộng 5 sào, tròn nhọn và cao vút lên có 5 đỉnh như 5 ngón tay, đỉnh Tam Thai ở Tây Lạc, các đỉnh "quần tinh hội giảng" (các đỉnh bày hàng ra từng cái một) làm cảnh tốt đẹp nho nhỏ cho các nhà phong thủy.

Nhà văn chỉ hàng huyện ở xã Cổ Nông có đủ các thứ tán, câu đối, tiểu dẫn (do ông Nghè Ngô Thế Vinh ở Bái Dương soạn).

Bài tán của vì chính như sau :

Lớn thay đạo thánh nhân ! Rộng mênh mông như bể đại dương, để sinh nuôi muôn vật, cao đến tận trời. Do đó mà thanh danh tràn ngập Trung Quốc, ra đến các nước mọi rợ.

Những chỗ mà xe, thuyền có thể đi đến nơi được, sức ngựa lưu thông được, có trời đất che chở, mặt trời mặt trăng soi đến, được sương mù tắm rưới được. Hễ những người có huyết khí thì đều tôn thờ. Cho nên nói rằng thánh nhân là ngang với trời.

Các câu đối ở miếu như sau :

Cao sơn ngưỡng chi, cảnh hành hành chi ;

Giang Hán trạc chi, thu dương bộc chi.

(Trông lên như núi cao, trông vào như sao sáng ;

Tắm gội sông Giang Hán, phơi phóng dưới bóng nắng thu.)

Dương hồ đại tai, Đông lộ đạo nguyên đàm lĩnh biến ;

Nghiêm nhiên dịch nhược, Nam Chân văn miếu đối thiên trương.

(Rộng lớn lắm thay, nguồn đạo đất Đông Lộ ngấm ra ngoài năm vịnh;

Thật là nghiêm chỉnh, nhà văn miếu của huyện Nam Chân lâu dài sánh với cùng trời đất.)

Bài tán của Đông phôi :

Tứ vật tòng sự, chúng nhật bất vi, phát dương thánh uẩn, dĩ khai lai ty, ngũ hiếu văn mệnh, nhất quán thức truyền, học tạ thủ ước, thể dụng dĩ tuyên.

(Theo làm việc 4 điều phải tránh (* Tứ vật : 4 điều chớ nên là không phải lễ thì chớ mong, chớ nghe, chớ nói, chớ hành động). Trọn ngày nghe theo không phản ứng, phát huy được những sự nhiệm màu của đạo thánh, để mở mang cho sau này.

Năm hiếu (hiếu của Thiên tử, của chư hầu, của khanh tướng, của đại phu, của thứ dân) nghe mệnh, một suốt vâng truyền, học theo ở chỗ gìn ước, thể dụng được vẹn tuyền).

Câu đối như sau :

*Thánh môn giúp phụ câu vô thiếu ;
Đạo thống chân truyền đản hữu quy.
(Cửa thánh giúp vua đều không thẹn;
Nguồn đạo phật truyền tin có nơi).*

Bài tán của Tây phối :

Trung dung nhất bộ, khu nự duy thành xiển dương gia ; Học thuật trước vị minh, ngưỡng thuật Đường, Ngu, phú bài Dương, Mặc, Tam thánh đồng công, chiêu thủy vọng cực.

(Một bộ sách Trung Dung, then khoá chỉ ở sự thành thực, mở mang đạo học của cha, trước thuật bảo là rõ sáng. Trông lên thì thuật theo nhà Đường, nhà Ngu, ngó xuống thì bài xích họ Dương, họ Mặc, ba thánh chung công, sáng chói để lại đời sau không cùng).

Câu đối như sau :

*Nghi thủy Đông sơn đồng phái mạch ;
Thánh mô hiền phạm hữu chân truyền.
(Nước sông Nghi, núi Đông Sơn, cùng chung một phái mạch ;
Khuôn đấng thánh, mẫu kẻ hiền đều có dòng truyền chân chính).*

Bài tán của bực hiền triết :

Thánh vực hoàng thâm, tựu thám lý quật. Duy tiết, duy hiền, thẳng đường nhập thất, hậu tiên tiếp võ, Thù, Tứ chi giang. Đấng cao hữu tự, tịch bí Đông Sơn.

(Cõi thánh sâu rộng, đến dò hang lý, chí thánh, chí hiền, lên nhà vào cửa, trước sau nối tiếp, ở khoảng sông Thù, sông Tứ, lên cao có chỗ bắt đầu, từ núi Đông Sơn kia).

Bài tán của bậc tiên nho :

Nhật nguyệt chi minh, phí bà phí nhị, duy thị chân kiếp nại áp kỳ phương. Thương hải chi đại, vạn phái nhất khoa, duy thị thiên thiếp, nại dương kỳ ba.

(ánh sáng của mặt trời, mặt trăng soi đôi, chẳng phải gần, chẳng phải xa, chỉ có thấy được thật rõ, mới nhận lấy được toàn thom. To lớn bao la như bể Thương hải, muôn phái một dòng, chỉ có khéo bơi lội, mới dương được sóng lớn).

Bài tán của các bậc đại khoa ở trong huyện được thờ tự :

Trần Lê chi thịnh, thiên khai trị, bình, đản gián nhiệm phu, tài vị thế sinh. Bàng trung long hổ, thần hoa đản thanh, bách bách thế thượng hạ, duật tuân hữu thanh.

Sơn xuyên chi anh, chung vi nhân kiệt, hoài bão ký hoành, anh hoa phát việt, tổ tôn phụ tử, tiền quang hậu huy, nguy khoa hình hoãn, vị việp chiêu thủy.

(Đương buổi nhà Trần, nhà Lê còn thịnh, trời mở cảnh thái bình, sinh xuống người tôi hiền, vì đời mà sinh ra người tài. Ròng, hồ ở trong bảng, thần hoá ra màu đỏ màu xanh, trên dưới trăm đời, đều để lại tiếng tốt.

Khí sáng của sông núi, đúc lại làm người hào kiệt, ôm ấp đã rộng, tươi tốt phát sinh, ông cháu cha con, trước sau chói lọi, khoa cao quan to, rục rờ để lại đời sau).

Câu đối ở miếu như sau :

Nam Việt hữu bang, túc xứng văn hiến;

Đông A nhi hậu, kế phát khôi nguyên.

(Nam Việt có nước gọi là văn hiến đã sớm ;

Từ đời Trần về sau, nối tiếp có bậc khôi nguyên).

Bài tán của các bậc trung khoa trong huyện :

Duy liệt tiền bối, phát tác nho lâm, thu vi bạt giai, danh tự chí cảm, thông tịch thanh triều, thủy phương vọng huyện, lưu tự sơn xuyên dĩ tăng ngưỡng luyên.

Hoè vi độc bộ, quế tịch đồng khoa, ký thặng u quốc, diệc thế kỳ gia, hậu tiên tiếp võ, uy hữu huy hoa, chi điệp tự tai, phong thanh doãn hà.

(Các bậc tiền bối trước, nổi tiếng rừng nho, đậu ở bảng thi hương, tên họ truyền đến ngày nay. Làm quan ở triều đình, tiếng thơm để lại hàng huyện. Lâu dài mãi mãi với non sông, càng thêm trông nhớ.

Bước một mình ở vị hoè, nghĩa đồng khoa trong sổ quế, đã được vinh ở nước cũng truyền đời ở nhà, trước sau nối bước, rục rờ sáng chói, sổ còn ghi lại, tiếng tăm rất xa).

Câu đối như sau :

Tòng thánh hiền môn hộ trung lai, tướng truyền chính mạch ;

Do khoa mục thảo đề nhi xuất, tỉnh trước đề danh.

(Ở trong cửa thánh hiền mà ra, truyền nhau mạch chính ;

Do đường thẳng khoa mục mà đến, đều rõ họ tên).

Bài dẫn giải tên họ, biệt hiệu của các bậc tiên nho đại khoa như sau :

Nam Chân là một huyện lớn, ngày xưa gọi là Tây Chân, đến đời cuối Lê mới đổi là Nam Chân, lúc đầu triều Nguyễn vẫn để y như thế. Đến khoảng năm Minh Mạng, các quan tỉnh Nam Định tâu xin cắt lấy từ sông Phù Kim về phía Nam, đặt làm huyện Chân Ninh, còn về phía Bắc, cứ để là Nam Chân, chia hạt bắt đầu từ đấy.

Các bậc khoa bảng văn thân ở huyện này xưa nay họp làm hội văn, dựng lên nhà văn thánh. Hàng năm cứ đến hai kỳ xuân, thu là làm lễ cúng tế Tiên thánh sư và các bậc tiền triết, có đem các đại khoa, trung khoa ở trong huyện vào phối hưởng.

Năm Quý Sửu Tự Đức thứ 6 mới dựng lên ở Văn miếu một toà chính tâm. Phụng chính tự như cũ, ở hai bên phải trái đều có một toà nhà ngang, nhà bên tả thì đặt bài vị các bậc đại khoa, nhà bên hữu thì đặt bài vị của các bậc trung khoa vào tòng tự.

Hai kỳ xuân thu, hễ đến ngày đình là tế tự, đến ngày nguyên đán thì đốt hương cúng lễ. Bắt đầu từ năm Giáp Dần. Còn ở huyện Chân Ninh thì đã

dựng nhà Văn miếu ở trong hạt và cũng đã rước các bậc đại khoa tiên nho ở trong huyện vào tòng tự.

Thế Vinh chúng tôi đây thấy trong sổ cũ chỉ viết qua loa quan hàm, danh hiệu mà thôi, còn sự trạng lý lịch đều thiếu sót nhiều.

Ôi ! Thanh danh của các bậc tiền bối để cho người sau chiêm ngưỡng, nước ta ghi chép thiếu sót, không có liệt truyện chí biểu, để nêu rõ những sự tốt đẹp của người trước. Cái phần này chỉ chép rời rạc một vài hàng chữ, làm cho người ta rất buồn về nó.

Vả lại như Hiến Giản đại vương đời Trần, chính là người Thượng Lao, thật là người đậu đồng khoa với ông đại khôi họ Đào, mà ông lại là người chết trung nghĩa vì nước, nghìn năm về sau còn có sinh khí lẫm liệt, nhưng chỉ vì khoa thứ, quán chỉ không được rõ ràng, làm cho sổ sách hàng huyện không liệt vịu vào đâu, để đem cúng tế sơ sài, không chú ý đến. Thật là một điều thiếu sót lớn. Riêng tôi cho là không xứng đáng, nên cứ để tâm tìm tòi nhiều đường. Hễ thấy được những sự trạng gì của các bậc tiền hiền sót lại là biên chép ngay theo khoa thứ trước sau, hết như sổ cũ, quan hàm thì cứ theo lời giản tiện, viết lên bài vị, còn đại lược sự trạng thì đều chép kỹ vào sau, cho cẩn thận ở chỗ thờ. Ngõ hầu đến khi tìm được, thấy được rõ ràng. Để không quên cái lòng tôn kính như cao sơn cảnh hành khiến cho người sau có chỗ khảo cứu. Còn như nói đến rõ ràng thì phải đợi sưu tầm thêm đã.

**Bài này viết vào ngày sóc tháng trọng thu năm Giáp Dần Tự Đức thứ 7.
Người viết : Ngô Thế Vinh hiệu là Trọng Dực, người xã Bái Dương, đậu Tiến sĩ khoa Ất Sửu đời Minh Mạng.**

.....
Ở trong thành huyện có phụng thờ các đền miếu : đền Quan Công, đền Hưng Đạo Đại Vương.

Năm đầu hiệu Tự Đức dựng đền Bách Thần ở xã Trí An, để khi gặp có việc công, tiện việc cầu đảo. Các đền miếu trong toàn hạt thì có đền thờ vua Triệu Việt Vương, đền Cao Sơn, các vị thần dương ở Đông hải cộng 95 sở, lại còn Nam Hải Liễu Hạnh công chúa các vị thần âm cộng 15 sở, đều có sắc phong, cùng với các chùa phật, thể chế tuy có lớn nhỏ không đồng, nhưng đều có một mạch sơn long tốt cả.

Đền như đền Đông ở tổng Cổ Gia thờ Trạng nguyên họ Vũ, Hoàng giáp họ Phạm, và đền 4 xã cùng thờ Bạng nhãn Lê Hiến Giản công xã Thượng Lao với em ruột là Tiến sĩ Lê Hiến Tứ công (Sự tích đều đã chép rõ ở mục nhân vật).

Miếu thờ Cổ Tung - Huệ Tộ Đại Thánh Thiên sư. Ông là người họ Bùi xã Trực Chính thuộc bản huyện. Năm Đinh Dậu hiệu Gia Thái đời Tiền Lê, ông đắc đạo ở Tây Trúc, lội nước leo núi, dẫu chân đi như tiên bay, ông thường trú ở chùa Thủy xã Cổ Tung, dựng lên quán Thừa Lương, soạn ra sách Ký đăng lục (nguyên bản còn chép đề ở miếu), đúc chày Kim Cương bằng đồng (còn để thờ tại miếu). Vua Lê Thần Tôn phong làm Hoà thượng Thiên sư. Năm Tân Tỵ hiệu Dương Hoà ông thiêu hoá ở đền, những người

đến xem ai cũng cho là lạ. Năm Cảnh Hưng 44 ông được sắc phong làm Đại Thánh Thiên sư. Lâu nay đều được sắc phong.

Đền thờ Thọ Tung tiên Lê hương công, Bùi Xả Trai tiên sinh : Ông hiệu là Phúc Nhân, huý là thần Ngọc Chi, dân xã dựng miếu lên thờ, thường khi có việc, đến cầu cúng xin thuốc, được nhiều linh nghiệm, được tặng phong sắc. Trong miếu có câu đối như sau :

Nhất điểm linh đài kim diệp cổ ;

Thiên thu chính khí tử nhi sinh.

(Một điểm linh đài, nay nhưng xưa ;

Ngàn thu chính khí, chết mà sống).

Những người trên đây đều là những người có sự tích hiển hách ở trong huyện hạt, rất là kỳ lạ.

Tre xanh ở Bình Viên :

Cái vườn ở phía sau đền Trạng nguyên Cổ Da rộng chừng hơn 2 mẫu. Thời Tiên Lê, tre xanh tốt như rừng. Trái 60 năm tàn tạ chỉ còn một cồi sống leo heo. Khoảng 30 năm lại đây, lại sinh sôi nảy nở ra, ngày càng tươi tốt đẹp nhất vùng ấy.

Bụi rậm xanh ở đồng bằng :

Các xã Trí An, Thứ Nhất, Thanh Khê, Y Lư, Tang Trữ, Cổ Tung có một cái gò lớn, cây cối sầm uất, hoặc 5, 6 mẫu, hoặc 2, 3 mẫu, có khí tượng rất đẹp.

Sông lớn (có 2 dòng)

a - Sông lớn ở phía hữu : do hạ lưu sông Nhị Hà chảy vào trong hạt. Duy có xã Thứ Nhất giáp sông, địa phận tiếp huyện Giao Thủy : hai xã Quy Hậu (trước là Quy Phú), Tương Nam (trước là Tương Đông) ở ngoài. Đến cử sông Đào thì thông vào địa phận huyện hạt.

b - Sông lớn ở phía tả : do hạ lưu sông Hoàng, giáp xã Thượng Nguyên và Bái Trạch. Phần sông của huyện hạt, trên từ xã Đông Gôi, men theo các xã Kinh Lũng, Thi Nam, Sa Lung, đến xã Dương Độ, giáp xã Cốc Thành huyện Đại An, suốt đến sông Tam Kỳ. Lại bờ bên tả, từ thôn Sa Trung, giáp địa phận xã Phú Cốc, huyện Vụ Bản, men qua các xã Đồng Mỹ, Thi Liệu, xuống đến xã Cổ Bản, giáp phần sông xã Trạng Vịnh thuộc huyện Đại An.

Sông vừa (có 2 dòng)

a - Sông Ngọc : phía đông giáp đê sông lớn, thuộc địa phận xã Bách Tính, men qua các xã Trí An, Hưng Độ, Cổ Chử, Thượng Nông, Cổ Nông, Đồng Quĩ, Đạo Quĩ, Nam Trục, phía Tây đến xã Lạc Chính, giáp sông Tam Điền.

b - Sông Đào : phía Đông Nam từ xã Trục Ngọc Tĩnh, men qua các xã Phù Ngọc, Nam Hưng, Cổ Chử, Thượng Nông, Giáp phần sông thuộc huyện Trục Ninh.

Bến đò ngang : (có 3 sở)

- Một bến ở hai xã Đông Gôi, Đồng Mỹ.

- Một bến ở hai xã Thi Nam, Thi Liệu.

- Một bến ở hai xã Sa Lung, Cổ Bản.

Cầu đá : có 14 cái.

Cầu gỗ : có 8 cái.

Chợ : có 9 cái :

- Chợ Bách Tính (tiếp giáp với xã Trí An nên gọi là chợ An), thuế hạng nhất.

- Chợ Quỳ (ở giữa hai xã Ngọc Tỉnh và Xuế Tây), thuế hạng nhì.

- Chợ Thượng Nông thuế hạng ba.

- Chợ Bái Dương, Hiệp Luật (ở xen vào giữa hai xã ấy), thuế hạng tư.

- Chợ Trục Chính thuế hạng năm.

- Chợ Gia Hoà thuế hạng năm.

- Chợ Vân Cù thuế hạng năm.

- Chợ Đồng Quỹ thuế hạng năm.

- Chợ Tây Lạc thuế hạng năm.

Chợ Vân Tràng (chợ này hạng năm chỉ họp ở dọc đường một lần, vào ngày 8 tháng Giêng khoảng vài giờ mà thôi).

Đường sá :

Trong huyện hạt, đoạn trên từ phía hữu, từ tổng Cổ Gia đến các xã Cổ Nông, Liên Tỉnh, Diên Hưng, dưới đến địa phận tổng Bái Dương, ở đoạn phía tả, từ tổng Thi Liệu xuống đến địa phận tổng Sa Lung.

Từ thành huyện đi ra phía tả, do cầu đá ở bên sông Ngọc xã Bách Tính đến chùa Ngọc Na, chuyển đến "Đường Vàng" xã Thứ Nhất, qua hạt huyện Giao Thủy, men theo các xã Đồng Lư, Cao Lộng, Đỗ Xá, Lạc Đạo, đến phố Mã Dao, suốt các xã Vô Hoạn, Đồng Phù, Địch Lễ thuộc huyện Thượng Nguyên, và các xã Phong Lộc, Lương Xá thuộc huyện Mỹ Lộc, qua bến đò Vị Hoàng, đến tỉnh dài 31 dặm. Đi bộ mất chừng 5 giờ.

Nếu đi tắt, từ đường ngang xã Thứ Nhất, qua các xã Cổ Chử, Đạo Nghĩa, Lạc Đạo thuộc huyện Giao Thủy, đều là đường nhỏ, rồi sang đường quan phố Mã Dao, thì nhanh hơn đường kia chừng 1 giờ.

Thay đổi :

Hạt huyện Nam Trục từ năm Minh Mạng thứ 14, cùng với huyện Trục Ninh làm phân hạt, hiện còn 6 tổng là Cổ Nông, Bái Dương, Cổ Da, Thi Liệu, Sa Lung, Diên Hưng. Đến năm Thành Thái thứ 4 lại chia tổng Cổ Nông thêm tổng Liên Tỉnh thành 7 tổng 83 xã, thôn, trang, ấp. Đổi tên có ít, lược kê như sau :

- **Tổng Cổ Nông** có 11 xã, thôn. Xã Hưng Đệ nguyên xưa là xã Vinh Hùng, năm đầu hiệu Thành Thái chia ra làm xã Hưng Nghĩa. Tổng Liên Tỉnh với tổng Cổ Nông mới chia đặt ra, hiện có 7 xã, thôn.

- **Tổng Thi Liệu** có 12 xã, thôn. Trong tổng có xã Gia Hoà nguyên trước là xã Ngân Già, đổi là Tề Cách, lại đổi là Gia Ngân. Nay là Gia Hoà, tục gọi là làng Già.

- Xã Trục Chính trước là xã Châu Đàm, sau đổi là Chân Nguyên, lại đổi là Chân Chính, nay là Trục Chính. Trong xã có những tên như Giáp Nhất, Giáp Nhì, Giáp Ba, Giáp Tư.

- Xã Thi Liệu trước là Đô Liệu, tục cổ gọi là Nam Hà, Ba Lô. Nay chia làm xã Thi Nam.

- Xã Vân Tràng trước là Bà Tràng.

- Xã Cổ Bản trước là Cổ Đê.

- Xã Nguyệt Mai trước là Thi Mai.

- **Tổng Bái Dương** có 17 xã, thôn, trang.

- Xã Hiệp Luật trước là An Lũng. Xã Bái Dương với xã Hiệp Luật ở xen kẽ nhau tục gọi là làng Gián.

- Xã Lạc Chính có 2 thôn, năm Thành Thái thứ 2 chia làm xã Lạc Thiện.

- **Tổng Cổ Da** có 7 xã. Xã Cổ Da tục gọi là làng Na.

- **Tổng Sa Lung** có 10 xã, thôn, trang. Xã Yên Lung trước là Cẩm Lung. Xã Giao Cù trước là Khang Cù.

Toàn huyện bạc thuế cộng 25.417 đ 42 xu. Hời xưa thuế tiền 137.816 quan 8 mạch.

Bạc công sưu 7.058 đ.

Thuế chợ 828 đ. Thuế đò ngang (năm nay, Thành Thái thứ 5, trước ngạch chưa rõ).

Phụ chép nguyên ngạch 83 xã, thôn, trang thuộc 7 tổng như sau :

+ Tổng Cổ Nông : 11 xã, thôn, trang là :

- Các xã Cổ Nông, Thượng Nông, Trí An, Bách Tính, Diên An, Hưng Đễ, Hưng Nghĩa.

- Các trang Hưng Nhượng Thượng, Hưng Nhượng Trung, Hưng Nhượng Hạ, Thượng Nông.

+ Tổng Liên Tỉnh có 7 xã là : Liên Tỉnh, Du Ty, Thượng Lao, Hạ Lao, Nhuế Trì, Nhuế Thượng, Nhuế Tay.

+ Tổng Thi Liệu có 12 xã, thôn là :

Thi Liệu, Thi Nam, Trục Chính, Kinh Lũng, Nguyệt Mãi, Thanh Khê, Cổ Bản, Đồng Gôi, Gia Hoà, Vân Tràng, Đồng Mỹ và thôn Sa Lung.

+ Tổng Bái Dương 17 xã, thôn, trang là :

- Các xã Bái Dương, Đạo Quĩ, Tang Trữ, Lạc Thiện, Lạc Chính, Cổ Lũng, Hiệp Luật, Đắc Sở, Thạch Cầu, Nam Trục, Ngoại Đê, Phục Nông, Trung Khánh.

- Các trang Đồng Quĩ, Lạc Chính.

- Các thôn : (?)

+ Tổng Diên Hưng có 19 xã, thôn, trang là :

- Các xã Diên Hưng, Đô Quan, An Nông, Bằng Hưng, Phù Ngọc, Cổ Chủ, Nam Hưng, Quần Lao, Ngọc Tỉnh.

- Các trang Diên Hưng Thượng, Diên Hưng Tiền, Diên Hưng Hậu, Đô Quan Trung - Thượng, Đô Quan Hạ, Cổ Chủ, Nam Hưng Thượng, Nam Hưng Hạ, Ngọc Tỉnh, Thiều Dương.

+ Tổng Cổ Da có 7 xã là Cổ Da, Cổ Tung, Thọ Tung, Ngưu Trì, Thứ Nhất, Y Lư, Lạc Na.

+ Tổng Sa Lung có 10 xã, thôn, trang là các xã Sa Lung, Tây Lạc, Giao Cù, Vân Cù, Yên Lung, Đồng Lạc, Hà Liệu, Dương Độ, trang Sa Lung và thôn Thượng Đồng.

Nhân Vật :

Đời Trần có 1 Bảng nhãn, 1 Tiến sĩ.

Đời Lê có 1 Trạng nguyên, 2 Hoàng giáp, 6 Tiến sĩ.

Đời Nguyễn có 2 Tiến sĩ.

Đại khoa :

- **Lê Hiến Giản** : người xã Thượng Lao, đậu Bảng nhãn năm Long Khánh thứ 2 (1374) đời Trần Duệ Tông, làm quan đến Đại học sĩ, Tri thẩm hình viện sự. Hồ Quý Ly chuyên quyền làm ngang, ông cùng Giản hoàng lo mưu giết Quý Ly. Gặp khi Quý Ly đi vào phủ công, ông sai môn khách cầm dao đâm Quý Ly, bị Quý Ly bắt được, ông ngửa mặt lên trời mà than rằng :

"Thôn nhận trừ gian thiên địa bạch ;

Nhất tâm báo quốc quý thần tri ".

(Tác kiếm trừ gian trời đất biết ;

Một lòng báo nước quý thần hay).

Rồi bị Quý Ly giết chết. Giản hoàng ban cho áo quan bằng đồng, quách bằng đá và lễ vật rất hậu để chôn cất. Bạn đồng niên với ông là Hoàng giáp Trần Tuấn người xã Thượng Cốc tổng Thư Lâm có điệu ông một bài thơ như sau :

Tử chí hiếu, thân chí trung

Quang nhạc tuy phân kim cổ đồng

Thiên tai hưu đàm thành bại sự

Nan nhâm sái lệ khắp anh hùng.

(Làm con tận hiếu, làm tôi tận trung.

Tam quang, ngũ nhạc tuy đã chia, nhưng xưa nay vẫn như nhau.

Nghìn năm khoan bàn việc thành bại

Đây khăn thấm ướt nước mắt khóc người anh hùng).

Nay 4 xã trong tổng đều có miếu thờ ông và rất linh thiêng.

- **Lê Hiến Tư** : là em Lê Hiến Giản, anh em cùng đậu một khoa. Ông đậu Tiến sĩ. Đánh dẹp giặc Chiêm Thành có công, có miếu thờ ở xã Thượng Lao. Thời Lê Chiêu Tông, nhà Mạc cướp ngôi, Thái tử cùng Thái úy Nguyễn Kim đem quân đến đóng ở trước miếu, đêm nằm mơ thấy thần dâng mũ ngọc, xin giúp việc quân, sau quả ứng nghiệm. Đến khi Thái tử lên ngôi, làm vua Trang Tông, gia phong cho ông 4 chữ : *Quan phục linh ứng*. Trước miếu thờ có được lệ quốc tế.

- **Vũ Tuấn Chiêu** : người thôn Xuân Lôi, xã Cổ Da. Làm nhà ở phường Nhật Chiêu, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên (nay là huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức). Ông đậu Trạng nguyên khoa át Mùi năm Hồng Đức thứ 6 (1475) đời Lê Thánh Tông. Năm ấy ông đã 51 tuổi. Vua đích thân ra bài thi lấy việc "ngày xưa trị hoá được long thịnh, nói về vua thì ắt khen Nghiêu, Thuấn, nói về tôi thì ắt khen Cao, Quỳ làm đề án ". Bài văn thi Đình của ông

ngày nay vẫn còn. Bản huyện đưa ông vào thờ ở nhà văn miếu hàng huyện, đồng Cả và ở xã đều có miếu thờ.

- **Võ Công Kiệt** : người xã Sa Lung, đậu Hoàng giáp đời Tiền Lê, làm quan đến Cấp sự trung.

- **Phạm Khắc Thận** : người xã Cổ Tung, đậu Hoàng giáp khoa Quý Sửu năm Hồng Đức thứ 24, khi ấy ông 28 tuổi. Vâng mệnh đi sứ Trung Quốc cầu phong. Làm quan đến Lễ bộ Thượng thư, ngoài 70 tuổi về hưu. Bấy giờ có giặc ở Vạn Kiếp nổi lên, ông lấy học trò thì như Hàn Dũ đời Đường, lấy tài thì như Khổng Minh đời Hán, vâng mệnh đem quân đi đánh giặc. Bị giặc bao vây bốn phía, ông quân ít, thế cô, không chống cự được, bị giặc giết chết. Tại Kiếp Bạc và ở bản tổng đều có lập đền thờ, rất là linh ứng. Có câu đôi thờ ở miếu như sau :

Giáp khoa vịnh ký Tung sơn cổ ;

Chính khí trường lưu Kiếp hải đông.

(Giáp khoa ghi mãi ở Tung sơn xưa ;

Chính khí còn hoài ở phương đông Kiếp hải).

Hán thế văn chương sinh Giả Nghị ;

Dương già tiết nghĩa tử Trương Tuân.

(Văn chương như Giả Nghị sống đời Hán ;

Tiết nghĩa như Trương Tuân chết đời Đường).

- **Ngô Bật Lượng** : người xã Bái Dương, đậu Tiến sĩ đời Tiền Lê, sung Chánh sứ đi sang nhà Minh. Làm quan đến Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu, Binh bộ Thượng thư, Phụng Công hầu, về hưu.

- **Nguyễn Quốc Bửu** : người tỉnh Hải Dương, làm nhà ở Cổ Lung, đậu Tiến sĩ đời Tiền Lê, làm quan đến Đô đài Ngự sử.

- **Nguyễn Công Bật** : người xã Khang Cù (nay là Giao Cù) đậu Tiến sĩ đời Tiền Lê, làm quan đến Lại bộ Tả thị lang. Tương truyền, khi ông đi thi, có thần dẫn đường. Người sau dựng miếu thờ, tôn làm *Ngô lộ Đại vương*, thường có nhiều việc linh ứng.

- **Ngô Đình Thục** : người xã Bách Tính, thi Hương đậu Giải nguyên, thi Hội đậu Tiến sĩ đời Tiền Lê. Làm quan đến chức Triều liệt đại phu, Đông các đại học sĩ, tước Diên Trạch bá.

- **Hoàng Vĩnh Trân** : người xã Nam Trục. Khi xưa họ Hoàng ở xã Hoàng Mai dời đến, ông Phúc Nhân người đến đầu ở trong ấp này. Bấy giờ nước lụt, có một bức tượng gỗ trôi dạt vào đỉnh núi Ngũ Kim Tinh, ông mới lập chùa lên thờ phụng. Một hôm ông thấy một cụ già ngồi ở chùa Kim Đài ngâm rằng: "*Văn hay, phú hay, lục hay, cơm ăn hai bữa dạy tới ngày*". Ông lấy làm lạ, liền mời về nhà dạy con học. Qua 3 năm, hỏi tên họ quán chỉ đều không trả lời. Đến khi từ già ra về, đưa đón tiền của đều không nhận gì hết. Các con ông đi theo đến chùa Kim Đài, ông già ngồi ngâm rằng: "*Làm đủ 3 nghìn số, học hết 3 nghìn chữ, mặc theo ý ta tiêu dao*" rồi biến đi mất. Mới biết là người thần.

Họ Hoàng nổi đời đậu bảng Hương. Ông cùng anh là Quốc Đình đều đậu trường thi Hương. Ông đậu Tiến sĩ thứ tư khoa Kỷ Hợi đời Lê Cảnh

Hung, được ban cờ biển vinh quy, lại thêm cho hai biển "*Giáo tử đấng khoa*" và "*Song thân cự khánh*". Ông làm quan đến Hiến sát sứ Kinh Bắc.

Lúc bấy giờ quân Tây Sơn hãm thành, ông giữ vững không chịu ra, bị giết chết. Triều đình khen là trung, ban cho nhiều đồ đem về chôn cất. Dân lập đền thờ, cầu cúng đều được ứng nghiệm.

- **Ngô Thế Vinh** : người xã Bái Dương, đậu Cử nhân khoa Mậu Tý và Tiến sĩ khoa Kỷ Sửu đời Minh Mạng triều Nguyễn. Làm quan Lại bộ Lang trung.

Ông là người học thức, có nhiều chỗ độc đáo, thường ghét lối văn chương cượng sáo của khoa cử khuôn khổ chật hẹp. Hết sức góp ý với bộ Lễ, nên sửa đổi lại quy chế văn bài, thể thức các lối thi, về thơ phú thì nên theo quy chế nhà Đường, về văn sách thì nên theo lối thi Trạng nguyên đời Minh, đời Thanh. Được bộ giao cho soạn các mẫu văn, ông đều tự mình tìm tòi lượm lặt, biên soạn ra cả.

Khoa thi Hương năm Giáp Ngọ, ông được sung làm giám khảo trường Hà Nội. Cùng với đồng chức Giám khảo là Phạm Đình Thoan can án cải phê quyền thi của viên Cử nhân Đậu Hồi Nguyên, bị cách chức.

Sau khi về nhà chăm lo việc giảng dạy, học trò có hơn 1000 người, đậu Cử nhân trở lên có hơn 60 người. Bảng nhãn Phạm Thanh, Thám hoa Nguyễn Khắc Đản, Hoàng giáp Bùi Đức Khiêm, Tiến sĩ Nguyễn Thế Trị, Tiến sĩ Đỗ Phát, Phó bảng Nguyễn Dụ, Tổng đốc Vũ Trọng Bình đều là những học trò nổi tiếng ở trường ông cả đấy.

Ông có ý muốn san định lại các sách ngũ kinh, tứ thư để tiện cho các người sơ học, nhưng mới được hai bộ Trung dung, Đại học, soạn thơ được 72 quyển.

Năm Tự Đức thứ 4, phái người đi tìm sách, ông đã viết lại và đệ lên. Còn hai bản *Trúc Đường tùy bút* và *Nữ huấn tân thư* vẫn còn bản thảo.

Năm Tự Đức thứ 9, quan tỉnh dâng sớ cử ông làm Đốc học, ông được vào kinh ứng chế. Được khôi phục hàm Tiến sĩ. Đến nay dân vẫn phụng thờ.

- **Vũ Hữu Lợi** : người xã Giao Cù, đậu Tiến sĩ khoa át Hợi đời Tự Đức, làm quan đến Quang lộc Tự khanh, Binh bộ Biện lý.

Trung khoa :

Đời Tiên Lê đậu nho sinh trúng thức 5 người, Hương cống 59 người. Triều Nguyễn đậu Hương cống 6 người (từ khoa Đinh Mão đời Gia Long đến khoa át Dậu đời Minh Mạng gọi là Hương cống), Cử nhân 55 người (từ khoa Mậu Tý đời Minh Mạng về sau gọi là Cử nhân) trong đó có 3 Giải nguyên.

Sự nghiệp của các vị Trung khoa đời Tiên Lê :

- **Trần Bính** : Hương cống đời Lê, người xã Vân Tràng. Từ nhỏ có tiếng thông minh, hễ học sách gì, đọc một lần nhớ ngay. Mọi người gọi là thần đồng. Năm 20 tuổi đậu Hương cống khoa Canh Tý đời Cảnh Hưng.

Năm Mậu Thân, Dụ Hoàng nhà Lê đem quân về nước, bổ cho ông làm chức Tham tán dinh quân Tả Nhuệ. Quân Thanh bị thua, Dụ hoàng chạy sang Trung Quốc, ông đi theo ngựa giá, không tìm được đường, trốn về dạy

học trò. Bị quân Tây Sơn tìm bắt được, cho làm Đốc đồng Sơn Tây, ông không chịu nhận, uống thuốc độc mà chết. Ông Hoàng giúp họ Lê ở Hải Hạnh đề câu đối ở đền ông như sau :

Lâm hồ kỳ kích liệt chi phong tử bào ngã kích ;

Ngật diên vu điện ách chi tế thiên trụ địa duy.

(Nghiêm kính thay có tác phong như sóng cồn lửa cháy, cung bào của anh, cái kính của tôi;

Đứng vững chãi ở giữa lúc nghiêng đổ, vững cột trời bên giềng đất).

- **Nguyễn Thượng Nghi** : xã Đồng Quỳ, Giám sát ngự sử.

- **Phạm Đôn Chính** : xã Hiệp Luật, Thái bộ Tự khanh.

- **Nguyễn Sĩ** : xã Thượng Nông, Thanh hình Hiến sát sứ.

- **Trần Thứ** : xã Thứ Nhất, Tán trị thừa chính sứ.

Sự nghiệp của các vị Trung khoa đời Nguyễn :

- **Đoàn Xuân Đàm** : xã Trục Chính, Hương công khoa Quý Dậu đời Minh Mạng, Đốc học Phú Yên.

- **Đoàn Xuân Thường** : xã Trục Chính, Cử nhân khoa Mậu Tuất, Đốc học trấn Sơn Nam.

- **Vũ Túc** : xã Bái Dương, Cử nhân khoa Mậu Ngọ đời Tự Đức, Bộ chính sứ.

- **Nguyễn Ngọc Chấn** : xã Tang Trữ, Cử nhân khoa Mậu Ngọ đời Tự Đức, nổi tiếng thanh liêm ngay thẳng trong triều, làm quan án sát sứ Bắc Ninh. Nay ở nhà dạy con cháu, vui với tân khách, tuy là vui cái cảnh gia đình êm ấm, nhưng cũng không quên cái công việc chăm lo đồng áng, khuyên bảo làng nước châu huyện, làm một người rất có phẩm vọng ở trong hàng huyện, hàng tỉnh.

Những người phụ nữ có tiết nghĩa:

- **Đỗ Thị Tâm** : xã Nguyệt Mãi, lấy Tú tài Nguyễn Đình Đức, người xã Tang Trữ, sinh được một con trai là Nguyễn Tất Thường, rồi chồng mất. Bà mới 21 tuổi, chịu ở goá, giữ tiết thờ chồng nuôi con. Khoa Giáp Thân Kiến Phúc năm đầu, Nguyễn Tất Thường thi đậu Cử nhân, đến năm Thánh Thái thứ tư, ông Thường đi thi Hội đậu luôn 4 trường, mẹ 68 tuổi, lòng băng tóc tuyết, làm người vị vọng. Thật là đáng làm gương cho những người phụ nữ.

- **Nguyễn Thị Ân** : xã Gia Hoà, lúc trẻ tuổi có sắc đẹp. Trong một ngày mà có 9 người đến hỏi. Cha hỏi rằng : "Con chọn người nào ?". Bà đáp : "Con trông vào cha, việc đó do cha định liệu". Cha bà mới gả bà cho người đến hỏi trước là Cao Văn Đàm. Sau Đàm làm đến suất đội, được thưởng 4 đồng ngân tiền hiệu Phi Long.

Lúc chồng bà bị bệnh nặng gần chết, bà nói với chồng rằng : " Nếu có mệnh hệ thế nào thì nhất định thế nguyên không lấy người khác nữa". Lúc chồng chết, bà mới 22 tuổi, có một con trai là Cao Văn Nhượng. Bà ở goá nuôi con thờ chồng, chăm chỉ làm ăn, giữ tiết nghiêm chỉnh, tự đem đồ áo mặc cũ của chồng để lại, treo gối đầu giường nằm, lúc nằm, lúc ngồi không bao giờ quên sự tôn kính. Nay bà đã 65 tuổi, con bà đã có cháu rồi. Bà theo

nghĩa Tông thất và vẹn được đạo Tam tông. Vậy chép vào đây để làm gương.

Phi tần triều trước :

ở xã Thanh Khê tương truyền có miếu bà nguyên phi đời Lý. Nguyên bà là con gái họ Vũ, lúc sinh ra có điềm tán mây, lúc đầy khi đi khi ở, gió không vào, mưa không ướt, sương không thấm vì được làm nguyên phi nhà vua. Đi thuyền hoá thành tiên.

Nay dân lập đền thờ, ông Tiên sĩ Phạm Nghĩa Trai có soạn bài bi ký.

Phong tục :

Trong huyện hạt, các xã Cổ Nông, Thượng Nông, Bách Tính, Trí Yên, Hưng Đễ (thuộc tổng Cổ Nông), Bái Dương, Tang Trữ, Cổ Lũng, Nam Trực, Thạch Cầu, Hiệp Luật, Đông Quỹ (thuộc tổng Bái Dương), Thi Liệu, Cổ Bản, Nguyệt Mai, Vân Tràng, Trực Chính, Thanh Khê, Gia Hoà, Kinh Lũng, Đông Gôi (thuộc tổng Thi Liệu), Nam Hưng, Đô Quan, Ngọc Tỉnh, Phù Ngọc, Bằng Hưng, Cổ Chử (thuộc tổng Diên Hưng), Cổ Da, Thứ Nhất, Cổ Tung, Thọ Tung (thuộc tổng Cổ Da), Sa Lung, Vân Cù, Tây Lạc, Giao Cù, Hà Liêu (thuộc tổng Sa Lung), Liên Tỉnh, Thượng Lao, Xối Thượng, Xối Tây, Xối Trì, Du Đông (thuộc tổng Liên Tỉnh) đều ham chuộng văn học.

Tương truyền đời Tiền Lê, có ông Hoàng giáp họ Phạm ở Cổ Tung, nguyên quán xã Ngưu Trì, bị bọn cường hào bỏ làm người ngoài ở cư, có ý khinh bỉ, do đó mà nhà văn học của xã ấy bị sa sút, thua kém, làm cho các xã lân cận phải kiêng răn (Việc này thấy ghi trong gia phả ông hương cống họ Đỗ huy ở xã Cổ Da). Gần đây xã ấy lập miếu thành khẩn cầu cúng nên đã được chứng giám phần nào.

Con trai tráng ở các xã Đông Mỹ, Gia Hoà, Thạch Cầu theo tục cổ, ham chuộng nghề đánh vật, thường đi đánh vật phô nghề để lấy giải thưởng chứ không phải ham chuộng nghề võ.

Xã Gia Hoà, đời Tiền Lê có đảng nghịch tụ họp, lệnh trên ban xuống chém giết gần hết. Sau đó có ông Đô đốc Huân Quận công họ Nguyễn người tỉnh Bắc Ninh, chiêu phủ dân về ở, có công lớn. Đến nay làm sinh nở thành một ấp thịnh vượng.

Các nơi như trại Cổ Bản, xã Lạc Chính, Cổ Tung thịnh thoả vẫn có quân gian nhóm họp, gần đây trừng trị nghiêm ngặt, đều đã yên ổn. Còn như các lễ quan, hôn, tang, tế, cầu phúc, mở hội đều theo lệ định của nhà nước do bộ Lễ lục tổng ra và đều theo sách Gia lễ của Chu Văn Công. Còn các đình, miếu, đền, chùa ở dân gian thì cứ 3 năm hoặc 6 năm mở hội một lần rước thần, ca hát làm vui, còn giữ lễ cổ.

Ngoài ra, các nơi hoàn toàn theo đạo Gia Tô như các trang Hưng Nhượng Thượng, Hưng Nhượng Hạ, Diên Hưng Tiên, Diên Hưng Hậu, xã Nam Hưng và một số nơi có một số ít người theo giáo như các xã Bách Tính, Thứ Nhất, Cổ Da, Ngưu Trì, Lạc Na, Gia Hoà, Kinh Lũng, Chi Nam, Sa Trung, Sa Lung, Hà Liêu, Tây Lạc, Yên Lung, Hiệp Luật, Nam Trực, Đạo Quỹ, Ngoại Đê, Trùng Khánh, Phù Ngọc, Liên Tỉnh, Xối Tây, Xối Thượng, Xối Trì đều tuân theo tục lệ của bản đạo.

Các câu phương ngôn, ngạn ngữ, ca dao làng xóm nghe được đôi câu xin chép ra đây :

- *Nam Trục thất cổ* : Cổ Da, Cổ Tung, Cổ Lung, Cổ Nông, Cổ Lễ, Cổ Chủ, Cổ Giả. Nay xã Cổ Lễ và Cổ Giả trích về huyện Trục Ninh. Vì phong tục còn thuần phác, cho nên gọi là cổ, thấy trong bài văn bia của xã Cổ Tung.

- *Nam Trục tiến sĩ, Đồng Quĩ tiến triều* : Đồi Lê xưa xã Nam Trục có ông Tiến sĩ Hoàng Vĩnh Trân danh giá ở triều đình. Xã Đồng Quĩ có người nhà giàu nạp tiền được tiến triều phong tước.

- *Bạc làng Mai* (xã Nguyệt Mai), *dại làng Đồng* (xã Đông Gôi).

- *Làng Vân lò rèn* (xã Vân Tràng), *làng Sen go khổ* (xã Liên Tỉnh).

- *Chợ Gián vải tốt* (chợ Gián ở xen vào giữa 2 xã Bái Dương và Hiệp Luật), *chợ An lựa bền* (chợ Bách Tính ở giáp cận xã Trí An).

ở các xã Cổ Da, Ngư Trì phụ nữ qua lại hỏi han thường có câu nói "giáng nọ giáng láy" khác với các hạt khác.

- *Chùa Bi gần với đền Gian*

Đất thiêng như vẽ mấy ngàn năm nay.

- *Thành Nam là nhất Nam Chân,*

*Đường Vàng, sông Ngọc quên dân tốt
lành.*

Cổ tích :

(Mắt trang 66 trong nguyên bản)

.....
*Phiên phiên hiện thế cao đê thạch
ẩn ẩn năng ngôn hiểu mộ chung
Minh cánh đài lưu hồ phiến thủy
Kim liên hương khởi thụ vi phong
Phượng tường di cốt đó như thử
An vấn nhân công dữ hoá công.
(Nghe nói cửa thiên sắc ấy không
Bồi da đất trứng nửa rêu phong
Lờm chờm đời nay đá cao thấp
Vời vợi biết nói chuông sáng tối
Đài Minh Kính còn lưu lại bờ miêng nước
Hương Kim Liên nổi lên cây gió nhỏ
Phượng bay để xương lại đều như thế
Hỏi làm gì thợ người hay thợ người)*

Di tích của nhà sư Minh Không :

Nhà sư Không Lộ ngày xưa người xã Đàm Xá, huyện Gia Viễn, thường câu cá ở khe núi Tai Mèo, chèo thuyền câu ra ngoài cửa Thần Phù, thẳng đến huyện Tây Chân (nay là huyện Nam Trục), thường đem đến bán ở các chợ Liên Tỉnh, Nhượng Đông, lấy hòn đá gánh cho cân với đó cá. Hòn đá dài hơn 10 thước, rộng 5 thước. Đi đường hòn đá bị rơi, ông tức giận lấy chân đá làm cho hòn đá thủng xuống chừng một tấc. Nay hòn đá ấy vẫn còn.

Khoảng năm Thiên Tường Đại Khánh, ông cùng Từ Đạo Hạnh, Nguyễn Giác Hải kết làm bạn đạo, đến học ở chùa Vân Mộng, thầy dạy cho phép thần thông. Được 3 năm đều xin thầy ra về.

Đạo Hạnh muốn thử thuật pháp của mình mới hoá ra con cọp để dọa Minh Không. Minh Không cười nói : "Nhà ngươi tu hành lại muốn làm cọp ư ?" Đạo Hạnh xấu hổ, từ tạ nói rằng : "Sinh phải nghiệp chướng khác, xin ra tay giải cứu cho". Đạo Hạnh về núi Phật Tích, còn Minh Không thì về chùa Giao Thủy.

Sau nghe nói Đạo Hạnh giáng sinh làm Lý Thần Tông, mắc bệnh găm thét như hổ, uống thuốc mãi không lành. Có đồng giao hát rằng : "Muốn chữa bệnh cho nhà vua, thì phải mời Nguyễn Minh Không".

Triều đình nghe được mới sai sứ đến rước, Minh Không lấy nồi nhỏ nấu cơm, lấy một con chim sẻ nhỏ làm thức ăn, để khoản đãi 300 thủy thủ.

Các thủy thủ đều ngủ say, chỉ nghe dưới thuyền có gió lạnh buốt. Đến sáng thì thấy thuyền đã về đậu ở bên kinh đô rồi.

Minh Không đi trên không vào cung, sai người lấy một cái vạc lớn, đổ dầu vào nấu sôi lên đem tắm cho Lý Thần Tông và nói thuyết nhân quả của kiếp sống trước, bệnh vua mới khỏi.

Vua phong cho ông làm Quốc sư, lấy 200 hộ để thưởng công. ở khắp các chỗ danh lam đều có sự tích khảo cứu được, như chuông Phổ Minh ở chùa Báo Thiên, chuông Phổ Lại ở chùa Quỳnh Lâm đều do Minh Không phổ khuyến lấy đồng ở kho công Đại Minh ra đúc cả đấy.

Có bài thơ như sau :

Miêu linh hoành lường xuất hải tân

Chu trình thuận tức bạc Tây Chân

Điều can phao hậu thân nhi Phật

Ao thạch dua lai cước hữu thân

Tiếp sư phạn oa truyền bí quyết

Y quân du đỉnh tĩnh tiền nhân

Thiên gia tứ khí tướng chân ảo

Dẫn ký Tràng An Đàm Xá nhân.

(Núi Mèo cầu ngang bắc ra ngoài bốn bề

Đường thuyền chóc lát đã đến bên Tây Chân

Cần câu vớt rồi mình là Phật

Lỡm đá để lại vết chân có thần

Nồi cơm tiếp sứ truyền lại bí quyết

Vạc dầu chữa bệnh cho vua, nhắc lại nhân duyên trước

Bốn cái đồ của nhà Phật chân hay ảo

Chỉ nhớ ông là người xã Đàm Xá ở Tràng An).

Con cóc bằng bạc của Đông Minh :

Dưới triều nhà Đinh, có người Tàu tên là Đông Minh, đi đến địa phận xã Vĩnh Hưng (nay là Hưng Đệ), thấy một nơi đất có nhiều cây cỏ thụ rườm rà, rậm rạp, bằng phẳng rộng rãi, hai giếng như mắt rồng làm án ở phía trước, có khe nhỏ như hồ ngọc chảy bọc ra ngoài, trong mắt nom thấy,

phong cảnh ưa người, liền dựng lên một ngôi chùa lấy tên mình là Đông Minh làm biển ngạch.

Trong chùa có con cóc bằng đá dài độ một thước, rất là linh thiêng, không ai giám phạm đến.

Cuối đời nhà Lê, có một người Tàu đi đến chỗ ấy, trở vào con cóc mà nói rằng : "Ông tổ ta để mày ở đây đã lâu, trong bụng mày cất dấu gì, trả hết lại cho ta, không được dấu nữa". Nói xong thì con cóc đá nghiêng răng kêu két một tiếng, rồi bụng vỡ toang lò ra bạc ròng hơn 800 lạng.

Người Tàu lấy xong, sửa sang lại chùa chiền rồi đi. Ông thầy chùa sợ mất tích liền thuê người đúc một con cóc bằng sành thay vào đấy. Sau này mọi người đi qua, thấy di tích con cóc bạc, ai cũng cầm bút đề thơ. Có một câu như sau :

*Can đảm sâu tùy ngân khách khứ
Tinh thần phân phó ngoạ thêm lai.*

(Gan mật vôi theo khách bạc đi
Tinh thần chia phó cóc sành lại).

Lại có bài thơ như sau :

*Đào chú sinh lai bát tự văn
Diện đương long nhãn ngạo phong trần
Nguyệt minh đồng khí như tương phỏng
Vụ sái vô tâm vi hữu thân
Nhập đạo am tùy kim thú hoá
Trấn môn nghi dự thạch sư lân
Trân tàng cận nhật vi thời dụng
Phi tận trung can hướng chủ nhân.*

(Rèn đúc sinh ra tám chữ văn

Dương mặt mắt rồng ngạo nghễ với gió bụi

Trăng sáng đồng khí như cờ hỏi nhau

Mưa rưới vô tâm bảo là có thân

Vào đạo thâm theo hoá ra thú vàng

Gửi cửa tướng cũng giống như sư tử đá

Giấu của quý, gần ngày đem ra dùng với thời

Phoi hết lòng trung hướng tới chủ nhân).

Khánh đá chùa Kim Khai :

Dưới triều nhà Trần, ở thôn Đông Thượng xã Bách Tính. người đào giếng đào được một tảng đá dài chừng 10 thước. Đánh vào thì có tiếng kêu như tiếng chuông lớn. Nhân thế mới gọi là khánh đá. Mới dựng lên nhà cửa ở phía trước, lầu khách ở phía sau, rường cột đều sơn son thiếp vàng. Cho nên gọi là chùa Khai Kim.

Cuối đời nhà Lê, nhân dân trong thôn đều theo đạo, bỏ chùa, những người qua lại thấy vậy ai cũng ngậm ngùi. Có bài thơ như sau :

*Tạc thành nghi tự bích san lai
Xuất tính y nhiên khánh nhất mai
Hương bí cự lô kinh diệm hoá*

*Hình lưu sơ nguyệt bán thương đài
Phật tướng báu khí tùy yên một
Nhân tích kim thanh vị địa mai
Đáo xứ nhận phi phu tử trạch
Kinh kinh thủy thị hữu tâm tài.*

(Tạc nên sự nghi ngờ từ núi biếc đến
Lấy dưới giếng lên y nguy là một cái khánh
Tiếng kêu như sấm lớn, đã trải qua lửa đúc
Hình còn để lại như mặt trăng đầu tháng, một nửa bị rêu phong
Phật đem đồ quý mờ theo bóng khói
Người tiếc tiếng vàng sẽ bị đất vùi
Đến chỗ nhận không phải là nơi vườn của Phu Tử
Tiếng kêu keng keng, đây là ai có lòng chứ).

Tiếng chuông chiều ở núi Na Sơn :

Chùa Na Sơn ở phía Bắc huyện, trở lưng về đồng bằng có bụi rậm, trở mặt về một cái khe nhỏ nước trong như hồ ngọc, lâu đài nghi ngút, không biết dựng lên từ thuở nào ? Các vẻ sang, chất đẹp thường đến thăm và trú ở luôn. Trời chiều bóng xế, nghe được, ai cũng động lòng. Có bài thơ đề vịnh như sau :

*Sâm sai lâu quán ngọc hồ biên
Thùy bá hàn chung khấu vãn thiên
Nhiều thú xao truyền mê thụ sát
Diệp kinh hương tán mộ hương yên
Cận thối phiến nguyệt lãng yên cổ
Thận tổng thanh phong đảo khách thiên
Nhập định dĩ phao trần tục mền
Hoà vân vô ý nảo thuyên quyên.*

(Nhấp nhô lâu, quán ở bên hồ ngọc
Ai đem tiếng chuông lạnh gõ ở cửa thiên buổi chiều
Nhiều con kinh vòng quanh, làm xôn xao lẫn cây chùa
Tiếng vang của con thuyền làm tan khói hương buổi tối
ở gần, tiếng trống tiêu lung lay bóng nguyệt
ở xa, hơi gió mát đưa đến vị khách
Lúc đã ngồi yên tụng kinh, để quên hết niềm tục
Mây hoà, không có ý làm buồn khách thuyên quyên).

Tháp cổ ở xã Thanh Khê :

Gần chùa xã Thanh Khê có một cây cổ thụ, chu vi thân cây chừng vài trượng, không biết đã mấy trăm năm rồi.

Khoảng năm Mậu Dần đời Tự Đức, người ta định chặt cây ấy. Lúc rìu búa bổ vào, phát ra tiếng như tiếng người khóc. Làng cho là cây đã thành yêu, nhất định chặt đi. Nhà sư ở chùa ngăn lại không được.

Trong chốc lát, cây đã đổ xuống, tháp cổ trời ra vuông chừng một thước. Cạo rêu xanh đi thấy có một hàng chữ triện như sau :

"Năm Dương Hoà thứ 7, Đàm công tên là Phúc Thụ, hiệu là Huệ Văn Thần đồng bồ tát".

Bên trong có một cái hộp nhỏ đựng than xương. Mọi người đều lấy làm hối hận, nhưng đã quá muộn. Ai cũng tỏ ý ngậm ngùi rơi lệ, chim chóc cũng tỏ tình buồn chán.

Nhà chùa mới cùng vài ba ông lão lấy gạch xây kín lại như cũ. Nhà chùa khóc lóc nói rằng : "Nhân sinh hình hoá, rõ trước mặt, cả đời tu luyện, có để làm gì ? " Nhân đề một bài ngũ ngôn tứ tuyệt như sau :

Y hi hã nhân tai

Duy am tàng xá lợi

Sinh vi hữu đạo tăng

Tử vi vô tự quý

(Ôi ! Kẻ kia là hạng người như thế nào

Tro tàn của thân thể còn để lại trong am

Lúc còn sống làm một nhà sư có đạo

Đến khi chết làm một con quỷ không ai thờ cúng)

Lại có một bài thơ như sau :

Tiêu sâm có tự ý trùng lâm

Thụ đao băng cầu xuất thụ âm

Kình tế phủ điêu phùng xích hữ

Hà nhân tinh tự dĩ đài xâm

Vô y sâu nhập thu minh suất

Cứu khổ bị sinh vạn chuyển tâm

Tà giáo quy thiên hương hoả đoạn

Đương sơ vị tất liệu tran tâm

(Sum suê chùa cổ dựa vào rừng rậm

Cây ngã.....)

.....

(*Nguyên bản mất một trang 74*)

(Tượng vàng thắm che tấm ảnh bằng áo tơ

Nén hương đem kín tiếng địch lúc ban đầu

Tiếng thiêng truyền bởi các cô lão hương thấp luôn

Nguyện ứng con tốt, ruộng vừa tinh

Danh thắng không cần bàn đến rộng hay hẹp

Chùa Quỳnh Lâm chơi nguyệt một cánh cửa thiên).

Khe rét Mỹ nữ :

Dưới triều Trần, xã Thượng Lao có ông Lê Hiến Giản đậu Bảng nhãn, làm quan đến Hiến sát sứ. Lúc mất, quan đồng quách đá, táng ở gần khe, có 4 nàng hầu nữ đẹp phải chôn theo.

Trải qua các triều đại ban lễ tế tự, phong tặng chức Hiến Giản đại vương.

Lúc trước ông có đào một cái khe nhỏ, giáp phần sông Cổ Lễ chảy vào, thuyền lâu chiếu hát, gái đẹp đầy tràn. Thật là :

Son phấn đua theo bầu chú quý
Lụa là thường tới bận vườn xuân
Cuộc đời như giấc mộng !
Vui thú được bao lắm !
Mà khe suối đã vội thành dâu bể vậy ?
Người đời đi đến đây, tiếc cho bông xuân
Không trở lại, nhân thế mà đặt cho khe này cái tên là khe Mỹ Nữ
Than ôi ! Hằng nga bỏ đi đâu, chỉ còn để lại dòng nước trong xanh.

Có bài thơ đề vịnh như sau :

Giang phân thất luyện chính thương mang
Sơ tạc nguyên tàng Hiến Giản vương
Cầm bại đảo truyền lưu thủy khúc
Đại tàn chủ áp lạc hoa hương
Hằng nga đảo ảnh ngưng trang cách
Thiếu nữ thê thanh thổ đoạn trường
Hoành trạo nhu di hà xứ khứ
Mạn kê thu vụ khắp Ngưu lang.
(Sông chia tâm lụa chính bao la
Đào khơi nguyên từ Hiến Giản vương
Dần xong sóng dội khúc lưu thủy
Phấn phai suối chảy rụng hoa thơm
Hằng nga bóng xế soi hình dáng
Gái trả lời buồn đứt ruột gan
Tay chèo mềm trắng đi đâu mất
Đầy khe mưa thu khóc chàng Ngưu).

Hiển thánh ở Trà Khê :

Kiều Công Hãn là bộ tướng của Ngô Hậu Vương. Cuối đời Ngô tự xưng là Kiêu Tam Chế, cùng bọn Ngô Xương Xý, Phạm Bá Hổ, gọi là 12 sứ quân, tự xưng hùng trưởng với nhau, chia cắt đất nước, ông chiếm giữ đất Phong Châu.

Đến khi Đinh Tiên Hoàng kéo đến đánh, ông bị thua. Ngày 10 tháng 12 ông chạy qua đất Tây Chân. Trong trường tranh đấu, ông không chịu làm tướng quân đầu hàng tuy cưỡi ngựa ôm đầu chạy, nhưng tinh phách vẫn còn không tan. Khi chạy đến chợ Bái Dương, ông thấy một bà già đón đường, ông hỏi rằng : "Như tôi còn có thể sống được nữa không ?" Bà già đáp rằng : "Chỉ nghe nói có đầu mà chết, chứ không nghe nói đứt đầu mà sống. Nếu đứt đầu mà sống, thì không thể có đầu mà chết được ". Nói xong bà biến mất. Ông mới buông tay rơi xuống đất. Phút chốc, kiến mối vun cát đắp thành mộ. Từ đó về sau thường có linh ứng. Nhân dân lập đền lên thờ, trên vách vẽ con ngựa khoẻ, phía ngoài thờ bà cụ.

Tại ngôi đền ở xã Thượng Đồng có hai cây tử lớn, thủy thần thường dâng nước lên đánh ở khoảng cây tử, có dấu dây thùng lặn vết còn y.

Lại tục truyền rằng : Ngày xưa mẹ ông bị chết đuối là vì con cá xanh làm hại. Ông rất căm thù. Cho nên bữa ăn thường hay dùng cá. Đến nay những ngày dỡ chạp người ta thường dùng cá xanh để cúng.

Một hôm mua cá, khiêng đi qua dưới cây đa ở miếu Đồng Côi ở xã Trí An, cá bỗng bị rơi xuống đất. Một chốc sau, cây đa bị gió bão thổi ngã. Rồi vị thần ở đây mượn miệng dân làng mà truyền rằng : "Hôm trước bị vị linh thần Bái Dương khiển trách, các người phải sắm lễ tạ ". Dân mới biết nguyên có cây đa bị ngã.

Có bài thơ đề vịnh như sau :

Phong châu thành quách dĩ khâu khur

Miếu vụ y nhiên mã tích dư

Phân phó thủy tinh đồng tử thụ

Quyền hành mộc toái dự thanh ngư

Do sinh my mục lưu đồng tượng

Vị tử can trường tại sử thư

Túng sự lão âu ngôn bất quá

Anh hùng sự nghiệp cách hà như.

(Thành quách Châu Phong đã biến thành gò cồn

Nhưng đền miếu của ông vẫn còn trơ dấu ngựa

Phân phó cho thủy thần và thần cây tử

Cần nhắc sự làm gỗ của cây tử với cá xanh

Tai mắt như còn sống lưu ở tượng đồng

Gan ruột chưa chết, còn chép ở sử xanh

Phỏng khiến lời nói của bà cụ già không quả quyết

Thì sự nghiệp người anh hùng sẽ như thế nào ?)

Bà đỡ ngủ dậy :

Bên ngôi đền phúc thần xã Đồng Côi có cái miếu công chúa. Công chúa ngày xưa là con gái họ Nguyễn, một nhà có tiếng tăm nhất trong làng. Rất là xinh đẹp, bị chết năm 18 tuổi. Rất là linh ứng. Dân làng lập đền thờ.

Năm Gia Long thứ 2, dân làng bị bệnh dịch, đến cầu cúng thần. Bỗng nghe có tiếng nói : "Ta đây với công chúa có một sợi dây duyên kỳ lạ. Các người có thể làm người mới được không ?" Dân làng kinh sợ, đều quỳ sụp xuống lạy. Vâng mệnh sắm đủ lễ vật đền đước đến rước công chúa. Đây là đài phượng tốt đôi, đương cảnh làm người dân lành xứng đáng. Thật là trên đời chưa hề có bao giờ.

Chính là báo : "Há biết đâu được ý làm mây làm mưa, chẳng chỉ những là đỉnh núi Cao đường mà thôi".

Vào khoảng năm Gia Long thứ 15, một hôm có người đàn bà làm nghề đỡ đẻ ở trong làng đương đêm bỗng có người gõ cửa mời đi đỡ đẻ. Bà đi theo đến một nơi, tường rộng như trời, cửa sâu dường bể, châu thủy chen chân, ngọc ngà đầy mắt, ở trên ghé chạm rồng thấy có một người đàn ông khô vị ngồi đấy, bảo người hầu cửa dẫn bà vào.

Dưới bóng nến sáng choang, màn gấm mở ra, bà thấy một cô da ngà, vóc ngọc nằm ở trong, người hầu chỉ cho bà vào gần người ấy. Trong chốc

lát bà nghe có tiếng trẻ khóc oa oa, mới biết đã sinh rồi. Bà đỡ lấy tắm rửa xông hương. Người tiên nga bảo bà rằng: "Cảm ơn bà lão vất vả, chưa biết lấy gì báo đáp. Nay đêm còn dài, bà hãy tạm nằm nghỉ ở nhà ngoài đã".

Bà đỡ vâng mệnh nằm xuống, giấc ngủ đương say, không biết mặt trời đã lên. Bỗng thấy người làng đánh thức dậy thì thấy mình nằm bên mộ công chúa. Người ta hỏi duyên cớ, bà liền kể lại các việc xảy ra đêm qua. Người làng lấy làm kinh lạ mà nói rằng: "Thật ư? ảo ư?" Bà đáp lại rằng: "Âm dương hình hoá, việc thực mơ màng. Nào là thật ư, thì những việc chính mắt mình trông thấy nay biến đâu mất. Bảo là ảo ư, thì thân tôi sao lại nằm chỗ này?"

Vậy xin chép lại đây đủ để chờ người thức giả phán đoán.

Có bài thơ đề vịnh như sau:

*Nhất quyền thôi khởi thị hà nhân
Thụy giác phương thành ảo nhược chân
Xuất bảo chương hồn duy ánh lộng
Dục hồn lan thượng ám hương văn
Cam thanh nghi tự hài thanh lặng
Lộ trập phân minh nhũ trấp quân
Khước tiểu sinh châu thành vạn cảnh
Thừa long khuất chỉ thập tam xuân.*

(Một cánh tay đắc giậy ấy là người nào

Tỉnh giấc trở nên ảo như là thật

Ngọc chương mới lọt lòng ra bóng còn sáng sánh

Chậu tắm nước lan mùi thơm còn phảng phất

Tiếng chim mừng tượng như tiếng trẻ em khóc

Giọt sương rõ ràng như giọt sữa rơi

Chỉ cười sinh ngọc châu có khi quá muộn

Tính ra ngày cưới đã trải mười ba năm)

Cái bia cổ:

Tại đền Sứ quân xã Hiệp Luật có một cái bia đá cổ, hai mặt đều bị rêu phong, không còn có gì có thể khảo cứu được nữa. Ngoài ra như nêu đình, chùa, đền, cầu, cổng, các thứ... thì bình thường, cùng với những cái lâu ngày mòn hết, vẫn còn đủ, sẽ đính vào tập sau.

Mồ xưa:

1 - Mộ Nguyễn Công ở Thanh Khê: tương truyền rằng đời trước có mộ Nguyễn Công, tướng quân triều trước táng ở Thanh Khê. Còn sự trạng thì chưa rõ ra sao cả.

2 - Mộ Phạm Công ở Cổ Tung: mộ của ông chánh Tiến sĩ Phạm Khắc Thận và có tấm bia nữa.

3 - Mộ Thuyên công ở xã Bách Tính: ở xã Thứ Nhất đời Tiền Lê có người con gái họ Phạm lấy chúa Trịnh sinh ra Thuyên Quận công, thường khóc không nín. Có người ở xã Bách Tính tìm đến bế bồng thì thôi không khóc nữa.

Đến khi mất, chúa Trịnh thương nhớ, sai lập đền thờ ở xã Thứ Nhất. Phàm những văn bia, đồ tế tự đều dùng đá khắc rất khác lạ. Mộ chôn ở xã Bách Tính. Đặt nhiều ruộng tế.

Đến khoảng năm Tự Đức, sinh sự tranh giành có lệnh sức xuống bài triệt đi. Xã Thứ Nhất cho là thần cũ thiêng liêng nên còn để lại thờ tự.

Cổ thụ :

1 - Cây bồ quỳ ở miếu xã Hiệp Luật: Cây này ở trước miếu, rất cao, xanh, có từ rất lâu, đứng xa trông vào thấy cao vút lên một mình, không biết là đời nào.

2 - Cây long chò ở miếu Thượng Đồng : ở miếu thờ thần Long kiều xã Thượng Đồng có cây chò cao lớn, trước đây đã thấy đề vịnh về cây tử thụ.

Vào khoảng năm Bính Thìn Tự Đức thứ 9, nước lên to, thủy thần đem âm binh lên lấy cây gỗ chò. Đang đêm gió bão nổi lên, các nơi lân cận nghe như có tiếng trống chiêng gươm giáo đánh nhau. Trước miếu nước xối vào đất sâu thành đầm vực. Sáng ngày nước xuống, thấy trước miếu còn dấu vết, trên sông cá chết rất nhiều, trên cây gãy mất mấy cành, ở đáy có vết hình riu búa bằm xuống. Hiện nay còn nề gạch giữ lại làm vết tích cũ.

3 - Cây tùng ở chùa Tây Lạc : Trước chùa Viên Tiên ở xã Tây Lạc có một cây tùng. Tương truyền nhà sư Không Lộ ngồi trên đó xem trẻ con đánh vật với nhau. Một gốc hai thân, cả vòm xanh tốt, trông lên thấy tuồng như lấy kéo cắt.

4 - Cây thánh...

.....
(Nguyên bản mất ba trang 81, 82, 83)

Khi việc xong rồi, xin tôi soạn cho bài văn này. Tôi nghĩ rằng : thôn này mà dựng được cái văn chỉ này, cũng do ở trong thôn lo hết chí, mà ở ngoài thì lo hết vật, chứ không phải làm để lo cầu phúc. Nhưng sáng ra mà trông lên, tối về mà trông vào, trong danh giáo có chỗ vui vẻ, thì có thấy vật khác lạ lòng, cũng nhờ thôn mà không biến đổi tấm lòng đi được. Rồi đây nền văn hoá rục rờ như dấy lên, nhà nào cũng có người học hành, thi cử, đậu đạt thì chưa phải đã không phải do sự xây dựng nhà văn chỉ này mà gây mầm ra vậy. Há chi những một năm hai kỳ tế xuân thu đã có chỗ cung tường riêng, làm chỗ nhả quan cho một làng, một xóm mà thôi ư.

Vậy ghi lại đây và có làm bài minh như sau :

Tại bờ cõi huyện Nam Trực,

ở phía nam sông Ngọc (?)

Thuộc về Thần Hậu, (?)

*đấy là làng Trâu, Lộ**

Một lòng tôn sư,

trông mong có cung tường riêng

ở chỗ giữ ấp xây lên một văn chỉ

Dùng để làm nơi tế tự, lễ nhạc rộn ràng

Nay có nền văn hoá ở đây,

*Như núi cao, như sao sáng
Được các thánh giúp đỡ cho,
Đời đời phồn thịnh*

(Trâu : quê Mạnh Tử. Lộ : Quê Khổng Tử)*

Bài này viết ngày trong tuần tháng trọng đông, năm Tự Đức thứ 31.

Người viết : Đỗ Huy Uyển, Phó bảng, người xã La Ngạn, làm chức Biện lý Hộ bộ.

Bài bia ở chùa Đại Bi :

Ngã Nam minh sơn thanh thực chi khí, chung vi địa nhân giả đa hĩ. Kim chi Vĩnh Thuận an lạc, tư thánh sở giữ.

Thanh mộc Nam Chân huyện, Chân Đàm (Kim Trục Chính) xã

Thánh sư đắc tiên thuật, biến chi thiên hạ, Thương vàng

Vân Tràn xã, Kinh Lũng Thượng thôn, Cẩm Năng thôn, kiến phạm danh Đại Bi tự, lập hương ước, giao dân phụng thủ hứa Vân Tràng vi trưởng, Kinh Lũng Thượng thôn thứ chi, Cẩm Năng hựu thủ chi.

Kỳ tu lý : tắc tiền đường thuộc Vân Tràng, trung thuộc Kinh Lũng Thượng thôn, hậu thuộc Cẩm Năng thôn, chung cai, tam quan, hành lang tổ đường, đồng biện.

Ước thành, vang Sơn Tây Sài Sơn tự tu luyện yên. Tương truyền : Thánh sư Thái hoá vu thử tới vi linh dị.

Quốc triều Tự Đức ất Hợi, Vân Tràng xã tu lý tiền đường kim niên nhị nguyệt công thoan, quan, dân tĩnh thiện chư nhân quyên trợ lực giữ. Tú tài Trần Linh trung ngôn ư dư, nhân cụ kỳ ngôn, ty đấng vu Bi.

Tự Đức nhị thập cửu niên tuế Bính Tý, nhị nguyệt.

Bản tỉnh Đại An Tam Đẳng Mậu Tuất khoa đệ nhị giáp Tiến sĩ xuất thân, Hàn lâm viện thị độc học sĩ Phạm Văn Nghị soạn.

(Khí trong sáng của non sông nước Nam ta hun đúc nên người kỳ lạ rất nhiều. Tức như vị thánh họ Từ, sinh ra tại xã Yên Lạc, huyện Vĩnh Thuận là một.

Mẹ thánh là người xã Châu Đàm (nay là xã Trục Chính) huyện Nam Chân. Thánh sư học được phép tiên, đi chơi khắp thiên hạ. Thường đến các thôn Kinh Lũng Thượng, Cẩm Năng, xã Vân Tràng dựng lên một ngôi chùa đặt tên là chùa Đại Bi. Lập ra Hương ước giao cho dân giữ lấy. Trong Hương ước, cho xã Vân Tràng làm trưởng, thôn Kinh Lũng Thượng thư hai rồi đến thứ nữa là thôn Cẩm Năng.

Còn các công việc sửa sang : thì xã Vân Tràng sửa ngôi nhà trước, thôn Kinh Lũng Thượng sửa ngôi nhà giữa, thôn Cẩm Năng sửa ngôi nhà sau.

Lầu, gác, cửa Tam quan, nhà hành lang và nhà tổ thì sửa chung.

Lập Hương ước xong, thánh sư đến tu luyện ở chùa Thày tỉnh Sơn Tây.

Tương truyền : Thánh sư thác hoá ở đấy, rất là linh thiêng.

Năm Ất Hợi thời Tự Đức triều Nguyễn, xã Vân Tràng sửa sang nhà trước, đến tháng hai năm nay xong công. Đây là do các quan dân và thiện nam tín nữ quyên tiền góp sửa lại làm đấy. Viên tú tài Trần Linh nhờ tôi làm bài văn bia, tôi nhân nghĩ lại lời nói, mới viết lên bia.

Bài này viết ngày 20 tháng 2 năm Bính Tý Tỵ Đức thứ 29.

Người viết : Phạm Văn Nghị hiệu Nghĩa Trai, đậu Hoàng giáp khoa Mậu Tuất, người Tam Đăng huyện Đại An thuộc bản tỉnh, hiện giữ chức Hàn lâm viện thị độc học sĩ.

Bài bia ở miếu Thanh Khê :

Hải thượng tiên tử, nữ nhi tiên già, Lạc trung thần nữ, nữ nhi thần già.

Nại nhược sinh nhi anh, tử nhi linh, miếu vu kỷ áp nhi phúc cập kỳ dân, tư nhi thần tiên trung chí tối dị hồ.

Thanh Khê thần miếu, cai áp trương vũ tộc sở sinh, sinh nhi

.....
(Nguyên bản mất trang 87)

liêng, miếu dựng ở áp, mà có phúc với nhân dân. Như thế há chẳng phải là người rất kỳ lạ trong đám thần tiên đấy ư !

Vị thần ở miếu Thanh Khê là do họ Vũ ở trong áp ấy sinh ra. Lúc mới sinh ra đã thiêng lạ, có điềm tán mây. Lúc đầu được cho vào cung, sau được ở ngôi chính nguyên phi. Chẳng bao lâu, cưỡi thuyền đi chơi ở ngoài bể, được phép mà biến hoá. Sự việc xảy ra ở triều đại nào thì chưa rõ lắm. Đây chỉ nghe truyền lại như thế mà thôi.

Về phía tây của áp, có một nơi địa hình giống như hàm rồng, người xưa cho là hiển linh nên mới lập miếu lên thờ. Gần đây mới làm ba gian chính tẩm, đều bằng gỗ lim, nhưng chỉ lợp gianh và tô vẽ sơ lược mà thôi.

Năm nay mới sửa ba gian miếu trong. Nhà trước mới dùng ngói, quy chế dùng lẫn vật liệu cũ, đều lợp bằng ngói, xung quanh xây tường gạch và tô điểm thêm lên.

Tháng trọng xuân bắt đầu làm, đến tháng trọng hạ thì xong, đây là nhờ ơn trên giúp đỡ. Người trong áp lập bia ghi chép lại, nhờ tôi làm văn, tôi thuật lại đầy đủ công việc như thế, khắc vào bia.

Bài này viết ngày tốt, tháng trọng hạ, năm Đinh Mão, Tỵ Đức thứ 40.

Người viết : Phạm Văn Nghị hiệu Nghĩa Trai, đậu Hoàng giáp, hiện làm Hàn lâm viện thị giảng học sĩ.

Mục lục

Tựa	Trang
Nam Định tỉnh địa dư chí	1
Thành phố	3
Huyện Mỹ Lộc	5
Huyện Thượng Nguyên	13
Phủ Xuân Trường	17
Huyện Giao Thủy	19
Huyện Trực Ninh	25
Huyện Vụ Bản	36
Huyện Hải Hậu	46
Phủ Nghĩa Hưng	51
Huyện Phong Doanh	67
Huyện Ý Yên	77
Huyện Nam Trực	88

